

Tác Giả và Tác Phẩm

Huỳnh Văn Phú

Tiểu sử

Sinh năm 1940 tại Nha Trang.
Hiện cư ngụ tại thành phố Philadelphia, Pennsylvania, Hoa Kỳ.

Tác phẩm

Những chuyện kể của người đi giày chạt, Cõi người trong văn chương bình dân
Giày sô nói phét và đàn bà, Ở một nơi dễ tìm thấy thiên đàng.



Mục Lục

Vài hàng về tác giả - 2

Những vụ nổ của các kho đạn Long Bình và Cát Lái – 3
Kinh nghiệm sống của dân gian qua văn chương bình dân – 7
Chuyện những người để gần kho đạn - 12
Vài nét trào phúng trong văn chương bình dân – 17

Phụ đính I:

Chuyện những người có gắn cục pin ở...- Chuyện gói đầu
Đề em thấp thoáng bóng đèn...- Chuyện "Nghề Tổ"
Chuyện con trâu và chính sách "trước sau như một"

Phụ đính II:

Tỵ nạn ở Mỹ, sướng hay khổ ? – Những ngày đi may...
Nuôi con nên người - Một trường hợp bất hạnh - Người lạ đến câu!
Chị sui, anh sui...- Hai vợ, khổ lắm, trời ạ! - Người bắn cung quên dĩ vãng

(Tim bài đọc: ở "Keyboard", nhấn nút "F5", đánh số trang, rồi "Enter")

Vài hàng về tác giả



Huỳnh Văn Phú sinh năm 1940, tại Nha Trang, Khánh Hòa.

Trước 1975: khóa 19 Võ bị Đà Lạt, phục vụ trong quân lực VNCH từ ngày ra trường đến ngày mất nước với chức vụ thiếu tá binh chủng Thủy Quân Lục Chiến.

Sau 1975: đi “cải tạo” nhiều năm trong các nhà tù Cộng Sản từ Nam ra Bắc (75-84).

Năm 1990 định cư tại Hoa Kỳ 1990 theo diện HO. Hiện cư ngụ tại thành phố Philadelphia, Pennsylvania, Hoa Kỳ.

Tác phẩm đã xuất bản sau 1975:

Những Chuyện Kể Của Người Đi Giày Chặt, 2006

Cõi Người Trong Văn Chương Bình Dân, 2000

Quỷ Ma và Học Trò, 1998

Giày Sô Nói Phét và Đàn Bà, 1997, 1999

Ở Một Nơi Để Tìm Thấy Thiên Đàng, 1995, 2000

Sáng tác trước 1975:

Chiến Trường Trị Thiên và Những Người Linh Mũ Xanh, 1975

Dòng Sông Trước Mặt, 1971

Cuộc Tình Dấu Mặt, 1971

Mùa Xuân Âm Thảm, 1969

Những vụ nổ của các kho đạn Long Bình và Cát Lái

Người ta thường nói: "Trên cõi đời này có một điều tuyệt đối là không có cái gì tuyệt đối cả". Theo sự suy nghĩ rất "chủ quan" của tôi thì câu nói trên không hoàn toàn đúng lắm. Bởi vì về phương diện luật pháp, có một điều "rất tuyệt đối". Đó là, không có một quốc gia nào trên trái đất này đánh thuế hay đặt ra luật lệ phạt những người Nói Phét, Nổ (nói một cách ẩn dụ là các "kho đạn"). Luật pháp có quy định những hình phạt về các tội nói dối, khai gian, thề ầu...chứ không thấy phạt tội Nổ, Nói Phét. Không đánh thuế hay phạt những người này thật là hợp lý, hợp lý là bởi vì họ có làm hại gì ai đâu. Ngược lại, trong một chừng mực nào đó, chính họ là những người đem lại cho cuộc đời buồn nhiều hơn vui này có được những niềm vui, tiếng cười...

Nếu các cụ hỏi tôi rằng có thể tìm gặp các "kho đạn" nói trên ở đâu thì tôi xin bắt chước câu nói của người xưa "quốc gia có lúc thịnh, lúc suy nhưng anh hùng hào kiệt thì thời nào cũng có" rồi diễn đạt lại theo văn chương lãng mạn miệt vườn để trả lời câu hỏi trên như sau: "Trời có khi nắng khi mưa, giai nhân có khi dễ thương, có lúc dễ ghét nhưng người Nổ, Nói Phét thì bất cứ ở đâu, lúc nào, trên xứ Mỹ này, phe ta đều có".

Nhiều lúc tôi "động não", cố tìm hiểu do đâu, bởi đâu mà từ ngày sang định cư trên xứ Cờ Hoa này, lực lượng phe ta đã sản sinh nhiều "kho đạn" đến thế. Tôi phỏng đoán có thể một trong những nguyên nhân là do sống trong một xứ sở mà cuộc sống quá căng thẳng, xô bồ, hối hả nhưng cũng lạnh tanh về tình người đã khiến họ hoài niệm nhiều về quá khứ, sống lại mãnh liệt với những ngày tháng cũ của mình. Có một số người tuy cái địa vị xã hội trước kia rất khiêm nhường nhưng đề tỏ ra ta đây cũng hết xẩy con cào cào như ai nên đã tự ý lên lon, thăng chức, gán cho mình những chức vụ chỉ có trong trí tưởng tượng của họ mà thôi. Tóm lại là mỗi người tùy theo vị trí của mình (hiện tại hay quá khứ) để theo đó mà Nổ, mà Nói Phét, cho đời có thêm nụ cười. Hẳn nhiên, cách Nổ của từng người khác nhau, hay hoặc dở, hấp dẫn hay không phụ thuộc vào "khả năng diễn xuất" của...Ngòi Nổ.

Bây giờ, xin mời các cụ nghe qua vài chuyện Nổ của các kho đạn nhé. Những kho đạn này chúng ta có thể dễ dàng bắt gặp ở bất cứ nơi nào, trong bàn tiệc, trong các buổi họp mặt có sự tham dự của nhiều người, trong những lúc nghỉ ngơi ăn cơm tại các hãng xưởn gv... Cũng xin nói rõ, những chuyện kể này tôi ghi lại trung thực điều do chính tôi nghe hoặc qua lời kể của của một vài ông bạn "golden friend" của tôi có tí máu tiểu lâm chảy trong huyết quản. Mấy ông bạn này nói với tôi rằng, họ không đủ khả năng diễn đạt lại những gì họ nghe thấy. Trước đó, khi ngỏ ý nhờ tôi viết thay cho họ, họ đã "ca tụng" tôi không tiếc lời rằng, mặc dù tôi không biết Nói Phét (hay cũng Nói Phét chút chút) nhưng biết cách viết lại chuyện Nói Phét của người khác một cách...đâu ra đó. Mà tôi thì 'già' người nhưng lại 'non' dạ, nghe thiên hạ xúi dại bùi tai nên cũng ngứa tay ngòi gõ lóc cóc đôi hàng, may ra thì cũng đem lại cho các cụ vài phút vui, tạm quên đi những phiền muộn trong đời sống hàng ngày.

Trước hết, xin kể một kho đạn xuất thân từ quân trường Võ Bị danh tiếng của nước ta. Tạm gọi anh ta là ông Nguyễn, tuổi đời trên 6 bó, đã từng ăn bo bo, khoai, sắn, bắp với nước muối trong các nhà tù Cộng Sản gần 10 năm trời chứ không phải ít. Dĩ nhiên, ông sang Mỹ theo diện HO năm 95, 96 gì đó. Tôi không biết khả năng Pháp ngữ của ông đến đâu, có chưa được đầy bụng không vì chưa hề bao giờ nghe ông nói chuyện với người Pháp nhưng thì bất cứ khi nào nói chuyện với phe ta, ông đều "chêm" tiếng Pháp vào. "Chỉ "chêm" một hai chữ vào câu nói thôi chứ không "xổ" từng tràng như đại liên. Chẳng hạn như ông nói: "Chiếc phi cơ này "bombarder"

(ý nói “thả bom”) ác liệt lắm đó” hoặc: “Cái “raison” (ý nói “lý lẽ”) của anh không có sức thuyết phục được ai cả” vv...và vv...

Đó là về tiếng Pháp, còn tiếng Anh tiếng Mỹ thì cách phát âm của ông nghe y hệt như “cọp nhai đậu phộng”. Cùng với cái âm thanh rạo rạo của con cọp lúc nhai đậu phộng là hai bàn tay rất khéo léo của ông khi đưa qua đưa lại, lúc lên lúc xuống đã góp phần đắc lực trong việc ông muốn diễn đạt bằng Anh ngữ để người Mỹ hiểu được ông muốn nói gì. Cách nói chuyện với người Mỹ mỗi tay như thế, một người bạn “yellow friend” (không phải ‘golden friend’) của tôi bảo rằng, ấy là nói tiếng Mỹ qua hình thức sử dụng “body language”. Tôi hỏi anh ta “body language” là như thế nào, anh bạn tôi trả lời:

- Nhóm chữ “body language” mà tôi nói ở đây rất ly kỳ và thông thái. Nó không mang tính cách thường lệ như ta hiểu, nghĩa là người ta nở một nụ cười, người ta liếc mắt đưa tình, người ta nhún vai, người ta gật đầu hay lắc đầu để biểu lộ một tình cảm, một thái độ hay một ước muốn nào đó v v...và v.v...

Tôi ngắt lời anh bạn:

- Thế thì cái “body language” anh muốn nói đó, nó ly kỳ và thông thái ở cái chỗ mô?

Anh bạn tôi cười xòa, nói:

Tôi kể anh nghe câu chuyện sau đây để anh hiểu rõ ràng hơn nhé:

”Thời gian quân đội Mỹ đang tham chiến ở Việt Nam, có một cô nàng bán cà phê tại một thị trấn nhỏ. Cô không nói được tiếng Mỹ nhưng cô có thể sử dụng “body language” một cách nhuần nhuyễn. Một hôm có người lính Mỹ vào quán nước của cô. Cô không biết anh quân nhân Mỹ ấy muốn uống cà phê đen hay cà phê sữa, cô chỉ vào cái quần đen cô đang mặc, anh lính Mỹ lắc đầu. Cô bèn chỉ vào bộ ngực của cô, anh lính Mỹ gật đầu. Thế là cô pha ngay cho anh lính Mỹ ấy một ly cà phê sữa.”

Tôi muốn nói rằng ông Nguyễn nói tiếng Mỹ theo kiểu cô hàng bán cà phê đã kể ở trên để dẫn đến câu chuyện ông Nổ tung trời mà tôi tin chắc rằng trên xứ Mỹ này, không ai có được niềm hạnh phúc như ông. Chuyện như sau:

Cũng như bao nhiêu người khác khi sang định cư tại xứ này, sau một thời gian hưởng trợ cấp, ông bắt đầu đi kéo cày trả nợ áo cơm. Ông chỉ nói ông đi làm cho một hãng xưởng chứ không nói rõ là hãng xưởng chế tạo thứ gì. Theo lời ông, người chủ hãng đối xử với ông rất đặc biệt. Hỏi đặc biệt như thế nào, ông nói với một giọng vô cùng kiêu hãnh:

- Bao giờ cũng thế, mỗi buổi sáng khi tôi vào hãng bấm thẻ đầu đó xong xuôi rồi, ông chủ hãng

cho gọi Mr. Nguyễn (tức là tôi) lên văn phòng ổng uống cà phê. Sau cử cà phê là chúng tôi nói toàn chuyện thời sự nhất là chuyện chính trị. Chúng tôi bàn về vấn đề chiến tranh Iraq sẽ diễn tiến ra sao, theo chiều hướng nào trong những ngày tháng tới và bao giờ thì Mỹ sẽ tiến đánh Trung Quốc. Lần khác chúng tôi thảo luận về những kinh nghiệm mà người Mỹ gặt hái được trong chiến tranh Việt Nam vv và vv...Tóm lại, suốt ngày tôi chẳng được chủ phân công làm cái gì hết, chỉ phải lo tiếp chuyện với ổng mà thôi. Hết giờ thì đi về. Phải nói rằng ông chủ hãng của tôi rất điệu nghệ, rất biết người biết cửa. Hình như ổng có đọc hồ sơ cá nhân của tôi, biết rõ trước kia tôi là một sĩ quan trong QLVNCH và xuất thân từ trường Võ Bị danh tiếng nên ổng rất quý trọng tôi.

Vì biết quá rõ khả năng Anh ngữ của ông nên người đối diện hỏi:

- Người chủ hãng của anh là người Mỹ hay người Việt?

Ông Nguyễn tròn mắt nói liền:

- Người Mỹ chớ người Việt thì nói làm chi. Ông ta vốn là một cựu Đại Úy Thủy Quân Lục Chiến Mỹ và đã từng tham chiến ở Việt Nam chứ đâu phải tay mơ.

Khi ông nói chủ hãng là một người Mỹ thì người nghe đành phải “á khẩu”, không thể hỏi thêm được câu nào nữa, cho dù là hỏi để “gây sự” với cái ngòi Nổ đang hùng hực bốc cháy trong con người ông. Lúc nào ông cũng tự hào và nhắc đi nhắc lại cái quá khứ rất lẫy lừng của ông, theo đó ông “đã từng dạy nhiều khóa đàn em” ở trường Võ Bị. Tôi nghĩ các chàng dân chính bạch diện thư sinh khi mới nhập trường bắt đầu cuộc sống quân ngũ đều chịu sự huấn nhục của khóa đàn anh trong giai đoạn 8 tuần sơ khởi Tân Khóa Sinh chẳng phải là điều gì ghê gớm lắm để mà tự hào, để mà hãnh diện. Có tự hào chẳng là nên tự hào về cái truyền thống của quân trường đó thôi. Ông hãnh diện đến độ mỗi lần nựng mấy đứa cháu ngoại của ông, ông cũng “hăm dọa” sau này sẽ “dạy dỗ” chúng theo kiểu Võ Bị!

Thú thật với các cụ, tôi đã từng nghe cũng như đã viết lại nhiều chuyện Nổ của các kho đạn trong thời gian qua rồi nhưng với cái “Ngòi Nổ” Mr. Nguyễn này thì tôi hết sức khâm phục. Tôi bái phục cái trơ trẽn không hề biết mắc cỡ của ông. Tôi có cảm tưởng ông coi người nghe ông nói chuyện đều là đám con nít 3 tuổi, chẳng hiểu biết cái gì sất. Ông bảo ông có cái “gen” của thân mẫu ông, nghĩa là ông sẽ sống được trên trăm tuổi vì bà cụ của ông sống tới 105 tuổi mà vẫn còn minh mẫn, sáng suốt, thuộc lầu lầu ca dao, thi phú. Mỗi lần con cháu tới nhà, bà cụ đều đọc thơ cho các cháu nghe. Tôi định bày tỏ ý kiến với ông rằng sống lâu như bà cụ là rất đáng trân quý, vì cụ còn đọc thơ hay ca dao cho con cháu nghe chứ sống lâu để nói phét như ông thì ...mệt tai thiên hạ quá. Hơn nữa, càng sống lâu càng nhục chứ chẳng được tích sự gì đâu (đa thọ đa nhục mà!) nhưng tôi chợt thay đổi ý kiến nên hỏi ông một câu:

- Ông có biết làm thế nào để sống lâu không?

Ông lắc đầu. Tôi nói tiếp:

- Muốn sống lâu thì nên ăn ít và Nói Phét cho nhiều, chứ chẳng cần phải có “gen” có giéc gì hết.

Thưa các cụ, một kho đạn vừa bay lướt qua trên bầu trời sinh hoạt của chúng ta. Tiếng nổ của kho đạn kéo dài ngân vang, ảnh hưởng không nhỏ đến một vài “ngòi nổ phụ” mà tôi xin được hân hạnh kể tiếp sau đây. Các “Ngòi Nổ phụ” này, trong một chừng mực nào đó, có thể coi như là đàn em của kho đạn Mr. Nguyễn nói trên.

Đây là anh A, tuổi đời chừng trên 5 bọ, tướng mạo khá đẹp trai, vui vẻ và hoạt bát. Tuy vậy, anh vẫn còn sống một mình kể từ ngày anh qua Mỹ cách đây đã 8 năm theo diện HO. Anh “share” một căn phòng nhỏ trong nhà của một gia đình người cùng quê mỗi tháng vài trăm bạc để ở, tự nấu ăn lấy. Anh cho biết sở dĩ anh sống một mình là bởi vì anh không thích đàn bà. Đối với anh đàn bà mang lại cho anh nhiều phiền muộn và rắc rối. Thiên hạ chẳng hiểu có phải anh thuộc loại “gay” không mà anh thường nhiều lần tuyên bố: Thà uống ly thuốc độc còn sướng hơn là sống với một người đàn bà! Nói thì nói như vậy nhưng bạn bè thỉnh thoảng vẫn

bắt gặp anh đi massage ở các chỗ tắm hơi. Có hỏi thì anh bảo đi tắm hơi cho nó dẫn gân cốt thôi.

Khi nói anh là đàn em của kho đạn Mr. Nguyễn thì dĩ nhiên anh cũng đã từng trải qua những ngày tháng cầm súng chống Cộng trên các chiến trường xưa. Anh đã từng nhiều đêm ngắm trăng, đếm sao trên đồi Tăng Nhơn Phú, Thủ Đức. Anh nói anh tốt nghiệp Á khoa khóa XX Thủ Đức năm 1965. Với kết quả ra trường đậu cao như trên, anh được điều động về Phủ Tổng Thống làm việc nhưng anh cương quyết từ chối. Anh thích về phục vụ ở một đơn vị tại quê hương anh là tỉnh Cà Mau. Anh nói ra trường với cái lon Chuẩn úy làm việc ở Phủ, mình giống như con đế mèn, chẳng vùng vẫy được chi cả, chẳng thà về các Quận lỵ mình còn có nhiều cơ hội vươn lên hơn.

Anh “Nổ” về thời gian anh làm việc ở Cà Mau như sau: các cụ biết không, tôi chỉ mang lon Chuẩn Úy thôi mà lúc ấy được chỉ định làm Chi Khu Phó rồi. Các cụ cũng biết, chức vụ Chi Khu Phó phải là do sĩ quan cấp Đại Úy phụ trách chứ không phải Chuẩn Úy quyền như tôi đâu. Đã thế, tôi còn kiêm nhiệm phát hương viên nữa. Tiền bạc của Quận là do một tay tôi quản lý. Nhưng có lẽ điều làm tôi hãnh diện nhất là, với tư cách một Chi Khu Phó, đi đâu tôi cũng được tên Bảy Đờm hộ tống.

Một anh bạn nghe “kho đạn” nói đến tên Bảy Đờm, liền hỏi:

- Bảy Đờm nào ? Phải Bảy Đờm bên giáo phái Hòa Hảo không?

- Tôi chả biết giáo phái nào hết, chỉ cần biết người đi hộ tống tôi tên là Bảy Đờm.

Thấy kho đạn này “Nổ” sáng quá, anh bạn bực mình bèn “lên lớp”:

- Anh có Nổ thì cũng Nổ một vừa hai phải thôi, đừng có Nổ bậy. Tôi nói cho anh biết, ở miền Nam ai cũng biết nhân vật Bảy Đờm cả. Ông ta thuộc quân đội giáo phái Hòa Hảo, khi quy thuận với chính quyền VNCH, ông ta được mang cấp bậc Thiếu Tá và làm Tiểu Đoàn Trưởng một Tiểu Đoàn Địa Phương Quân ở Châu Đốc.

Kho đạn vẫn chưa chịu thua:

- Chả lẽ trên cõi đời này chỉ có một người mang tên Bảy Đờm thôi sao?

Tiếp theo là “Ngòi Nổ” B. Kho đạn B này Nổ nhẹ nhàng hơn khi anh “tự xưng” anh tốt nghiệp khóa 16 Thủ Đức, cấp bậc sau cùng là Đại Úy, giữ chức vụ Chi Khu Phó một quận ở miền Tây. Anh cùng với gia đình sang Mỹ theo diện HO năm 94. Một đồng nghiệp cũng xuất thân từ khoá này làm chung sở với kho đạn B, nghe nói khóa 16 nên rất mừng vì được gặp bạn đồng khóa. Anh bạn đồng nghiệp thấy vui trong lòng vì ít ra cũng có bạn cùng khóa để tâm sự, nhắc lại chuyện xưa cho đỡ nhớ. Ngày nọ, vào giờ nghỉ ăn trưa, anh bạn đồng nghiệp hỏi kho đạn B:

- Thế hồi học ở Thủ Đức, anh ở Đại Đội nào?

- Tôi ở Đại Đội XXX.

Anh bạn đồng nghiệp nghe nói Đại Đội mang tới ba số thì cũng hơi ngạc nhiên nên nói:

- Anh nói thế nào chứ theo tôi nhớ thì ở Thủ Đức có Đại Đội nào mang ba số đâu.

Kho đạn B chống chế:

- Có lẽ lâu quá tôi quên khuấy đi mất. Anh cũng biết đó, cải tạo nhiều năm trong ngục tù Cộng Sản nên trí nhớ đâm ra mù mẫm đi.

- Anh bị nhốt ở trong Nam hay bị đày ra Bắc.

- Tôi được may mắn là khỏi bị đày ra Bắc anh ạ.

- Anh bị nhốt ở trại nào?

Kho đạn B nói tình bơ:

- Tôi cải tạo ở trại Cà Tum.

Anh bạn đồng nghiệp nghe nói đến đây thì biết là mình gặp kho đạn Long Bình thứ thiệt rồi nên nói ngay:

- Theo chỗ tôi biết thì ở trại Cà Tum không có nhốt cấp Đại úy, chỉ toàn là Thiếu úy và Trung úy thôi.

Kho đạn B đành im lặng. Bấy giờ anh bạn đồng nghiệp mới nói tiếp:

- Có lẽ tôi sẽ đề nghị lên "supervisor" cho anh làm nhiệm vụ giữ kho.

- Anh nghĩ thế nào mà đề nghị cho tôi "giữ kho"?

Anh bạn đồng nghiệp giải thích:

- Anh rất xứng đáng làm nhiệm vụ Giữ Kho. Kho ở đây là "kho đạn" đó cha nội. Anh Nổ quá xá thì giữ kho đạn là phải rồi, còn hỏi cái chi nữa.

Chuyện các Kho Đạn Nổ đến đây vừa hết "thuốc bồi" nên xin tạm ngưng. Hẹn các cụ kỹ sau kể tiếp.

Kinh nghiệm sống của dân gian qua văn chương bình dân

Đã nhiều tháng qua, tôi bị hấp dẫn bởi những tiếng nổ của các kho đạn, những chuyện kỳ cục, những điều "trời", "nổi" quanh mình nen trong một chừng mực nào đó, tôi đã quên bẵng đi những vần ca dao mà bà nhà Bắc Kỳ của tôi đã chép ra từ trong trí nhớ của bà, để trên bàn viết mỗi ngày như một sự nhắc nhở tôi đừng quên chuyện ngày xưa. Càng hít thở không khí trên cõi đời phiền muộn, đầy dẫy oán ăm này càng lâu chừng nào, người ta càng nhớ và sống với quá khứ nhiều chừng nấy. Vui hay buồn gì, ai trong chúng ta cũng đều có quá khứ và sống với nó ít hay nhiều thì tùy thuộc tâm trạng mỗi người. Thế nhưng, cái "chuyện xưa" mà tôi đề cập dưới đây là chuyện chung, không thuộc về ai cả. Và tôi cũng xin tầm phào tào lao một chút về những kinh nghiệm sống trong dân gian qua những vần ca dao, xem người xưa đã suy nghĩ, và sinh hoạt ra sao, âu cũng là một điều "vệ sinh và bổ". Bây giờ, xin mời bạn đọc những vần ca dao sau:

[Rau răm ngắt ngọn lại trồng](#)

Em thương anh lắm sợ lòng chị ghen.
Anh về bảo chị đừng ghen,
Để em thấp thoáng ánh đèn cho vui.

Bạn cũng như tôi, có lẽ đều thuộc "nòi tình"? Bạn nghĩ gì và có thấy vừa thương vừa tội nghiệp cho người con gái xưng "em" ấy không? Thương và tội nghiệp cho nàng vì nàng biết phận mình, không có cái chuyện "đến sau" mà cứ ghen ngược, đòi chiếm cứ làm của riêng như chúng ta thường thấy xảy ra trong đời sống hàng ngày. Nàng có đòi hỏi điều gì quá đáng đâu, chỉ xin "thấp thoáng ánh đèn" cho vui thôi mà. Dễ thương biết chừng nào! Đó là nói về nàng, còn người viết ra mấy câu trên thì tôi tin chắc cũng thuộc thành phần "Ta cũng nòi tình, thương người đồng điệu" (Chu Mạnh Trinh). Đó là một người ham thích của lạ, muốn đèo bồng chạy một lúc vài ba "má" cho đời thêm vui, và thêm...rắc rối. Thật ra, trong 10 anh "đàn ông" (không phải đàn ông) thì hết 11 anh có máu loạn quạng, lém phéng không ít thì nhiều. Quý vị nam nhi chí chí nào tự xưng mình là người mẫu mực, đạo đức, không hề phiêu lưu, mơ tưởng đến những "vùng đất xa lạ" thì người ấy có thể được sánh ngang với hàng "thánh sống" rồi. Đa phần còn lại, trong đó có tôi, thuộc loại phạm phụ tục tử, một thứ "đàn ông" chính hiệu ngất ngư con tàu đi. Cho nên, xin có lời bái phục! Phải bái phục các vị thánh sống đó là bởi vì, chính các cụ đạo đức cùng mình ngày xưa, đã không ngần ngại mà thốt lên rằng:

Thế gian ba sự không chừa,
Rượu nồng, dê béo, gái vừa đương tơ.

Một nàng thì rất dịu dàng, e ấp, chịu phần lép vế chỉ xin "thấp thoáng ánh đèn" thôi, nàng kia thì can đảm hơn, chặn anh giữa đường, níu áo anh lại để than thở với anh vài lời:

Hỡi anh đi đường cái quan
Dừng chân đứng lại em than vài lời.
Đi đâu vội thế anh ơi,
Công việc đã có chị tôi ở nhà.

Và một nàng khác, tuy cũng thương anh nhưng rất thực tế, nàng cảnh giác tới đa chỉ sợ bà cả vác dao chém cho vài nhát thì còn chi là đời nữa:

Gặp anh em cũng muốn chào
Sợ rằng chị cả dắt dao trong người.

Tục ngữ có câu "cái nét đánh chết cái đẹp", nghĩa là coi chuyện nhan sắc của người phụ nữ không quan trọng bằng tính nết. Tục ngữ nói vậy thì ta cứ biết như vậy, nhưng cái hấp dẫn đầu tiên của người phụ nữ đối với các đấng nam nhi là cái gì? Có phải nhan sắc của người phụ nữ ấy không? Tôi không biết người yêu của Chí Phèo trong tiểu thuyết của Nam Cao xấu xí ra sao nhưng các cụ ngày xưa vẫn một mực cương quyết:

Chẳng thà chịu lạnh nằm không,
Còn hơn có vợ lẹm cầm, răng hô.

Cầm lẹm, răng hô thì các cụ chê đã đành rồi mà ngay cả đến cô nàng có cái mặt mo phình phình, chân lại đi vòng kiền chữ bát thì có cho không, các cụ cũng chẳng thèm:

Người mà phình phình mặt mo,
Chân đi chữ bát, có cho chẳng thèm

Ngược lại, người con gái có đôi mắt lá răm, chân mày lá liễu thì đúng là của quý, đáng trăm quan tiền:

Người mà con mắt lá răm,
Chân mày lá liễu đáng trăm quan tiền.

Đến đây các bạn có thể thắc mắc: thế cái loại nhan sắc nào của các nàng khiến cá cụ nhìn rồi muốn chửi(?):

Mặt má miêng bầu, nhìn lâu muốn chửi
Mặt chữ điền, tiền rươi cũng mua.

Các cụ có được những hiểu biết về cách ăn ở, đối xử của người chung quanh là do quan sát, tích lũy kinh nghiệm rồi đối chiếu, so sánh để có một nhận định chung. Theo đó, người phụ nữ nào mà đáy thất lưng ong thì khéo chiều chồng và khéo nuôi con. Còn "mệ" nào béo trực béo tròn thì ăn vụng như mèo lại hay rầy rà con cái. Đúng được bao nhiêu phần trăm thì khó mà khẳng định, có điều những hình ảnh đó đã truyền lại cho con cháu suốt bao thế hệ và đã ở lại mãi mãi trong văn chương bình dân:

Người mà đáy thất lưng ong,
Vừa khéo chiều chồng, vừa khéo nuôi con.
Những người béo trực béo tròn,
Ăn vụng như chớp, cấu con cả ngày.

Cũng qua kinh nghiệm trên một số người mà các cụ có nhận xét:

Trai Nhâm Đinh Quý thì tài,
Gái Nhâm Đinh Quý phải hai lần dò.

Hai lần dò là trong cuộc đời của người phụ nữ có cái tuổi Nhâm Đinh Quý này sẽ có tới hai đời chồng. Ngày xưa, ít có vụ ly dị mà chỉ khi chồng chết rồi người đàn bà mới tái giá, đi thêm một bước nữa. Còn thời nay, nhất là ở trên xứ Mỹ tự do một cách kỳ cục này thì không hẳn là do chồng chết mà là do không còn "hợp" nhau nữa nên "anh đường anh, tôi đường tôi" đấy thôi. Không nói tới chuyện tiền bạc, dớp diếc làm chi, chỉ cần chàng ngủ ngáy hơi lớn tiếng là nàng vác đơn ra tòa ca bài "hai giòng sông ly biệt" rồi. (Nhân nói về một người đàn bà đi thêm bước nữa gọi là tái giá, tôi thấy Tiếng Việt ta thật hay và phong phú. Đàn ông vợ chết, lấy vợ khác gọi là tục huyền, còn đàn bà lấy chồng khác gọi là tái giá. Tôi đã lần lần nghĩ rằng trong trường hợp các bà, sao ta không gọi là "tục tũ", có phải vui hơn không? Nghĩa là: đàn ông, vợ chết lấy vợ khác; gọi là tục huyền. Đàn bà, chồng chết, lấy chồng khác: gọi là tục tũ. Cũng đều bắt đầu bằng chữ "tục" cả. Tái nạm, tái gầu vào đây làm chi cho thêm phiền toái!)

Trong khi đó, về cánh đàn ông, các cụ không e ngại gì mà tuyên bố thẳng thừng rằng:

Sông bao nhiêu nước cũng vừa,
Trai bao nhiêu vợ cũng chưa vừa lòng

Hoặc:

Trong nhà có sẵn yến ngâm,
Lại còn muốn những nhung sâm nước ngoài.

Và đây là một chàng tuy đã có vợ nhưng không lúc nào quên bồ nhí của mình:

Con quạ bay xa, bay qua vườn hoa kều chua chát,
Con nhạn đậu lâu vàng nghỉ mát kều sương
Nhạn kều tiếng nhạn đau thương,
Đêm nằm nhớ vợ, ngày thường nhớ em.

Chàng có vợ bé hoặc bồ nhí hay cho rằng vợ người khác đẹp hơn vợ mình thì cũng là chuyện thường tình nhưng chàng sẽ là một tên "đại cà chớn" nếu có tà ý đem lòng thương yêu vợ bạn. Chàng cũng hiểu như thế là bất nhơn, là không đạo đức:

Ai xui ai khiến bất nhơn
Tui thấy vợ bạn tui thương hơn vợ nhà.

Còn chàng có thương vợ người khác mà không được thì thôi chứ chẳng lẽ ăn vạ hay tự tử(?):
Buồn tình chẳng muốn nói cười,
Bởi thương vợ người không được thì thôi.

Thương không được thì thôi chứ không như mấy anh chàng có máu "dê" đầy mình và gan góc, chết thì chịu chứ quyết theo đuổi nàng tới cùng:
Dao phay kè cổ, máu đỏ không màng
Chết tôi, tôi chịu, buồng nàng không buông.

Nếu chàng gan dạ và can đảm cùng mình như thế thì hẳn chàng có nhiều lá gan và không chỉ chàng dành cho vợ mà còn cho người khác nữa.:
Đàn ông năm bảy lá gan,
Lá ở cùng vợ, lá toan cùng người.

Đó chỉ mới là "toan tính" thôi chứ chưa chắc đã dám hành động rõ ràng dứt khoát như trường hợp của phe tóc dài dưới đây:
Hai tay cầm hai quả hồng,
Quả chát phần chồng, quả ngọt phần trai.
Đêm nằm vuốt bụng thờ dài,
Thương chồng thì ít thương trai thì nhiều.

Như thế, cuộc sống lứa đôi của cặp vợ chồng trên đây không có gì bảo đảm sẽ tồn tại với thời gian, không thể nào ăn đời ở kiếp đến răng long đầu bạc được. Người chồng ở đây là một người chồng đau khổ. anh đau khổ là vì lỗi là do chính anh chứ không phải nguyên do nào khác. Vợ anh không thương anh mà đem lòng thương trai là do anh đàn độn quá sức:
Một là em lấy chồng quan,
Hai là chồng lính, ba là chồng dân
Nhưng em không chịu lấy chồng dân,
Về nhà cha mẹ mắng, ra đường chị em khinh.

Cái quan niệm chọn chồng của người đàn bà ở trên thật minh bạch. Lấy ai cũng được, sang hèn gì cũng xong nhưng không thể đi nâng khăn sửa túi cho một anh ngu đàn, ăn nói vụng về luôn luôn gây phật lòng người khác. Có một câu chuyện kể rất tiêu lâm về một anh chồng đàn độn kiểu này như sau:

"Một anh chồng trong một gia đình nọ, vừa ngu vừa vụng về. Hễ mở miệng ra là đem bực mình đến cho người khác. Vì thế, trong mọi giao tiếp, bà vợ phải cầm chỉ anh ta, không nói gì hết. Một hôm, hai vợ chồng được mời dự bữa tiệc đầy tháng con của một người bạn. Bà vợ dặn chồng là suốt bữa tiệc phải im lặng hoàn toàn. Anh chồng nghe lời. Đến dự, mặc cho thiên hạ nói gì thì nói, suốt buổi anh thủ khẩu như bình. Đến khi tiệc tan, mọi người chia tay nhau ra về, mỗi người đều nói một lời chúc tụng nào đó cho cháu bé. Anh chồng buộc lời phải phát ngôn. Anh bèn nói với chủ nhà, là mẹ của đứa trẻ sơ sinh: Chị thấy đó, từ đầu tiệc đến giờ tôi hoàn toàn không có nói điều chi cả. Lỡ ngày mai cháu bé có chết, chị đừng có đổ thừa là tại tôi đấy nhá!"

Cánh đàn ông chúng ta thường tự nhận mình là "đàn ông" để vuốt ve, thỏa mãn tự ái của các bà chứ nếu các bà thật sự chê chúng ta là ngốc, là đàn thì ta đành phải xách xe không chạy mút chỉ cả tha thôi:
Một đêm quân tử nằm kè,
Còn hơn thằng ngốc vỗ về quanh năm.

Hay:

Một ngày dựa mạn thuyền rồng
Còn hơn chín tháng nằm trong thuyền chài

Từ Đông sang Tây, một ngàn năm trước hay hay một triệu năm sau, bất cứ ở đâu, thời nào cũng có những người đàn bà không đoan chính, tự do xả láng sáng về sớm. Có chồng thì càng dễ..."lãng ba vị bộ", vì đã có người đứng mũi chịu sào rồi mà.

Có chồng càng dễ chơi ngang,
Đẻ ra con thiếp, con chàng, con ai?

Và còn ra cái điều "thách thức" nữa các cụ ạ:

Con tôi đi kiếm về đây,
Có cho nó gọi bằng thầy thì cho.

Không những thách thức mà còn trăn tráo, đánh đá, trơ mặt ngồi xồm trên luân thường đạo lý mới là kinh hãi. Trong đời, bạn đã từng gặp loại người đàn bà này chưa:

Lẳng lơ cũng chẳng có mồn ,
Chính chuyên cũng chẳng sơn son để thờ.

Trường hợp nàng gặp phải một anh chàng ba phải, phôi bò, không quan tâm thắc mắc gì đời sống của nàng, ra cái điều rộng lượng thì nàng cũng có quyền rong chơi với tháng ngày chú:

Em đây là gái năm con,
Chồng em rộng lượng, em còn chơi Xuân.

Thà là như thế còn hơn cái cảnh đêm nay để cửa chờ chồng, đêm mai thì chờ ông láng giềng:

Đêm qua để cửa chờ chồng
Đêm nay để cửa chờ ông láng giềng.

Ngày xưa, khi người chồng qua đời, người vợ để tang 3 năm, sau đó có quyền lấy chồng khác. Tuy thế, cũng không ít trường hợp chưa mãn tang, người đàn bà đã vội có người đàn ông khác:

Mả chồng còn đó trơ trơ,
Đã cùng người khác đợi chờ năm canh.

Bên cạnh đó cũng có những người vợ rất đàng hoàng, đoan chính, nhỏ nhẹ, thưa với người đi theo tán tỉnh rằng "cám ơn những tình cảm anh dành cho tui nhưng xin anh đừng đến nhà tui nữa kéo chồng tui ghen":

Có lòng thì tạ ơn lòng
Anh đừng đến nữa mà chồng em ghen.

Trong đời sống hàng ngày, vợ chồng chia bùi xẻ ngọt với nhau. Không ai có thể sẵn sóc lo lắng cho nhau tận tình như vợ với chồng. Thử hình dung ra cảnh người chồng đau nằm liệt giường, người vợ lo thuốc thang, chân thấp chân cao bung thuốc đến cho chồng uống, vừa đi vừa vái trời cho chồng mạnh khỏe để cùng ăn đời ở kiếp...Làm sao ta không thương hết mình những người vợ như thế được:

Cầm con dao sắc cắt đôi củ gừng,
Bỏ vô nồi đất, sắc lại vài phân.
Cái tay em bưng, cái chân em bước
Mái tóc em xước, cái lược em rơi

Vừa đi vừa vái ông trời
Cho chồng em mạnh, ở đời với em.

Nếu người đàn bà thương chồng nhiều đến thế thì hẳn nhiên là cũng thương con ngập lòng.
Nàng bương chải đi làm nuôi con, mặc cho áo rách sờn vai:

Em đi làm mượn nuôi ai,
Cho áo em rách, cho vai em mòn.
Em đi làm mượn nuôi con,
Áo rách mặc áo, vai sờn mặc vai.

Một vài hình ảnh khác cho thấy sự buồn tẻ bán tảo và bương chải ngược xuôi, đầu tắt mặt tối để lo sinh kế gia đình của người đàn bà đến nỗi vú xẹp, lưng nàng teo:

Một ngày ba bận trò đèo,
Vi ai vú xẹp, lưng teo hơi chàng?

Nhìn chung, qua những vần ca dao, chúng ta có thể hình dung và hiểu được những suy nghĩ cùng tâm tình và cách sống của dân gian. Cũng qua ca dao, người xưa đã để lại cho chúng ta một kho tàng về kinh nghiệm sống trên mọi lãnh vực, trong đó đáng kể nhất là kinh nghiệm nói về bản chất không thể thay đổi ở một số người, hay nói nôm na là khi đã thành "tật" rồi thì khó mà chữa được:

Trời nắng rồi trời lại mưa,
Tính nào tật nấy có chừa được đâu.

(Trích Đặc San Hậu Nghĩa Xuân Canh Thìn 2000)

Chuyện những người đẻ gần kho đạn

Tôi có người bạn trước kia phục vụ trong ngành Quân Cụ, chuyên lo về xe cộ, súng ống, đạn dược. Anh có cái tài biến chiếc "Rép" nhà binh thành xe "Rép" dân sự dễ dàng. Cách thức biến hóa ra sao thì quả tình tôi bù trất. Anh là một con người đặc biệt, chỉ lo để ý đến xe cộ nhiều hơn là ghé mắt vào mấy cái thứ gây ra tiếng nổ chết người như đạn, mìn v v... Do đó, tuy hàng ngày phải chạm mặt với chúng nhưng anh không hề bị tiếng nổ của đạn ảnh hưởng đến tâm tính. Tôi phục anh lắm. Sống gần với đạn dược, nghe đạn nổ mỗi ngày mà anh không hề "Nổ".

Tại sao tôi nói tiếng nổ của đạn ảnh hưởng đến tính tình con người? Cũng dễ hiểu thôi, tiếng nổ mỗi ngày thấm dần vào da, thịt, máu, lên tới óc, vô trung khu thần kinh gây ra căn bệnh "nổ". Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng mà! Đó là chứng bệnh của "Những Người Đẻ Gần Các Kho Đạn". Đạn nổ thì làm chết người nhưng mấy anh chàng nổ chẳng làm "chết" ai cả. (Thật ra cũng có một vài trường hợp các người đẹp vì tin lời các chàng "nổ" mà "chết" cả một đời. Khi nhận biết ra chàng đã "nổ" để "tán" mình thì lúc ấy ván không phải đã đóng thuyền mà là đóng "thùng" rồi!).

Đạn thì có nhiều loại. Đạn súng lục, súng trường, súng tiểu liên, súng đại liên. Còn đạn đại bác thì cũng có đủ loại như 105 ly, 155 ly, 175 ly hay loại 130 ly của Liên Xô bắn xa 27 cây số v v... Mỗi loại gây ra tiếng nổ lớn nhỏ khác nhau và tác hại cũng khác nhau. Con người "nổ" cũng theo quy luật như thế. Người nổ ít, kẻ nổ nhiều, hay dở tùy trình độ.

Nổ cũng là một hình thức nói phét, chỉ khác nhau về cường độ và hoàn cảnh. Người nói phét và người nổ có chung một điểm là nói những điều không có, những điều nằm trong trí

tưởng tượng của họ nhiều hơn là sự thật, và làm “vui tai” người nghe không ít. Nói phét thì không cần ngòi nổ, còn muốn cho đạn nổ thì phải có “kích hỏa” hay ngòi nổ mới làm cho đạn phát nổ.

Người nổ cũng giống như đạn nổ, nghĩa là phải có “ngòi nổ”. Ngòi nổ có thể là một người đẹp đang đứng trước mặt, có thể là trong một bữa tiệc, có thể là sau một chuyến đi xa trở về, cũng có thể là một chuyến về thăm lại quê hương v... Cường độ nổ của người nổ được một nhà văn có tí máu khôi hài mô tả như sau :”Trong một phút có 60 giây thì anh ta nổ hết 59 giây, bạn chỉ có duy nhất một giây để gạt gù cái đầu của bạn thôi chứ không thể xen vào câu chuyện với ý kiến ý ông gì hết.”

Nếu tiếng nổ của đạn lớn hay nhỏ tùy theo loại đạn thì người nổ cũng đa dạng không kém. Người có học và vô học, cách nổ và đề tài nổ khác nhau.

Bây giờ ta thử điếm qua một số các “thể loại” nổ xem sao. Những dạng “nổ” này, ta thường bắt gặp trong đời sống hàng ngày. Cũng như nói phét, bàn về nổ thì những anh cán bộ Việt Cộng vẫn là võ địch thế giới (nổ theo kiểu khẩu hiệu “chủ nghĩa Mác-Lênin vô địch bách chiến bách thắng muôn năm) dán khắp hang cùng ngõ hẻm vậy). Sau ngày Việt Cộng cưỡng chiếm được miền Nam, cái đau khổ của phe ta khi vào tù là phải nghe chúng “Nổ”. Những tiếng nổ chất chúa, kéo dài ngày này sang ngày khác, nổ liên hồi kỳ trận tựa hồ như mỗi tên cán bộ đều có gắn cục pin dưới đít và công tắc luôn luôn ở vị trí “on”. Bất cứ buổi lên lớp nào trước mấy chàng cải tạo đau khổ của phe ta, trăm tên cán bộ đều “nổ” một giọng điệu như nhau:

- “Ta đã đánh thắng hai đế quốc sừng sỏ là Pháp và Mỹ thì sá gì ba cái chuyện làm kinh tế. Kể từ ngày dựng nước và bảo vệ nước, đây là thời kỳ huy hoàng nhất trong lịch sử nước ta. Dân tộc ta thông minh, cần cù, tài nguyên= thiên nhiên dồi dào, tiền rừng bạc bể, nhất định trong kế hoạch bản lề 5 năm tới, nước ta sẽ vươn lên trở thành một trong những nước có nền công kỹ nghệ hàng đầu của thế giới”.

Tức cười một điều là, cán bộ thì nổ như thế, trong khi đó bà Nguyễn Thị Bình lại kêu gọi thế giới hãy viện trợ cho Việt Nam một triệu cái cuốc. Con trâu đi trước, cày cuốc theo sau thì Cộng Sản Việt Nam sẽ làm cho thế giới kinh ngạc là phải. Và cho đến bây giờ, sau hơn 30 năm, thế giới vẫn còn tiếp tục kinh ngạc vì sự chậm tiến và nghèo đói của quốc gia này. Nổ như thế là kiểu nổ của Hoàng Trung Thông:

“Có sức người sỏi đá cũng thành cơm”

Hay của văn nô Tố Hữu:

“Chân dép lỏp bước lên tàu vũ trụ”

Ghê quá ! Quý vị thử hình dung một tên Việt Cộng mang dép lỏp (tức là dép râu, loại dép làm bằng vỏ bánh xe hơi phế thải) bước lên phi thuyền của thiên hạ bay (kéo) vào vũ trụ thì cái sự nổ đó kỳ quái và trâng tráo như thế nào. Việt Cộng “nổ” là do bản chất, do cái chủ nghĩa “nổ” Mác-Lênin dạy dỗ những con người Cộng sản lúc nào cũng phải biết nổ và nổ.

Còn phe ta “nổ” là do đề ra và lớn lên gần các kho đạn bị đặc công Việt Cộng phá hoại. Ngoại trừ mấy anh chàng nổ với các người đẹp để bắt tí ái tình còn hay kiếm vợ, còn phần lớn ‘nổ’ chỉ để chứng tỏ ta đây là siêu việt siêu quần, là cũng hết xẩy con cào cào như ai. Cũng có một số người nổ vì bắt chước theo chủ nghĩa A.Q của văn hào Lỗ Tấn (A.Q chính truyện) bằng sự thảng thốt tưởng tượng hay tự cho rằng trước kia ta cũng xuất thân từ dòng dõi trâm anh, thế phiệt.

Lúc chưa mất nước, tôi có một người quen ở trong quân đội. Cấp bậc anh ta là Hạ Sĩ thôi nhưng khi ra khỏi nhà đến thăm người yêu thì anh ta đeo lon Trung Úy. Nhờ cái sự “nổ” từ Hạ Sĩ lên Trung Úy này mà anh cưới được nàng. Đây là chuyện có thật chứ tôi không hề phịa. Tôi còn

nhớ, lúc tôi mới ra trường Võ Bị, mang lon Thiếu úy, chỉ huy Trung đội, đi hành quân ở Phước Tuy, tôi thường đội cái nón vải trên có gắn một hoa mai (bọn tôi gọi là lon phụ đề Việt ngữ vì lon TQLC là những vạch trắng, phần lớn dân chúng ở vùng quê không rành). Một tên đệ tử của tôi tên là Hường, lợi dụng lúc tôi ngủ trưa, hấn lén lấy cái nón của tôi đội đi ra chợ Bà Rịa “dợt le” với mấy cô thợ may. Tôi không hề biết chuyện ấy cho đến một hôm tôi nghe lính tráng trong đơn vị tôi nói về tên Hường với cái danh xưng là “Hường Nổ” :

- Cái thằng Hường đó “nổ” dễ sợ. Nó dám lấy cái nón có gắn một bông mai của Thiếu Úy đội ra chợ và tự xưng là thiếu úy để “tán” mấy cô thợ may.

Tôi hỏi tên đệ tử của tôi: - Cậu có lấy cái nón của tôi đội ra chợ tán đào đây à ?

Hấn cười trừ, thú nhận: - Dạ, em mượn đi dợt le một tí mà.

- Thảo nào, hôm qua có một cô đến đây hỏi tôi có biết thiếu úy Hường không, té ra là cậu.

Hấn tâm tình với tôi: - Thiếu úy à, coi bộ nàng “chịu” em rồi đó. Em rất cảm ơn cái nón của thiếu úy.

- Sao cậu không cảm ơn tôi mà lại cảm ơn cái nón ?

- Có cái nón ấy em mới “nổ” được chứ.

- Thế cậu để gần gần kho đạn Long Bình hay Cát Lái ?

- Quê em ở Bình Dương mà.

- Ở trên đó có kho đạn nào không mà sao cậu “nổ” quá vậy ?

Tên đệ tử của tôi hiểu ra, có vẻ mắc cỡ và lỉnh đi chỗ khác.

Những năm sống trong các trại tù Cộng Sản, tôi cũng đã từng chung đụng và phải nghe những cây súng đại liên nổ dữ dội. Họ nổ về những ngày tháng cũ trong quân ngũ của họ với những hành động xuất quỷ nhập thần, những chiến công hiển hách, những màn ăn chơi vung vít khắp các chốn xa hoa, về cái sự tiêu xài tiền bạc như nước của họ, về những giai nhân tuyệt sắc mà họ quen biết v.v... Một khẩu “đại bác” gốc giáo chúc biệt phái, từng nằm bên cạnh tôi, nổ về cái vụ ra ứng cử dân biểu của anh ta :

- Hồi tôi ra ứng cử dân biểu, tôi cho học trò của tôi đi khắp các tỉnh miền Nam dán bích chương cổ động cho tôi. Tốn khá nhiều tiền mà rốt cuộc cũng không có cơ hội để sử dụng mảnh bằng cử nhân luật của tôi trong tòa nhà lập pháp đó.

- Anh ứng cử đơn vị nào?

- Quận Tân Bình, Gia Định

- Ủa, quận Tân Bình mà sao cho học trò đi khắp nước cổ động làm chi ?

- Trời đất, phải cổ động khắp nước, người ta mới biết mà bầu cho mình chứ.

Nổ thì nổ như thế nhưng đề cập đến ước mơ thì mơ ước của anh ta rất giản dị. Tôi nói với anh: - Anh có một quá khứ “vàng son” quá, ngày xưa tôi không theo nổi cái gót chân của anh. Thế bây giờ anh có ước mơ gì nào ?

Câu trả lời của anh rất trần tục và tầm thường: - Tôi mơ ước sao bây giờ có mấy củ khoai mì hay vài trái bắp ăn cho no bụng thôi.

- Anh có bị bệnh tâm thần không ? Đã mơ ước thì tại sao anh không mơ ước được trở lại những ngày tháng cũ ấy cho sướng cái thân mà lại đi ước củ khoai, trái bắp ? Anh hơi “quê”, thộn cái mặt ra và chống chế: - BỐ KHỈ, bụng đang đói mà lại ở trong tù thì mơ ước cao sang là không thực tế chút nào.

- Nhưng mà cái mơ ước thực tế đó của anh cũng vẫn không thể thực hiện được mà.

Anh “xì nẹc” thấy rõ: - Ông đếch thèm nói chuyện với mày nữa.

Còn phe ta mà sang đây từ hồi 75, nếu có để gần kho đạn thì tôi chắc rằng cái sự “nổ” ấy cũng kinh hãi không kém. Chuyện nổ đó chỉ cần nghe qua vài câu là người ta biết ngay. Nổ như vậy được mô tả là nổ có license. Cái license là cái giấy chứng nhận hành nghề mà, không có nó là không được đâu nhá. Chẳng hạn một người tự nhận mình là kỹ sư điện, tốt nghiệp từ một trường đại học danh tiếng của Mỹ.

Theo lời anh nói, anh đã từng là kỹ sư trưởng trong một hãng Mỹ, dưới quyền anh có tới 4, 5 tên kỹ sư mũi lõ, mắt xanh, lương anh 150 đô la/giờ chứ không phải ít. Vậy mà anh cóc cần, “quit” job ngay để hành nghề tự do, sửa điện cho “phe ta” với giá phải chăng chứ không “chặt đẹp” như mấy tên chuyên viên bản xứ. Tìm cho ra được một người như anh trên cõi đời ô trược này đâu phải dễ ! Tuy nhiên, khi đi hành nghề sửa điện thì anh ta đưa ra cái danh thiếp trên đó có ghi cái “license number” đàng hoàng. Và thiên hạ bảo tôi rằng đó là một dạng nổ có license.

Nổ thì phải xẹt lửa, xẹt khói và xẹt hơi dù có license hay không. Lửa, khói, hơi xẹt ra từ người “nổ” khiến cho đời “bổng dưng vui”. Phải vui và hãnh diện vì phe ta có được một ngòi nổ rất đáng đồng tiền bát gạo.

Và đây là một “cây bút” để gần kho đạn. Anh ta viết xong một bài gửi đăng báo. Bài viết của anh không phải là truyện ngắn, tùy bút, khảo cứu hay tham luận chính trị gì cả mà là một bài về “thế thái nhân tình”. Anh gọi phone đến một người bạn hỏi ý kiến về bài viết của anh.

- Sao, anh thấy bài viết của tôi thế nào ?

- Rất tuyệt !

- Đó, anh thấy “văn tài” của tôi chưa ? ~~V~~ ~~ên~~ tôi là văn “bác học”, văn “éloquent”, văn Tự Lực Văn Đoàn mà. Anh nên ca tụng tôi một phát đi.

Cái kho đạn này có lẽ quên một điều cơ bản là khi một tác phẩm, một bài văn... đã phổ biến thì những gì anh viết xuống không còn thuộc về anh nữa mà thuộc về độc giả. Tự khen mình

hay bắt người khác khen mình, người ta gọi đó là “tự phát, tự nở” theo cái kiểu “tự biên tự diễn”. Tuy nhiên, không thể trách anh được vì đó là chuyện thường tình. Và cũng vì cái thường tình muôn thủa ấy nên người xưa đã nói “tự kỷ văn chương, tha nhân lão bà” mà ca dao ta diễn nôm câu nói trên như sau:

Xưa nay vẫn thói thường tình
Vợ người thì đẹp, văn mình thì hay.

Còn những “Việt kiều” về thăm quê hương mà tôi có dịp gặp trước khi sang xứ này, không có ai trong số họ nói rằng đang hưởng “oan phe”, làm thợ trong các hãng xưởng hay buôn bán...mà ai ai cũng nhận mình là kỹ sư, bác sĩ, tề lể cũng là chuyên viên kỹ thuật v.v... Những năm 87, 88 có thể coi là thời kỳ mở đầu những chuyến về thăm quê nhà của Việt kiều. Việt Cộng tiếp đãi họ rất trọng thể, nhất là các kho đạn tự xưng là bác sĩ, kỹ sư với hy vọng những vị này sẽ giúp đỡ tiền bạc, máy móc v.v... Tôi được nghe kể một chuyện như sau:

Một Việt kiều nhân chuyến về thăm quê nhà, ghé lại bệnh viện Phú Nhuận, tự xưng là bác sĩ và ngỏ ý muốn tham quan bệnh viện. Giám đốc bệnh viện cũng muốn nhân dịp này nhờ anh ta giúp cho một số trang bị dụng cụ y khoa. Anh được sẵn đón, tiếp đãi như một thượng khách. Anh được hướng dẫn đi thăm một vòng bệnh viện, lúc tiếp xúc với cán sự phụ trách phòng mổ của bệnh viện, anh ta đã lộ nguyên hình cái sự “để gần kho đạn” của anh qua mẫu đối thoại dưới đây giữa anh và nhân viên phụ trách điều hành phòng mổ.

- Thưa bác sĩ, bệnh viện mới xây cất nên phòng mổ cần trang bị một hệ thống đèn mổ không có bóng.

- Cô nói cái gì lạ vậy ? Cô xin trang bị đèn mà lại đòi đèn không có bóng là làm sao ?

Nhân viên phòng mổ có vẻ ngạc nhiên và nhận ra rằng anh ta không phải “dân trong nghề” nên giải thích:

- Đèn không có bóng là đèn không hắt bóng, tức là không in cái bóng của cửa dụng cụ, bàn tay hay cái đầu của bác sĩ che tối chỗ mổ trên người bệnh nhân, chứ không phải là cái bóng đèn.

Anh ta làm thinh. Sau đó, nhân viên phụ trách còn tiếp tục giải thích công dụng của hệ thống đèn phòng mổ là có thể khuếch tán hay hội tụ ánh sáng cũng như điều khiển chiếu ánh sáng xa, gần hoặc rọi vào nơi nào mà bác sĩ cần phải mổ. Anh ta bị nghe “giảng” nên xì nọc và “hổ” ngay tức khắc, cho thấy mình cũng là bác sĩ nhưng là bác sĩ chữa xe hơi:

- Cô không cần phải giải thích nữa. Tôi sửa xe hơi tôi biết. Nó giống như bóng đèn xe hơi chứ có khác cái gì đâu.

Sau buổi tham quan đó, anh “một đi không trở lại”, không “léo hánh” đến bệnh viện ấy nữa. Và cũng kể từ đó, Việt Cộng chỉ thị cho các cơ quan địa phương những quy định tiếp xúc với Việt kiều chặt chẽ hơn để khỏi bị lầm.

Trở lại chuyện bên xứ Mỹ này, một hôm tôi được mời “đi họ” cho lễ vu quy của con gái một người bạn. Bên họ đàn trai có một anh chàng mà tôi tin đến 99,99% anh ta để gần kho đạn Long Bình. Anh “nở” ghê quá, nở liên thanh, nở liên tu bất tận, nở không ngừng nghỉ, không hề mệt mỏi, từ chuyện văn học đến chuyện chính trị của nước Mỹ và trên thế giới, không cần biết những người chung quanh có lắng nghe anh nói không. Anh chỉ muốn chứng tỏ cái sự rất

“uyên bác”, rất “trên thông thiên văn, dưới thuộc địa lý” của anh mà thôi. Anh nói một câu, kể ra thì cũng “chí lý”:

- Tôi nghĩ, chúng ta cần phải tiếp xúc, phải nói chuyện để học hỏi những điều hay, điều lạ. Muốn thế, chúng ta phải nói chuyện với các luật sư, bác sĩ, các dân biểu, thượng nghị sĩ hay thị trưởng, thống đốc... thì kiến thức của chúng ta mới mở rộng chứ còn nói chuyện với những người “homeless” thì học hỏi được cái gì ?

Tôi không nói rằng anh nói không đúng nhưng với điều kiện nào để anh có nhiều cơ hội tiếp xúc, nói chuyện với các tầng lớp trên trong khi anh chỉ là một người bán trái cây ven đường ? Và chính anh là “nhân vật” gợi hứng cho tôi viết cái phiếm này. Tôi cảm ơn anh lắm lắm.

Tôi vẫn nghĩ rằng, trong một chừng mực nào đó, những “người để gần kho đạ” là những người hạnh phúc nhất (mặc dù hạnh phúc chỉ là một danh từ trừu tượng và mang một ý nghĩa rất tương đối). Tại sao tôi nói họ hạnh phúc ? Bởi vì khi họ nói ra những điều mà họ chỉ tưởng tượng như vậy thôi, nghĩa là những điều chưa từng có hay chưa từng xảy ra trong đời họ, tức là họ sống trong cái thế giới của sự tưởng tượng. Đó là cái thế giới riêng của chính họ, (một thế giới “ảo” nhưng cứ nổ đi nổ lại nhiều lần, thét rồi họ tưởng đó là sự thật) và họ sẽ không cần biết đến cái thế giới chung quanh họ nữa. Như thế, tôi có thể kết luận rằng những người “để gần kho đạ” là những người hạnh phúc nhất trên trần gian này. Chưa vị có đồng ý như vậy không ?

Vài nét trào phúng trong văn chương bình dân

Hình như không có một “chuyên gia” nào đưa ra nhận định hoặc đánh giá xem dân tộc nào trên thế giới có óc khôi hài cao nhất. Mặt khác, có lẽ vì mỗi dân tộc có cái “bản sắc” và nền văn hóa riêng của dân tộc đó cho nên không ai dám tự nhận rằng người xứ tôi “khôi hài” và “trào phúng” hơn người của xứ anh chẳng? Hẳn nhiên mỗi dân tộc có nụ cười riêng của họ. Theo sự hiểu biết rất hạn chế và “tầm ruồng” của tôi thì cái cười của người Pháp khác với người Anh, người Mỹ, cũng không giống Ấn Độ hay Tô Cách Lan vv... Và, bao giờ cũng vậy, khôi hài (trào phúng) luôn luôn dẫn đến những nụ cười. Có thể là cười mỉm, cười cay đắng, cười ngậm ngùi, cười hô hố, cười đau đớn... vì tính chất mỉa mai, châm biếm hay diễu cợt của câu chuyện khôi hài mang lại. Nói chung, khôi hài đem lại “cho đời những niềm vui” nhiều hơn (tôi nói nhiều hơn) là nhắm tới cái tác dụng cải tạo “xã hội”. Tôi vẫn nghĩ, nếu một người nào đó không hề có một tí máu khôi hài chảy trong huyết quản hay một chút “sense of humor” thì cuộc sống của người ấy thật là vô vị. Chán chết đi được!

Tôi còn nhớ những ngày thụ huấn trong quân trường hay ngay cả khi theo học các lớp huấn luyện quân sự do quân đội Hoa Kỳ tổ chức, huấn luyện viên luôn luôn bắt đầu bài học bằng cách kể một câu chuyện tiểu lâm (lắm khi rất tục) trước đã rồi sau đó mới đi vào nội dung của bài học. Rồi những ngày sống trên xứ Mỹ “lạ lùng và kỳ cục” này, tôi thấy người Mỹ cũng rất khôi hài. Ta có thể nhận ra điều ấy dễ dàng qua sách vở, báo chí, và các shows truyền hình. Dĩ nhiên, nụ cười của họ nhiều khi không khiến ta cười được nhưng thà có còn hơn không. Chẳng lẽ suốt ngày cái mặt cứ “ng nghiêm và buồn” mãi thì chi bằng uống ly thuốc độc cho rồi.

Nãy giờ tôi lan man câu chuyện mà chưa đi vào vấn đề chính tôi muốn đề cập đến trong bài viết này. Đó là óc khôi hài của người Việt ta nhiều hay ít? Tôi xin thưa mau rằng dân tộc ta là một dân tộc có óc khôi hài rất cao. Tôi cho rằng đức tính khôi hài của người Việt nhiều khi còn vượt qua và lấn át cả sự thông minh nữa đấy. Theo tôi, khó mà tìm được sự khôi hài, trào

phúng trong một con người đàn độn, ngu si. Trào phúng, trong một số trường hợp đồng nghĩa với châm biếm. Tôi tìm thấy trong kho tàng văn chương bình dân, ông cha ta đã đề cập đến rất nhiều vấn đề trong cuộc sống hàng ngày như những nụ cười, những cái hôn, những hẹn thề, những lời than trách, khôn và dại, xem tướng và coi bói, tình và tiền, tù và tội mà tôi đã từng bàn qua trong cuốn sách “Cõi Người Trong Văn Chương Bình Dân”. Dĩ nhiên, tôi cũng tìm thấy óc khôi hài, tính trào phúng của dân tộc ta qua ca dao nhiều hơn là trong các tác phẩm viết bằng văn xuôi như Truyện Tiếu Lâm của Ba Giai Tú Xuất, tiểu thuyết Giông Tố của Vũ Trọng Phụng, những bài thơ của Tú Xương, Nguyễn Khuyến hoặc những phóng sự thời đại xuất hiện trước năm 75 ở quê nhà như “Yêu Nhau Đi Chiều Hôm Tối Rồi” vv... và vv...

Qua văn chương truyền khẩu từ đời này đến đời kia, các cụ ta đã trào phúng về những chuyện gì? Ôi, nhiều chuyện lắm, ta sẽ bàn đến sau. Tuy nhiên, trước hết tôi phải dành ưu tiên đề cập đến những vần ca dao “chĩa” vào cái chế độ dã man, tàn ác, cực kỳ quái đản có một không hai trên trái đất này là Cộng Sản cái đã. Cái chế độ đó là nguyên nhân chính của nhiều triệu người dân Việt chết trong hai cuộc chiến và trên biển Đông, là nguyên nhân của sự nghèo đói, lạc hậu, chậm tiến của dân tộc ta. Cái chế độ đó hiện ngự trị trên quê hương yêu dấu của chúng ta bắt nguồn từ câu ca dao tân thời như sau:

Từ hang Pác Pó chui ra
Vươn vai một cái rồi ta chui vào

Như các bạn đã biết, năm 1954, sau khi chiếm được một nửa đất nước từ vĩ tuyến 17 trở ra, người dân miền Bắc phải sống dưới chế độ kềm kẹp sắt máu. Dưới chính thể Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, Việt Cộng đã từng áp dụng chính sách “ba khoan” hạn chế việc thi hành nhiệm vụ thiêng liêng là “truyền giống” của người dân trong nước. Ba khoan có thể hiểu đại khái là khi quen nhau thì hãy khoan yêu nhau, nếu yêu nhau rồi thì khoan cưới và nếu lỡ cưới nhau rồi thì khoan có con. Những câu ca dao dưới đây với nhóm chữ “thụt ra thụt vào” rất gợi hình đã nói lên hết cỡ cái khôi hài của chính sách:

Văn minh như cờ nước Nga
Chẳng ai cấm cản thụt ra thụt vào
Phong kiến như cờ nước Tàu
Cũng đâu có cấm thụt vào thụt ra
Anh hùng như nước Việt ta
Tại sao lại cấm thụt ra thụt vào?

Đó là chuyện cấm người dân “thụt”. Còn chuyện lấy vợ lấy chồng thì sao? Không phải hễ cứ yêu nhau là lấy được nhau đâu. Đảng lúc nào cũng xía vào để cưỡng ép. Nhất là cái vụ cưới vợ cho thương binh Việt Cộng. Hội Đồng Xã chỉ định cô X, con gái ông Bà Y phải kết duyên cùng thương binh Z, không có cái chuyện từ chối hay phản đối phản điếc gì hết. Cô X hay gia đình cô có bằng lòng hay không, không cần biết, đám cưới vẫn phải tiến hành như đã định. Anh thương binh Z phải lấy được nàng X vì bác Hồ đã ra lệnh. Không những bác Hồ nói anh phải lấy nàng mà cả Việt Minh và hai nước đầu sỏ là Nga sô, Trung Cộng cũng đều “phán” như thế:

Việt nam Dân Chủ Cộng Hòa
Cụ Hồ đã bảo rằng ta lấy mình
Không tin đi hỏi Việt Minh
Việt Minh cũng bảo rằng mình lấy ta
Không tin sang hỏi Nga-Hoa
Nga-Hoa cũng bảo rằng ta lấy mình

Trước khi Cộng Sản cưỡng chiếm miền Nam, qua tài liệu, sách vở và báo chí tôi biết rằng người dân ở miền Bắc rất nghèo nhưng tôi không thể nào hình dung ra được họ nghèo đến

mức nào. Ngày mất nước, ở lại quê nhà, tôi phải đi “cải tạo” và năm 1976 lúc bị đày ra Bắc tôi mới thấy rõ họ đã nghèo và sống một cuộc sống cơ cực quá sức tưởng tượng của tôi. Những ngày đi lao động khổ sai ở trại 8 Hoàng Liên Sơn, thỉnh thoảng tôi cũng tiếp xúc (lén lút) với những người dân sống trong vùng. Tôi nhớ có biểu cho một cụ già đôi vợ nhà binh, cụ rất quý. Đồi lại, cụ cho tôi thuốc Lào, khoai mì, khoai lang, bắp...bất cứ khi nào đi lao động ghé ngang “nương rẫy” của cụ. Cô con gái của cụ tên là Đào nói với tôi là cô mơ ước có được vài thước vải trắng và cô hỏi tôi có loại vải đó không? Nếu có thì cho cô để may quần áo. Khi chuyển từ Nam ra Bắc, tôi có mang theo một cái bao vải trắng có bông, loại bao đựng gạo, tôi đành biểu cô để cái bụng tôi được no nhờ những củ khoai, củ sắn mà cô cho tôi. Thành ra, ta sẽ không lấy làm lạ chút nào khi biết mỗi người dân miền Bắc hàng năm chỉ được mua (hay cấp) có 3 thước vải xô. Và cái khôì hài đen ở đây là ngàn ấy vải thì làm sao che kín nổi “ông thần nước mặn” trên cơ thể con người:

Một năm 3 thước vải xô
Làm sao che kín “bác Hồ” em ơi!

Câu ca dao trên cho chúng ta thấy ngay cả người mà Đảng đã cất công đánh bóng tôn sùng như một vị “cha già dân tộc” cũng còn bị người dân mang ra sánh với cái bộ phận thường chỉ dùng để chửi bới nhau thì một ông Tướng “huyền thoại Điện Biên” bốn sao họ Võ cũng không thoát khỏi số phận khi ông bị Đảng hạ tầng công tác, chỉ lo đặc trách kế hoạch sinh sản:

Ngày xưa Đại Tướng cầm quân
Bây giờ Đại Tướng cầm quần chị em

Người dân Việt sống dưới chế độ Cộng Sản chán ghét lãnh tụ của họ đến mức đã tạo ra những vần ca dao vô cùng bôi bác và đã đưa cái chất khôì hài lên cao nhất:

Bác Hồ cùng với Bác Tôn
Rủ nhau xuống suối dòm... mồm Minh Khai.

Tôi tin rằng kể từ khi chủ nghĩa Cộng Sản “ngự trị” trên đất nước Việt Nam, cùng với những hình thức nghệ thuật khác, nền văn học bình dân, nói chung là ca dao, đã góp phần không nhỏ trong nhiệm vụ chống đối, mỉa mai, phỉ báng, nguyên rủa những con người tuy trí khôn ngẩn ngủ nhưng vẫn tự nhận là “đỉnh cao trí tuệ”, là “lương tâm của thời đại”...Tiếc rằng vì những điều kiện “khách quan” chúng ta chưa có dịp thu thập đầy đủ và do đó, phần ca dao “chĩa” vào chế độ Cộng Sản trong bài viết này phải nói là rất hạn chế. Bên cạnh đó, tôi cũng tin rằng những vần thơ Bút Tre đến một ngày nào đó sẽ bị nhảm là ca dao, vì nó khôì hài quá, gần gũi quá, tự nhiên quá với những câu như:

Chị em du kích giỏi thay
Bắn máy bay Mỹ rớt ngay...cửa mình

hay:

Anh đi công tác Pờ Lây
Cu dài dằng dặc biết ngày nào ra

(Tôi nghĩ đến điều nhằm lẫn rất có thể xảy ra như vậy vì nhớ lại câu thơ của thi sĩ Bằng Bá Lân “Hỡi cô tát nước bên đờng. Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi”, từ hồi nào đến giờ, dân gian vẫn xem hai câu ấy là ca dao chứ không hề biết rằng chính thi sĩ Bằng Bá Lân là tác giả)

Tôi cũng sưu tập được một số câu ca dao đề cập đến mấy anh cán ngổ Việt Cộng nói phét, tuy rất khôì hài nhưng không thể ghi vào đây vì nếu các bạn đọc qua, các bạn sẽ “nổi nóng” ngay. Chi bằng, ta trở về ta tắm ao ta, để xem ông cha ta từ ngày xưa, qua những vần ca dao đã có cái nhìn rất khôì hài về cõi nhân sinh ra sao.

Đầu tiên là chuyện mang tính cách “sát sườn” nhất trong cuộc sống. Bây giờ giả sử có người nào đó hỏi bạn rằng nếu bạn phải bỏ tiền ra mua một người đẹp thì bạn sẽ mua như thế nào? Tôi không biết bạn sẽ mua bán, trả giá ra sao để được làm chủ người đẹp nhưng các cụ ta ngày xưa thì rất đặc biệt. Các cụ rất thực tế nghĩa là chỉ mua cái vùng “đẹp” nhất, thiêng liêng nhất, hấp dẫn nhất, bí ẩn nhất trên cơ thể người đàn bà mà thôi. Cái “vùng đất” đã làm thân bại danh liệt không biết bao nhiêu đấng nam nhi chí chí, còn các mục linh kinh khác tuy cũng rất đáng đồng tiền bát gạo như mái tóc, đôi mắt, làn môi thì các cụ cóc cần, phó mặc cho đất trời:

Hỏi cô yếm thắm bùa đeo

Bác mẹ có bán anh mua nửa người

Anh mua từ rốn đến đùi

Từ bụng đến mặt, mặc trời với em

Tuy nhiên không phải cụ nào cũng giống nhau, chỉ biết một nơi chốn mà thôi. Đây là một cụ rất biết thưởng thức cái đẹp, cái thắm mỹ mà Thượng Đế đã ban cho người nữ. Nhưng cách thưởng thức của cụ này không được lịch sự cho lắm, cụ chịu trả tiền để rờ thử xem cứng mềm ra sao chứ không muốn ngắm:

Vú em chum chúm chũm cau

Cho anh rờ thử có đau anh đền

Vú em chỉ đáng một tiền

Cho anh rờ thử anh đền năm quan

Một cụ khác, thấy cô nàng đang chèo ghe, cặp vú rung rinh theo mái chèo, cụ không thích nhìn, không muốn rờ, mà chỉ muốn hun:

Nước chảy láng linh, chảy ra Vàm Cú

Thấy dáng em chèo, cặp vú muốn hun

Khi còn trẻ thì các cụ quậy phá và khôi hài như thế. Lúc về già, mắt mũi kèm nhèm, trí nhớ kém, quên trước quên sau nên có cụ chẳng biết cái vùng đất bí ẩn nhất của người đàn bà đang “tọa lạc” nơi nào, đành phải đi hỏi người còn sáng suốt hơn:

Ông lão chống gậy lù khù

Hỏi thăm bà lão “tiệm” mu nơi nào

Bà lão mới sẽ thì thảo

Đi qua “quán” rốn thì vào “tiệm” mu

Đời sống của người phụ nữ, từ chuyện ăn ở cho đến chồng con vv...được các cụ bàn ra tán vào rất kỹ. Ta hãy lần lượt xem các cụ nhìn ngắm từng vấn đề ấy ra sao. Trước hết là chuyện con gái muốn chồng. Tuổi mười tám hai mươi muốn có tám chồng thì cũng bình thường thôi, đàng này mới có mười ba mười bảy mà “khóc la” đòi chồng thì cô bé bị mẹ đánh đòn là phải, là đúng. Tuy nhiên, cô bé phản pháo lại rằng ngày xưa lúc mẹ bằng tuổi con bây giờ, mẹ cũng có ước muốn ấy cơ mà :

Con gái mười bảy mười ba

Đêm nằm với mẹ khóc la đòi chồng

Mẹ đập một cái vào hông

Không nằm mà ngủ, đòi chồng chi mi

Ranh càng nó bắt mẹ bắt đi

Khi xưa mẹ nhỏ cũng thì như con

Có cô thì không đòi chồng một cách lộ liễu như thế mà chỉ tỏ ra buồn thôi. Nỗi buồn của cô là loại nỗi buồn vô cớ, buồn không tên, buồn “không giấy khai sinh”, buồn “công viên ghé đá” khi cô ngòai mơ màng bên cửa sổ, tần mẩn coi lại “con sò” của mình xấu đẹp ra sao:

Cô kia buồn sở buồn so
Ngồi bên cửa sổ mở sò ra coi

Các cô đang có chuyện buồn, biếng ăn, biếng ngủ, gọi chẳng muốn thưa, hỏi chẳng muốn trả lời nhưng có ai đề cập đến chuyện lấy chồng thì cô tỉnh như sáo sậu :

Buồn chẳng muốn nói
Gọi chẳng muốn trông
Tưởng sự lấy chồng
Tĩnh như con sáo

Và kể từ ngày cô nàng đã ăn “miếng trầu” rồi thì con người cô đổi khác ngay. Chẳng hiểu chuyện “chồng vợ” ấy có điều chi đã làm cho cô không chỉ quên cha, quên mẹ, quên cửa quên nhà mà còn quên hết cả đất trời:

Từ ngày ăn phải miếng trầu
Miếng ăn môi đỏ, dạ sâu đăm chiêu
Biết rằng thuốc dẫu hay là bùa yêu,
Làm cho ăn phải nhiều điều xót xa,
Làm cho quên mẹ quên cha quên cửa quên nhà,
Làm cho quên cả đường ra lối vào.
Làm cho quên cá dưới ao,
Quên sông tắm mát, quên sao trên trời.

Có chồng rồi thì nhiều khi “thần thờ “ như thế, còn nếu cứ mãi kén chọn chưa chịu nâng khăn sửa túi cho ai nên đành phải thui thủi một mình một bóng. Cô không tự trách mình mà gào thét trách trời đã không đoái hoài gì đến phần số của cô. Và ông trời cũng khô hài không kém, ông bảo mày kén chọn quá thì mày hãy cứ tiếp tục sống “trước sau như một” vậy:

Đi đâu mà chẳng lấy chồng
Người ta lấy hết chồng mông mà gào
Gào rằng đất thấp trời cao
Sao không thí bỏ cho tao tấm chồng
Ông trời ngoảnh lại ông trông
“Mày hay kén chọn ông không cho mày”

Tuy vậy cũng có những cô nàng rất gan lì, gan lì một cách ngoại lệ, nghĩa là cứ tỉnh bơ coi chuyện chồng con không phải là điều bận tâm lo lắng:

Trai ba mươi tuổi đang xoan
Gái ba mươi tuổi còn toàn nữ nhi
Bốn mươi tuổi chưa đến thì
Năm mươi chưa đến, vợ chi lấy chồng
Sáu mươi vác cuốc ra đồng
Hỏi ông Tư, bà Nguyệt lấy chồng được chưa?

Các cụ khuyên răn rất đúng, làm thân con gái phải lo cho có tấm chồng chứ mùa Đông đến rồi, rét mướt lắm. Mền bông dù đắp dăm ba cái vẫn không thể nào đủ ấm bằng loại “mền da” đâu. Đã thế, chả có cô bạn hàng xóm láng giềng nào tốt bụng đến nỗi cho cô mượn tạm cái “mền da” ấy một vài đêm:

Làm thân con gái phải lo
Mùa Đông tháng giá ai cho mượn chồng

Mà cho dù cô hàng xóm có tốt bụng, có thông cảm cái sự thèm “của chua” của cô mà cho cô mượn tạm cái “mền da” rất tuyệt cú mèo, rất hùng dũng ấy đi nữa thì cũng chỉ “một-lần-thử-chơi-cho-biết” chứ chàng ta đâu phải loại trâu bò mà hì hục cày bừa cả ngày lẫn đêm:

Của chua ai thấy chẳng thèm
Em cho chị mượn chồng em vài ngày
Chồng em nào phải trâu cày
Mà cho chị mượn cả ngày lẫn đêm

Chuyện chồng con của các cô nàng không phải lúc nào cũng thuận buồm xuôi gió. Cơm không lành canh không ngọt dẫn đến đổ vỡ chia lìa, lúc ấy thì cô nàng lại “chửi bới” ông Tư bà Nguyệt đã xe duyên lắm:

Ông Tư chết tiệt, bà Nguyệt chết dằm
Sao ông xe nhảm làm dở dang tôi
Ai làm cho dở dang Giờ
Mà Giờ làm dở dang tôi thế này!

Thời nào cũng vậy, có những cô nàng tính toán rất kỹ. Chọn một anh khứa lão nào đó sắp gần đất xa trời mà có “của ăn của để” lấy làm chồng. Để sau đó, chẳng chóng thì chầy, anh khứa lão sẽ đi “tàu suốt”, bấy giờ ta sẽ tìm đến một anh trai tơ cũng chả mượn màng gì:

Trời mưa nước chảy qua sân
Em lấy ông lão qua lần thì thôi
Bao giờ ông lão chầu trời
Thì em lại lấy một người trai tơ

Cô đã có chủ tâm như thế cho nên cô không hề e ngại việc bạn bè hay thiên hạ cười chê:

Vô duyên lấy phải chồng già
Kêu chồng thì lỡ, kêu cha bạn cười

Thật ra vấn đề ở đây không phải là vô duyên hay có duyên nhưng vì mấy ông già có quá nhiều tiền. Với điều kiện đó thì thiếu gì gái tơ nhào vô:

Mượp già thì mượp có xơ
Người già lắm của gái tơ thiếu gì

Chồng già vợ trẻ là chuyện rất bình thường, còn vợ già chồng trẻ thì coi bộ hiếm hoi. Chỉ hiếm thôi chứ không phải không có. Thường thì mấy anh chồng trẻ được mấy “bà già” cưng lắm, chiều chuộng hết sẩy luôn. Mọi chuyện trong nhà từ trước ra sau, cơm gà cá gỏi bà lo lắng tươm tất. Thế mà các cụ ta cho rằng đó là duyên con bò, cũng lạ thật!:

Có phúc lấy được vợ già
Cơm canh ngọt lịm cửa nhà sạch trơn

Và:

Chồng già vợ trẻ là tiên
Vợ già chồng trẻ là duyên con bò

Và các cụ đã đưa ra một hình ảnh ví von rất tuyệt để nói lên cái sự thương tình của các “ông già” giàu có cưới được vợ trẻ:

Áo dài chẳng nệ quần thưa
Bảy mươi có cửa cũng vừa mười lăm

Tuy nhiên, lấy phải một ông chồng già cũng có những sinh hoạt không thoải mái chút nào như ngoài chuyện hầu rượu, hầu trà, hầu tắm, rửa râu cho ông mà đêm đến còn phải dắt ông đi nằm nữa mới là điều phiền toái:

Bữa cơm múc nước rửa râu
Hầu cơm, hầu rượu, hầu trà, hầu tắm
Đêm đêm dắt cụ đi nằm
Than thân phận gái ôm lưng lão già
Ông ơi ông buông tôi ra
Kéo ai trông thấy, người ta chê cười

Hẳn nhiên, vợ già chồng trẻ là chuyện không bình thường, không hợp với quy luật của đời sống cho nên hạnh phúc có vẻ hiếm hoi. Có một câu chuyện tiêu lâm liên quan đến vợ già chồng trẻ như sau: “Một bà nạ dòng tuổi trên 5 bó, tiền bạc rủng rịa, vợ được một anh chồng khoảng 3 bó. Sống với nhau được một năm, anh chồng bỗng bỏ nhà đi biệt tăm. Bà coi lại tiền trong băng, chàng ta cuỗm đi sạch trơn. Bà thất vọng muốn tự tử. Bà đi bác sĩ, hỏi vị trí quả tim của con người nằm ở chỗ nào. Bác sĩ nói ở ngay đầu vú bên trái. Về nhà, theo hướng dẫn, bà lấy dao đâm ngay vào đầu vú bên trái. Bà không chết, đau quá bà gọi cấp cứu. Chờ vào bệnh viện, người ta khám thấy bà bị thủng ruột. Hôm sau, bác sĩ nghe tin đến bệnh viện thăm bà. Bà kể tự sự đầu cua tai nheo cho bác sĩ nghe. Bác sĩ nói với bà: Tôi đâu biết bà có ý định tự tử. Tôi nói quả tim ở đầu vú bên trái là đối với các cô còn trẻ thôi mà!”

Còn trẻ thì không nói làm chi chứ khi đã trở thành “khửa lão” rồi thì đầu gối long bánh chè, hết xí quách nên cái chuyện làm “nghĩa vụ công dân” coi như Xuân Thu nhị kỳ, bết bát vô cùng. Ngày xưa, làm gì có thần dược Viagra như bây giờ (một ông bạn của tôi đọc trại ra là thuốc “Vô Ga Ra”, ông còn nói khi sử dụng loại thần dược này, xe thì vô ga ra được chứ hai bánh xe vẫn cứ bị kẹt ở bên ngoài!). Còn tìm đến các toa thuốc Minh Mạng “Ngũ Giao Sinh Lục Tử” thì thường dân để gì rở tới. Vì thế, đối với những chàng “vô tích sự” cô nàng đành phải nhắc khéo:

Có chồng phải “ấy” ai ơi
Có sao anh lại khơi khơi nằm kè?

Cái chuyện “ấy” là chuyện tự nhiên, chuyện bình thường trong đời sống con người. Các nàng không hề sợ nó, có sợ chẳng là sợ những tên say rượu dai như đĩa xôi làm “đau” nàng:

“Nàng” rằng “Nàng” chẳng sợ ai
Sợ thằng say rượu “ấy” dai đau “Nàng”

Với những anh chồng say rượu thì các nàng chỉ “sợ” thôi chứ không “khinh”. Dưới đây là một loạt những anh chồng đại cà chớn, chẳng làm nên được việc gì ích quốc lợi dân. Trong cái cung cách so sánh “chồng ta chồng người” cho thấy ở nàng có sự mỉa mai, châm biếm. Chồng người thì đang đi đánh trận miền xa, xông pha nơi chốn hòn tên mũi đạn, chống lại kẻ thù xâm lăng, bảo vệ đất nước, trong khi đó thì ngược lại, chồng nàng là một loại trốn lính, chỉ quanh quẩn ở nhà và đã bị gà đá gãy chân. Cái khôi hài, mỉa mai, châm biếm ở đây là chính con gà đá gãy chân chồng nàng:

Chồng người vì nước xông pha
Chồng tôi ở nhà, gà đá gãy chân

Một anh chồng khác cũng thuộc loại “chả ra gì”, chẳng chịu làm ăn, không hề đi đây đi đó, lên ngược, xuống xuôi để kiếm thêm thu nhập cho gia đình. Anh ta ngồi ở xó bếp suốt ngày đến nỗi cái “cửa quý” của anh (có lẽ quá khổ, thuộc loại king size) đã thông xuống, chắm vào đồng tro bếp:

Chồng người đi ngược về xuôi
Chồng tôi ngồi bếp để... buôi chắm gio !

Lại thêm một anh nữa “đồng bệnh” với anh trên, y hết như một con gà loay hoay với cái cối xay. Thiên hạ thì vác giáo, vác dao săn đuổi cọp beo, còn anh thì chỉ có mỗi khả năng là “vác” đũa đuổi mấy con mèo thường ăn vụng quanh mâm cơm mà thôi:

[Chồng người vác giáo săn beo](#)

[Chồng tôi vác đũa săn mèo quanh mâm.](#)

Chồng người ta là một văn nhân nghệ sĩ, hào hoa phong nhã, biết chơi đàn chơi địch, thổi sáo thổi tiêu, văn nghệ văn gừng. Thật đáng hãnh diện biết bao! Còn chồng tôi lại là một kẻ tham ăn háu uống, tối ngày không biết làm gì khác hơn là ngồi bên bếp chờ nồi bún riêu nấu xong là nhào tới mức ăn liền đến nổi bỏng cả mồm:

[Chồng người thổi sáo thổi tiêu](#)

[Chồng tôi ngồi bếp húp riêu bỏng mồm](#)

Đừng tưởng các cô không biết so sánh, so bì chồng người chồng tôi chức phận, danh giá ra sao. Này nhé, chồng người ta là thầy thông, thầy kỹ, lên xe xuống ngựa, còn chồng tôi đâu cần học hành đỗ đạt mà cũng được người đời gọi là thầy thông chứ bộ đùa à. Mỗi lần hút thuốc lào, anh ta lấy que “thông” cái nõ điếu cho “thông” để khi hút nó mới “phê” và có tiếng kêu rét rét chứ. Thì cũng là “Thông” cả!

[Chồng người Thông Phán đầu tòa](#)

[Chồng tôi thông điếu cũng là thầy Thông](#)

Khi đưa ra những ý tưởng “so sánh” một cách mỉa mai và ít nhiều bôi bác về những ông chồng của mình như thế, hẳn nhiên là các nàng thấy không vui trong lòng chút nào. Từ chỗ không bằng lòng, không vui dẫn đến chuyện bất hòa chỉ có một bước ngắn. Mà đã bất hòa cãi lộn nhau rồi thì có cách nào giải quyết cho ổn thỏa đây? Ông cha ta với kinh nghiệm dày mình, đã từng giải quyết nhanh chóng những vụ “xung đột” giữa vợ chồng với nhau nên đã “truyền” lại cho đám hậu sinh chúng ta một “phương cách” mà tôi cho là đúng tới một ngàn phần trăm. Theo các cụ, chỉ việc gửi ông “đại sứ” đi giảng hòa là mọi chuyện êm xuôi ngay:

[Mù u ba lá mù u](#)

[Vợ chồng cãi lộn, con cu giảng hòa](#)

Rõ ràng là các nàng không thích lấy những anh chồng vô công rồi nghề lại lười biếng, không chịu đi làm (y hết như một số “nhân sự” trên xứ Mỹ này, nhất là Mỹ đen, chả chịu lao động, tìm đủ cách hưởng “oen phe” hay chạy chọt sao cho có giấy đau bệnh để hưởng tiền tàn tật, sống suốt đời trên lưng người khác mà lại rất hung hăng con bọ xít, nói phét một tấc đến trời nữa mới là chuyện khôi hài đen!). Những anh chồng có các nghề sau đây thường được các nàng ưa thích. Đó là các anh thợ sơn, thợ kèn:

[Lòng em muốn lấy thợ sơn](#)

[Một mình một cỗ còn hơn thợ kèn](#)

[Lòng em muốn lấy thợ kèn](#)

[Đám trọng có bánh, đám hèn có xôi](#)

Đặc biệt là anh thợ bào, được các nàng chiếu cố tận tình:

[Lòng em muốn lấy thợ bào](#)

[Ảnh khom lưng ảnh đầy cái nào cũng sâu!](#)

Trong số những “thợ thuyền”, có hai loại “thợ” được các cụ khuyên không nên lấy làm chồng vì những lý do rất “giỡn chơi”, không có sức “thuyết phục” chút nào. Đó là các anh thợ cưa và thợ cày:

[Em ơi đừng lấy thợ cưa](#)

[Có hai hòn d...đong đưa suốt ngày](#)

Em ơi đừng lấy thợ cày
Có hai hòn d... suốt ngày lấm lem

Có vẻ là các nàng không thích lấy mấy anh chồng lùn, thấp hơn mình như trường hợp dưới đây:

Mẹ tôi tham thúng xôi rền
Tham con lợn béo, tham tiền Cảnh Hưng
Tôi đã bảo mẹ rằng đừng
Mẹ hấm mẹ hứ mẹ bưng ngay vào
Bây giờ chồng thấp vợ cao
Như đôi đũa lệch so sao cho bằng

Tuy vậy, điều bất tiện và rất phiền toái lại thuộc về anh chồng chứ không phải cho chị vợ, bởi vì khi anh muốn sờ vú vợ thì anh phải bắc ghế đứng lên cho cao bằng, còn nếu nhà không có ghế thì anh đành phải dùng sào:

Chồng thấp mà lấy vợ cao
Đến khi bóp vú lấy sào mà quơ!

Phải nói rằng cái nhìn của các cụ ta về cõi nhân sinh rất đa dạng, phong phú. Thanh gươm trào phúng của các cụ chĩa vào từng ngõ ngách của cuộc sống kể cả các bậc tu hành như những nhà sư “phá giới” lòng còn vướng quá nhiều bụi trần:

Sư đang tụng niệm nam mô
Thấy cô cắp giỏ mò cua bên hồ
Lòng sư luống những mơ hồ
Bỏ kinh bỏ kệ, tìm cô hỏi chào
Ai ngờ cô đi đàng nào
Tay lần tràng hạt ra vào bấn khoản

Thà rằng bấn khoản đi ra đi vào như thế ít ra còn che đậy một cách kín đáo cái “lòng tà” của mình chứ không tệt hại như “thành phần hết thuốc chữa” dưới đây:

Mồm thì tụng niệm nam mô
Miệng thì rượu thịt lu bù sớm hôm
Một tay gõ mõ gõ chuông
Một tay bóp vú cô nường nghe kinh

Lại còn có vị khuyên “đệ tử” một cách khoái khẩu theo kiểu:

Đi tu sư bắt ăn chay
Thịt chó ăn được, thịt cầy thì không

Các cụ ta không chỉ “châm biếm” quý vị tu hành không đàng hoàng, không đạo hạnh nói trên mà còn mấy ông thầy cúng, thầy bói, thầy địa lý, thầy lang trọc, thầy tướng số vv...các cụ cũng không chừa. Chả hiểu các cụ có tin tưởng chút nào về mấy ông thầy này không chứ những ý kiến các cụ đưa ra có vẻ như chuyện đùa, chuyện giỡn chơi.

Đây là nhận xét về thầy địa lý:

Nếu mà long, hổ có tay
Thì thầy địa lý có ngày mất răng

Hoặc:

Hòn đất mà biết nói năng
Thì thầy địa lý hàm răng không còn

Còn thầy lang trọc thì phải nói là rất thâm:
Thầy khoe thầy cứu được người
Đến khi thầy ốm chẳng ai cứu thầy

Và may ra thì chỉ có ma mới cứu được mấy ông thầy lang trọc này mà thôi:
Thầy mạnh thầy chữa người ta
Đến khi thầy ốm thì ma chữa thầy

Riêng các ông thầy tướng số thì các cụ cho mấy vị thầy ấy xem tướng một cách rất “huề vốn”,
chẳng hạn như xem tướng cho một phụ nữ sau đây:

Số cô không giàu thì nghèo
Ngày ba mươi Tết thịt treo trong nhà
Số cô có mẹ có cha
Mẹ cô đàn bà, cha cô đàn ông
Số cô có vợ có chồng
Sanh con đầu lòng, không gái thì trai
Số cô đánh bạc đánh bài
Không Xiu thì Tài tôi chẳng nói sai
Nhưng có lẽ tào lao nhất vẫn là mấy anh thầy bói:
Nhà này có quái trong nhà
Có con chó mực sủa ra đặng mồm
Nhà bà có con chó đen
Người lạ nó cắn người quen nó mừng
Nhà bà có cái cối xay
Bốn chân xuống đất, ngỗng quay lên trời

Các ông thầy cúng cũng bị các cụ “bôi bác” một cách rất tức cười. Lóc cóc leng keng gì một
thời một hồi rồi cuối cùng con gà trống thiến ấy phải dành riêng cho thầy chứ không được để
cho ai khác. Thậm chí đơm xôi mà đơm vơi đĩa thầy cúng cũng chẳng chịu đâu:

Chập chập rồi lại cheng cheng
Con gà trống thiến để riêng cho thầy
Đơm xôi thì đơm cho đầy
Đơm mà vơi đĩa thì thầy không ưa.

Nhưng ông thầy cúng trên chưa phải là một ông thầy cúng giỏi. Dưới con mắt nhìn của các cụ
thì một thầy cúng giỏi được ghi lại một cách linh động như sau:

Đơm đóm bay qua
Thầy tướng là ma
Thầy ù thầy chạy
Ba thằng vác gậy
Đi đón thầy về
Bắt con lợn sề
Cho thầy chọc tiết
Bắt con cá diếc
Cho thầy bóc mang
Bắt con tôm càng
Cho thầy bóc vỏ
Lấy đôi dưa đỏ
Cho thầy gài lưng
Bóc đồng bánh chưng
Cho thầy chắm mật

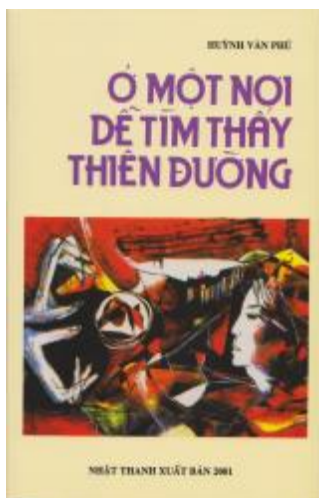
Nhà nghiên cứu khoa học nhân văn người Pháp, ông Francois Rabelais có nói: “Cười là một đặc tính của con người”. Câu nói ấy có thể hiểu xa hơn là Thượng Đế đã ban cho con người một ân huệ. Đó là, chỉ có con người mới biết cười chứ các sinh vật khác không hề biết cười. Chưa có nhà “bác vật” nào đã bỏ công ra sưu tầm nghiên cứu để sau đó đưa ra lời tuyên bố chắc nịch rằng con voi, con cọp, con kiến, con cào cào, con cá vv...và vv... biết cười. Do đó, trong mối quan hệ giữa người và người và trong ngôn ngữ giao tiếp hàng ngày, nụ cười không bao giờ thiếu vắng. Và vì thế, ông cha ta, những nghệ sĩ dân gian, với cái nhìn sâu sắc, óc khôi hài châm biếm và trào lộng, mà qua văn chương truyền khẩu, đã để lại cho hậu thế một kho tàng hết sức phong phú, đa dạng về nội dung, đề cập đến mọi vấn đề trong mọi lãnh vực của đời sống từ vật chất đến tinh thần. Ca dao trào phúng chính là những sản phẩm của lời nói dân gian, trong đó chứa đựng những tiếng cười theo từng cung bậc khác nhau tùy theo mục đích nhắm tới, như đã kích châm biếm thói hư tật xấu, quan niệm sống lỗi thời, hay mang ý hướng phê bình giáo dục...hoặc chỉ gây nụ cười suông cho vui cửa vui nhà (Vui từ trong cửa vui ra) vv... đều cho chúng ta thấy được sự quan sát, trí tưởng tượng và đôi khi có cả hư cấu trong nghệ thuật sáng tạo của người xưa đã đạt đến trình độ bậc thầy.

Điều sau cùng tôi muốn trình bày là, trong phạm vi giới hạn của một bài viết, tuy còn nhiều câu ca dao rất vui đề cập đến mọi vấn đề chung quanh đời sống chúng ta nhưng tôi đành phải tạm dừng ở đây. Và nếu “một nụ cười bằng mười thang thuốc bổ” thì tôi ước mong bài viết còn nhiều thiếu sót này chỉ mang lại cho các bạn được chừng một thang thuốc bổ thôi.

Tài liệu tham khảo : - Cõi Người Trong Văn Chương Bình Dân
(Huỳnh Văn Phú, nxb Văn Mới, 2000)

Bà Bắc Kỳ nhà tôi, đọc cho tôi chép lại những vần ca dao từ trong trí nhớ của bà

Phụ đính :



Chuyện những người có gắn cục pin ở...

Tôi còn nhớ khi học môn Vật Lý ở lớp đệ Tứ có dạy cách chế tạo và công dụng của các cục pin. Pin phát sinh ra dòng điện mà công dụng của điện thì ai cũng biết là muôn hình vạn trạng, không kể xiết. Dòng điện phát ra từ Pin có cường độ khá nhỏ, chỉ chừng vài Am Pe là nhiều cho nên hầu như nó không gây cho ta cái cảm giác bị điện giật như điện từ bình ắc quy xe hơi.

Phải nói là công dụng của pin thật đa dạng. Thử tưởng tượng đời sống hiện tại của chúng ta mà không có pin thì buồn chán biết bao. Không có pin, các loại máy móc cần phải chạy bằng pin như máy giúp người điếc (hearing-aid) nghe cho rõ hơn, máy trợ tim giúp cho người tim yếu đập mạnh thêm chút nữa để tim có thể bơm máu đến khắp nơi nuôi sống cơ thể (những người tim yếu này đa phần lúc còn trẻ đã bị ách tình hành hạ khá kỹ, tim thủng vài chục lỗ nên khi về già nó đập không nổi nữa, cần phải có máy trợ tim!), radio, cassette, đồng hồ, camera, máy chụp ảnh, đèn pin vv... đều trở thành vô dụng. Tuy vậy, theo tôi công dụng đáng kể nhất của pin là làm cho các máy radio, cassette phát ra được âm thanh, tiếng nói... Có âm thanh, có tiếng nói như âm nhạc hay ca hát thì cõi đời này mới thêm vui tươi, khóa lấp được phần nào những phiền muộn, oán ăm hàng ngày.

Như đã nói, pin gắn vào các máy trợ tim, hearing-aid đặt vào cơ thể con người với công dụng đã kể trên, ngoài ra còn có một loại pin rất “hiện đại và siêu việt” không gắn vào máy móc nào hết lại gắn trực tiếp vào một nơi nào đó trong con người mà khó ai có thể nhận thấy được. Tôi tạm cho là nó được gắn ở hậu môn y hệt như loại thuốc viên suppositoire vậy. Có giấy nối từ pin đến một công tắc “On, Off” bỏ vào túi quần rất gọn nhẹ. Loại pin này có một tác dụng đặc biệt là khiến cho người “nhận” nó nói nhiều hơn gấp trăm lần so với lúc bình thường.

Trong đời, bạn đã gặp người nào có gắn “cục pin” như thế chưa? Riêng tôi, tôi đã gặp loại người ấy lần đầu tiên vào năm 1973 tại bờ sông Thạch Hãn, Quảng Trị lúc phe ta và phe Cộng trao trả tù binh theo quy định của hiệp định ngừng bắn ký kết ở Paris hồi tháng 1/1973. Đó là một anh cán bộ Việt Cộng, mang quân hàm Đại Úy, mặc quân phục may bằng loại vải ka ki Nam Định, chân đi dép râu (loại dép làm bằng lớp cao su xe hơi phế thải), đầu đội nón cối, vai mang xà cọt (tức là cái túi da nhỏ đựng giấy tờ).

Tôi nghĩ không cần thiết phải kể lại chuyện hai bên ta và địch trao trả tù binh, chuyện đáng bàn ở đây là anh chàng cán bộ ấy dưới tác dụng của “cục pin” gắn ở hậu môn, anh ta đã phát ngôn ra sao. Anh cán bộ ra đứng đó, rất tự nhiên và trơ trên đúng như sách vở Mác Lê đã dạy, bắt đầu nói. Anh nói nhiều lắm, nói thao thao bất tuyệt, nói không ngừng nghỉ. Tôi tiếc tôi không thể nhớ nổi anh nói những gì vì những ngôn từ anh nói lúc ấy tôi nghe rất lạ tai. Trước mặt, bên phải, bên trái, đằng sau không có ai đứng gần anh. Vậy mà anh vẫn cứ nói. Anh nói như thể là nói với hư không. Sau này tôi mới hiểu Đảng và Nhà Nước Xã Hội Chủ Nghĩa gắn cho anh “cục pin” là để vào thời điểm ấy anh phải nói, nói và nói. Còn có đối tượng hoặc đối tượng có nghe anh nói hay không, không thành vấn đề. Một người bạn cùng đơn vị tôi có tham dự buổi trao trả tù binh hôm ấy, thấy chàng cán bộ nói như máy mà không cần để ý đến có ai nghe không, bèn hỏi tôi: - Ủa, cái thằng Việt Cộng này điên rồi sao mà nó cứ nói khơi khơi vậy mà? Tôi không trả lời bạn tôi mà tiếp tục quan sát anh cán bộ. Lúc ấy, tôi nghĩ anh ta không phải là một con két Nam Mỹ, trông hình dáng thì rõ ràng anh không thuộc hạng người “trí tuệ” đã từng theo học một lớp về khoa hùng biện. Thế thì có cái gì khiến anh ta có thể nói dài, nói dai, nói bất tận như vậy? Tự nhiên tôi nhớ đến bài học chế tạo và công dụng của cục pin mà tôi đã học hồi còn ở Trung Học. Và tôi nghĩ rằng chắc anh cán bộ này thế nào cũng có gắn cục pin ở đâu đó trong con người anh ta. Tôi nói với bạn

tôi: - Tao tin chắc thằng Việt Cộng này có gắn “cục pin” ở dưới hậu môn của nó mày ạ. Mày có thấy lúc nãy trước khi nó nói, nó thọc tay vào túi quần ngo ngoáy cái gì đó. Có thể là nó vặn công tắc cho pin về vị trí “On” lắm ? Anh bạn tôi cười và khuyến khích tôi : - Gán cho một con người cái tật nói dài, nói dai, nói không ngừng nghỉ dưới hình thức cho anh ta có “cục pin” gắn ở hậu môn với công tắc On, Off nghĩa là hề vặn về On là nói, vặn về Off là ngưng theo kiểu của mày nói đó là một ý tưởng khôi hài hết cỡ, có thể diễn tả gần hết ý điều muốn mô tả. Cái ý tưởng đó rất đáng đồng tiền bát gạo, mày nên ghi nó vào trong các phóng sự “chuyên đề” của mày.

Hai năm sau, đến ngày “tan hàng” 30/4/75, tôi không có may mắn và nhanh chân để thoát khỏi những ngày tháng tù đầy khổ sai trong các lao tù Cộng Sản nên nhờ đó tôi lại càng thấy rõ ràng hơn là ở mỗi chàng cán ngố, tên nào cũng đều có gắn “cục pin” ở hậu môn. Vào thời điểm này, các “cục pin” ấy chạy hết công suất các cụ ạ. Chuyện các cán ngố nói nhiều và dai ra sao kể cả việc đoạt giải nhất cuộc thi nói phét trên toàn thế giới do Liên Hiệp Quốc tổ chức năm nào thì sách vở đã tốn khá nhiều giấy mực đề cập đến rồi, tôi không cần phải bàn thêm nữa. Theo tôi, thành công hữu hiệu nhất của triết lý Mác Lê đấu tranh giai cấp là gán cho các cán ngố Cộng Sản mỗi người một “cục pin” ở hậu môn để họ có thể nói bất cứ lúc nào. Ở trong tù, đói khát, cực khổ, tuyệt vọng thì đã đành rồi nhưng điều đau khổ nhất phải chịu đựng là lúc nghe các cán ngố “lên lớp”. Biện pháp chịu đựng của tôi ở những lúc ấy là tập trung nhìn vào một điểm nào đó ở trước mặt và coi cái “động vật” đang phát ra tiếng nói ấy là một cục đá hay một bức tường ! Tôi tin rằng các bạn chung tù cũng có cùng tâm trạng như tôi. Còn dân chúng sống bên ngoài thì cũng vậy, e rằng sự chịu đựng của họ đối với các “cục pin” này to lớn hơn chúng tôi nhiều lắm.

Sau khi tập trung được hết thành phần Quân, Cán, Chính của chế độ cũ vào các trại giam, Việt Cộng bèn cho các cán ngố có gắn pin ở hậu môn đến từng nhà có các thân nhân đi “cải tạo” vừa thuyết phục, vừa dụ dỗ vừa đe dọa với vợ con những người đang ở tù rằng họ không nên sống bám vào thành phố mà hãy đi lập nghiệp ở vùng kinh tế mới.

Các “cục pin” Việt Cộng ấy nói với bà con ta những lời lẽ sau : - Bây giờ ta đã bước vào một kỷ nguyên độc lập, tự do huy hoàng nhất trong lịch sử nước ta kể từ ngày lập nước và dựng nước. Kẻ thù chính của chúng ta là đế quốc Mỹ đã cao bay xa chạy. Cùng với cả nước, nhân dân làm chủ, chúng ta quyết tâm xây dựng một xã hội xã hội chủ nghĩa ưu việt nhất của 2 nhân loại. Vì vậy, bà con phải phát huy sức lao động của mình tạo ra của cải vật chất làm giàu mạnh cho tổ quốc. Trước mắt, bà con nên đi vùng kinh tế mới để tạo lập đời sống mới, không nên sống bám vào thành phố. Nhà nước sẽ tạo mọi điều kiện thuận lợi để bà con có một cuộc sống ấm no, hạnh phúc hơn.

Đối với các gia đình chỉ có người đàn bà và các con còn nhỏ thì các “cục pin” ấy hứa hẹn như sau : - Theo chương trình và kế hoạch “giải dân” của Đảng thì khi chị và các cháu đi kinh tế mới, chính sách của Đảng là sẽ cứu xét cho chồng chị được trả tự do về sum họp gia đình sớm để cùng nhau lao động sản xuất. Hãy tin tưởng chính sách của Đảng luôn luôn trước sau như một. Chị yên tâm, nhà nước sẽ cấp cho gia đình chị một căn nhà, coi như một đổi một. Ở kinh tế mới chị lại có thêm đất đai vườn tược nữa.

Với luận điệu hứa hẹn một cách bịp bợm như thế, ngày nào cũng vậy, sáng trưa chiều tối, các cán ngố đến từng nhà phe ta kiên trì thúc giục họ nên đi kinh tế mới. Rất nhiều gia đình hy vọng chồng con được về đoàn tụ sớm nên đã bằng lòng ra đi. Thế là các cán ngố huy động lực lượng thanh niên xung phong của chúng đến phụ dọn đồ đạc của họ chất lên xe, cấp cho họ một số gạo tạm đủ ăn khoảng 4, 5 tháng. Trong thời gian 4, 5 tháng ấy, những gia đình này phải trồng khoai, sắn, bắp... để sau khi hết số gạo đã cấp, họ có thể tự túc được với số lương thực họ thu hoạch qua vụ mùa.

Vùng kinh tế mới là một vùng đất hoang vắng, xa thành phố như ở Đồng Xoài, Sông Bé, Gia

Rai, Long Khánh chẳng hạn. Tại đây, mỗi gia đình đi “tạo-cuộc-sống-mới” được cấp một căn nhà (một cái chòi lá thì đúng hơn) chỉ mới dựng sườn xong, bốn bên chưa có vách ván gì hết. Đặt chân đến vùng kinh tế mới rồi, các gia đình này mới bỏ ngựa ra, biết là mình bị lừa. Nhưng đã lỡ, không thể về lại thành phố được nữa vì nhà cửa của họ khi ra đi đã bị bọn cán bộ tịch thu cho người của chúng vào ở rồi.

Thử tưởng tượng một gia đình đi kinh tế mới mà nhân số gồm một người đàn bà và các con nhỏ dại, họ biết gì về trồng trọt, canh tác làm sao họ có thể đứng vững nổi ? Còn chờ mong chồng về trong thời gian dăm bảy tháng, một năm...là điều không bao giờ xảy ra. Họ đành kéo dài cuộc sống bơ vơ, khắc khoải, đau ốm bệnh tật không có thuốc men và một số đồng đã ngã xuống.

Tôi nhớ khi chúng tôi được chuyển trại từ Bắc về Gia Rai, Xuân Lộc, lúc đi ra lao động ở khu vực chung quanh đó, tôi có thấy những ngôi mộ con em của những người đi cải tạo. Bia mộ ghi tên họ các em đã chết là những thiếu nữ tuổi 17, 18!

Bên cạnh nhà tôi có một đôi vợ chồng đã già. Hai ông bà không con cái. Bà cụ hàng ngày nấu khoai lang bán trước cửa nhà kiếm sống qua ngày. Ông bà cũng được các cán bộ đến dụ dỗ bảo phải đi vùng kinh tế mới. Các cục pin nói với hai ông bà : - Hai bác đã già rồi, cần có một đời sống êm đềm thanh lịch. Nhà nước sẽ cấp cho hai bác một khu đất, hai bác sẽ có vườn tược trồng cây trái hưởng già. Bác gái đừng có bán khoai nữa. Những người buôn bán là những người ăn bám xã hội, không tạo ra của cải vật chất. Hai ông bà phần thì bị thúc giục mỗi ngày, phần khác nghe các cục pin nói cũng có vẻ bùi tai nên đã đồng ý từ bỏ căn nhà mà ông bà đã sống hơn mấy chục năm qua để đi kinh tế mới. Thân già sức yếu, cầm cái 3cuốc không nổi thì làm sao cuốc đất trồng khoai, trồng bắp đây ? Thế là sau một thời gian ăn hết số gạo Đảng và nhà nước cấp cho, ông bà đành phải quay về thành phố, che một túp lều nhỏ bên mái hiên nhà một người cháu họ xa ở tạm cho đến khi nhắm mắt buông xuôi, mang theo về bên kia thế giới những hứa hẹn hào huyền của các “cục pin”.

Chính sách của Việt Cộng lúc ấy là ấn định chỉ tiêu cho mỗi Phường, Khóm phải có số lượng gia đình đi vùng kinh tế mới, do đó muốn đạt được kế hoạch, các cán bộ đã phải thay “pin” liên tục, làm việc tối đa, nói luôn mồm, vẽ ra trước mắt các gia đình này một chân trời rộng mở, một đời sống thanh bình sung túc.

Ngày tôi ra khỏi nhà tù Cộng Sản về sống với gia đình ở Sài Gòn, tôi thật sự ngạc nhiên thấy sao có quá nhiều người che lều ở ngay trong các nghĩa trang. Hỏi ra thì được biết họ là những người không sống nổi ở vùng kinh tế mới, phải về lại thành phố. Nhà cửa của họ đã mất, họ đành phải chung sống với những người chết. Và đã có biết bao chuyện thê thảm, đốn đau, cười ra nước mắt xảy ra trong cảnh ngộ “sống chung” giữa người ở cõi “âm” và cõi “dương đó.

Có thể nói chính sách đưa dân đi vùng kinh tế mới của Việt Cộng dạo ấy là một chính sách vô cùng thâm độc. Cái thâm độc ở chỗ đẩy người dân miền Nam vào chỗ chết dần chết mòn đồng thời chiếm đoạt tài sản, nhà cửa của họ một cách ngon ơ ! Vấn đề là họ phải ra đi để nhà nước lấy nhà dành cho các cán bộ của chúng từ Bắc vào ở. Thế thôi. Còn người dân đến vùng kinh tế mới sống chết ra sao, Đảng và nhà nước không cần biết đến. Cho đến bây giờ, bao nhiêu nước đã trôi qua cầu nhưng dấu ấn của những ngày tháng đau thương đó vẫn còn khắc ghi sâu đậm trong tâm trí mỗi người. Không có gì khiến họ có thể lãng quên được.

Trên đây tôi vừa kể lại chuyện các cán bộ Việt Cộng nhờ có gán cục pin ở hậu môn nên đã nói nhiều và nói lâu, nói không cần có đối tượng nghe...Bạn có thể thắc mắc hỏi rằng thế thì phe ta ở trên xứ Mỹ xô bồ, kỳ cục và lạ lùng này, có ai được gán cục pin như thế để nói dài, nói dai và nói dờ không ? Tôi xin trả lời mau rằng quả là có đấy. Nhưng cách nói của phe ta và các cán bộ khác nhau một trời một vực. Phải hiểu rằng các cán bộ được gán pin là để

lừa bịp dân chúng, thi hành chính sách, đường lối, chủ trương của Bắc Bộ Phủ và nhất là theo đúng lý luận của hệ thống triết học Mác Lê. Còn phe ta nếu có gắn “pin” vào là chỉ để nói cho “đời thêm vui” mà thôi. Họ nói về những ngày tháng huy hoàng cũ của họ để chứng tỏ ta đây cũng có một quá khứ vàng son, hết xây con cào cào. Từ trong căn bản, “pin” của ta khác với “pin” của Việt Cộng như nước với lửa. Nhiều lúc phe ta nói dài, nói lâu hình như là chỉ để chứng tỏ cho mọi người nhận biết sự có mặt của phe ta trên cõi đời ô trược này và phe ta là một “cây đĩnh” chứ không phải chuyện đùa. Mục đích chỉ có thế !

Tôi có một anh bạn cùng đơn vị, hiện sống ở quận Cam, California. Anh có biệt danh là Tự Nổ. Không biết anh gắn loại “pin” nào mà anh nói ghê quá. Bất cứ lúc nào anh cũng có thể nói được, nghĩa là hễ chỗ nào có đông người là anh tự tạo ra điều kiện để được nói. Nhiều lúc nhiệm vụ không phải của anh, anh cũng tự động “nhảy” ra đưa ý kiến, sắp xếp điều khiển chương trình. Mà anh nói rất hay, có lang có lớp chứ không phải nói dở đâu. Một lần tôi sang Cali đều ghé thăm anh, tôi thấy anh chẳng thay đổi “cái tật” đó tí nào hết. Bà vợ anh rầu rĩ lắm. Bà tâm sự với tôi :” Anh biết không, đi dự tiệc tùng ở đâu cũng thế, hầu như anh ấy chả có ăn uống gì, chỉ có nói và nói thôi.” Còn riêng anh, thì anh bày tỏ ý kiến :” Minh may mắn còn sống sót sau cuộc chiến và những ngày tháng đói khổ trong tù, sang đây thiên hạ một tác nói tới trời, mình cũng phải nói cho vui chứ không nói thì có ai biết mình là ai. Tuy nhiên điều quan trọng là mình đừng có nói bậy”. Tôi nghĩ, đó cũng là một triết lý sống ! Riêng tôi, tôi thật sự không thích bất cứ loại “pin” nào gắn vào con người gây cho họ cái sự phát ngôn liên tu bất tận. Tôi ao ước khoa học phát minh ra một loại “pin” mà khi gắn vào bất cứ nơi đâu trên cơ thể người nào đó, thì người ấy sẽ có một lý trí sáng suốt, trung thực, có tình người, biết lẽ phải, biết phân biệt rõ bạn thù và nhất là biết tôn trọng sự thật. Liệu đến bao giờ mới có một loại pin như thế nhỉ ?

Chuyện gối đầu

Chữ gối đầu thường gợi lên một hình ảnh vừa lãng mạn vừa âu yếm của những cặp tình nhân bất luận ở lứa tuổi nào, đang trong thời kỳ yêu nhau say đắm. Chẳng hạn như nàng nằm trên bãi cỏ, gối đầu lên đùi chàng, mắt mơ màng nhìn kên khoảng trời xanh, hát nhỏ nhỏ vừa đủ cho chàng nghe một bài hát quen thuộc, hoặc chàng choàng tay luồn qua dưới đầu nàng để nàng gối đầu lên cánh tay rắn chắc của chàng. Còn nếu nàng cứ mãi để cho chàng gối đầu lên cánh tay nàng thì văn chương bình dân cũng có một câu mô tả rất trữ tình như sau:

Cánh tay em trắng lại tròn

Em cho anh gối nó mồn một bên

Tôi tin rằng, bạn cũng như tôi, ít ra trong đời mình cũng đã từng vài ba lần trải qua những giây phút thơ mộng ấy. Nếu bạn nói rằng suốt đời bạn, bạn chẳng bao giờ có được chút hạnh phúc hiếm hoi ấy thì hoặc là bạn hơi bi thảm hóa cuộc đời bạn, hoặc bạn khiêm nhường thái quá, còn không thì bạn đúng là một người vừa-nói-dối-vừa-chối rất có “trình độ”. Tôi không tin bạn lại có thể rơi vào một trong những trường hợp trên và “xệ” đến như vậy. Nhưng dù bạn có như thế hay không, chuyện đó không quan trọng. Và nó chẳng dính dáng một ly ông cụ nào đến chuyện “gối đầu” tôi sắp kể dưới đây.

Tuy cùng một động từ “gối đầu” cả đấy nhưng ý nghĩa hoàn toàn khác hẳn bạn ạ. Trước khi kể chuyện này, tôi được biết bạn cũng như hàng trăm ngàn người chung số phận, đã trải qua nhiều năm tháng trong các trại tù Cộng Sản và từng bị đày ải đến tận những nơi thâm sơn cùng cốc trên vùng đất “thiên đường xã hội chủ nghĩa” ở ngoài xứ Bắc xa xôi ấy rồi. Tôi viết lại chuyện gối đầu là để chia sẻ cùng bạn, vừa nhắc cho bạn nhớ lại những ngày tháng ấy chứ tôi không hề có ý “lôi” bạn vào “làm chứng” cho những điều tôi kể đâu.

Thật ra, trong những lúc trà dư tửu hậu, tôi có kể những mẩu chuyện này cho vài người bạn

không có được niềm “hạnh phúc” sống trong tù Cộng Sản như tôi và bạn, tuy họ có chăm chú nghe vói về thích thú đấy nhưng cuối cùng thì họ vẫn tỏ ra ngờ vực và bảo rằng tôi “cường điệu”, thêm mắm dặm muối cho vui chứ làm gì có chuyện buồn cười đến như vậy. Tôi nói với mấy anh bạn “may mắn hơn chúng ta” đó rằng, không tin thì cứ đi hỏi thử những ai đã sống qua cảnh ngộ đó xem có phải đúng thế không. Nhiều khi những vị ấy kể lại nghe còn vui và hấp dẫn hơn tôi nữa là khác.

Phải thành thực nói rằng, anh em sống trong tù vì quá đói, đói ngày này sang ngày khác, bao tử trống rỗng muôn năm nên đầu óc của người tù lúc nào cũng chỉ nghĩ đến củ khoai, trái bắp, mớ rau hay bất cứ thứ gì để cái bao tử nó đừng thúc bách kêu gào. Và do đó, họ đã sống theo “bản năng” cũng là điều dễ hiểu và có thể thông cảm được.

Cho đến bây giờ, đã trên 25 năm trôi qua, đã có biết bao biến đổi trên trái đất phiến muộn này, nhiều người đã sinh ra, nhiều người đã nằm xuống. 25 năm, thời gian đủ dài để một đứa trẻ ra đời vào thời điểm chúng ta vào tù, nay có thể đã là cha, là mẹ của những đứa trẻ khác. Vậy mà 2 không hiểu sao những kỷ niệm về các câu chuyện “gối đầu” lúc ở trong tù vẫn còn sờ sờ trước mắt tôi. Nó cứ lẩn quất bên tôi, nhắm mắt lại để hình dung, tôi thấy như mới xảy ra hôm qua hôm kia gì đó. Phần tôi thì chẳng bao giờ quên nhưng ngược lại, tôi biết có người tuy cũng đã sống qua trong cảnh ngộ ấy, vì lý do này lý do khác, hoặc không vì lý do gì cả, đã không còn muốn nhớ lại “những năm tháng không thể nào quên” đó nữa. Tôi không hiểu tâm trạng họ nổi. Và tôi bỗng nghiệm ra rằng, khi những hạnh phúc hay đau khổ (nhất là đau khổ) đã qua đi rồi, người ta mới thấy hết tất cả ý nghĩa của nó.

Từ nãy đến giờ tôi nói lan man chưa đi thẳng vào vấn đề hai chữ “gối đầu” trong bài viết này mang ý nghĩa gì ? Tôi xin đơn cử vài thí dụ cho rõ ràng để sau đó mới có thể thoải mái bắt đầu câu chuyện. Giả sử tôi gửi hai bài viết đến một tạp chí nào đó. Người chủ bút thấy đều có thể đăng được bèn cho lên khuôn trước một bài, còn bài kia thì ông “gối đầu” cho số tới. Một ví dụ khác, ở trong tù mỗi ngày tôi được phát 3 chén bắp. Ngày đầu tiên tôi chịu đói một chút, chỉ ăn 2 chén thôi, còn một chén tôi “gối đầu” (để dành) cho ngày kế tiếp. Hôm sau, tôi cũng được phát 3 chén, tôi lại lấy ra “gối đầu” một chén và ăn chén bắp đã để dành từ ngày hôm qua cộng với 2 chén (trong số 3 chén) mới vừa lãnh trong ngày. Làm như thế, ngày nào tôi cũng có một chén bắp để dành. Coi như đó là một hình thức dự trữ. Hành động ấy, ở trong tù bọn tôi gọi là “gối đầu”. Tôi nghĩ rằng có nhiều nguyên nhân thúc đẩy một vài anh em tù chúng tôi làm cái công việc để dành phần ăn một cách khác thường và kỳ cục đó. Tôi nói khác thường và kỳ cục là bởi vì chỉ có 3 chén bắp một ngày, ăn không đủ no mà còn “gối đầu” nữa thì không kỳ cục và tức cười sao ?

Lúc tôi đang “tu luyện” ở trại 8 Hoàng Liên Sơn, một buổi sáng thức dậy, tự nhiên tôi thấy cái bụng của mình bỗng lớn ra như thể có ai bơm hơi vào cho đầy. Ngày qua ngày, nó phát triển như một người đàn bà có mang 5, 7 tháng vậy. Tôi chẳng ăn uống gì được, lúc nào cũng thấy như “no hơi”, thậm chí không thể hít thuốc vào được nữa. Một người bạn thấy tôi vác cái bụng đi lặc lè, anh khôi hài nói rằng chắc là hồi trước tôi có biểu diễn “trống” trong các ban nhạc ?!. Tôi lo và buồn lắm, không biết khi nào mình đi ngủ với giun dế đây ? (Có trải qua cảnh “lớn bụng” rồi, tôi có thể tự hào là người rất hiểu và thông cảm một cách sâu sắc nỗi vất vả, khó xoay trở, đi đứng... đối với chuyện phải “mang trống” của các bà, các cô). Cũng nhờ bị lớn bụng một cách bất ngờ và bệnh trĩ khá nặng nên tôi được “biên chế” về tổ canh tác trồng rau cho trại, khỏi phải leo dốc lên núi phá rừng trồng bắp như thời gian trước nữa.

Thuyên chuyển về “đơn vị mới” chuyên nghề đi hái củi để trồng rau xanh này, tôi được nằm gần một anh bạn mà tôi đặt cho anh ta cái biệt danh là một chuyên viên “gối đầu”. So với anh em trong tổ, anh cao lớn và đồ sộ hơn nhiều. Tiêu chuẩn phần ăn hàng ngày của mỗi người tù chỉ có vài trăm hạt gạo mè thì làm sao đủ cung ứng cho cái thân thể to xác như anh. Do đó, tôi tin rằng sự đau khổ vì đói của anh dữ dội, kinh khủng hơn bọn tôi gấp bội. Và chính điều này

khiến anh có những hành động không giống như những anh em khác và rất tức cười. Đôi khi anh còn gây bực mình chung cho cả tổ. Mỗi buổi chiều, anh nào tới phiên phải đi lấy phần ăn cho tổ thì lên nhà bếp mang về chia cho anh em. Lần nào cũng vậy, tôi nhận thấy anh “to con lớn xác” ấy luôn luôn để dành ra một chén bắp. Anh lấy mảnh vải bao chén bắp ấy lại, để trên đầu nằm của anh. Phần ăn của anh chiều hôm ấy là chén bắp cũ để lại từ ngày hôm qua. Cái điệp khúc ấy diễn ra đều đặn ngày này sang ngày khác. Có lần tôi hỏi anh:

- Anh để dành làm chi vậy ? Tội gì cứ phải ăn bắp cũ hoài thế!

Trong câu trả lời của anh, lần đầu tiên tôi nghe hai chữ “gối đầu”:

- Tôi “gối đầu” mà!

- Anh gối đầu để làm cái gì, chả lẽ ngày mai trại không phát phần ăn nữa sao ?

Anh nói rất thành thực:

- Tôi biết như vậy nhưng không hiểu sao tôi không thể không làm như thế và tôi cảm thấy như có cái gì đó bất an anh ạ. Tôi gối đầu một chén bắp là để mang cái cảm giác rằng lúc nào trong cuộc sống đói khổ này tôi luôn luôn có một chén bắp dự trữ!

Hàng ngày đi lao động xúc phân, tưới rau cùng anh, tôi thấy anh lúc nào cũng bận tâm, khổ sở, suy nghĩ, tính toán kiếm cách để có thêm được trái cà, trái đu đủ sống hoặc mớ rau tàu bay cho cái bụng anh được vững vàng hơn thường lệ. Thành thạo tổ canh tác chúng tôi cũng được tặng phái cho tổ trồng bắp trên núi. Công việc đầu tiên của anh khi lên núi là anh hạ ngay mấy cây chuối rừng, chặt đầu, chặt gốc, lột thân chuối ra lấy cái lõi chuối ở giữa (bọn tôi gọi là đèn néon) nhai ngon lành hết hai cây néon, uống nửa lon gô nước rồi mới đi chặt cây. Loại đèn néon này trại quy định mỗi người khi đi lao động trở về phải nạp cho nhà bếp hai cái đèn néon. Nhà bếp sẽ cho xắt mỏng ra nấu với tí mắm ruốc phát cho anh em gọi là tặng thêm khẩu phần hàng ngày.

Tuy nhiên, chén bắp gối đầu hàng ngày của anh không phải lúc nào cũng được “ở cùng anh”, thuộc về anh, ngự trị trong tim óc anh rằng anh luôn luôn có một phần ăn dự trữ trong đời. Cứ vài ba tháng, các cán bộ của trại chờ khi phe ta lao động ở hiện trường bèn đi kiểm soát tịch thu các vật dụng của tù xem có ai dự trữ muối (để trốn trại) hoặc dấu các thứ cấm kỵ như thuốc men, dao, kéo v.v... Thế là chén cơm bắp “gối đầu” của bạn ta đành trở về với... nhà bếp. Lao động về, chén bắp không còn nữa, bạn ta buồn và tiu nghỉu hết mấy phút rồi chiều hôm ấy sẵn sàng nhin đói một hôm, lại để dành gối đầu một chén bắp khác như cái vòng lẩn quẩn bao quanh con người anh. Trong tổ canh tác của tôi còn có một chuyên viên gối đầu khác nữa nhưng cái sự “gối đầu” của anh này “đẽ sọ” hơn anh to xác kia. Chén bắp gối đầu anh thường phải để vài ba ngày có mùi chua rồi anh mới ăn. Tôi chẳng thấy anh đau bụng đau bao gì cả. Thế mới là tài các cụ ạ! Hình như cái bao tử của anh được Thượng Đế chế tạo bằng một loại kim khí đặc biệt có thể hoá giải được mọi loại vi khuẩn, vi trùng!

Anh chuyên viên “gối đầu” to xác là nguyên do khiến cho 12 người trong tổ canh tác của tôi hàng đêm phải mất thì giờ làm “kiểm điểm”, rút kinh nghiệm học tập để trở thành “con người mới xã hội chủ nghĩa” tiến bộ hơn. Lý do phải “kiểm điểm” anh là vì hầu như ngày nào cũng vậy, anh luôn luôn bị các tên bộ đội bắt gặp anh đang “cải thiện” (tức là hái trái cà, trái bí, ngắt đọt rau lang, rau tàu bay... trái với quy định của trại). Mỗi lần tổ làm kiểm điểm anh thì tôi được chỉ định làm thư ký ghi biên bản. Anh em trong tổ nản lắm vì lao động cả ngày mệt nhọc, trong khi các tổ khác có thể ngủ sớm để lấy sức còn bọn tôi cứ phải “ngồi đồng” hàng đêm, nhai đi nhai lại những câu nói vô nghĩa thì ai mà không chán, lắm lúc nổi giận nữa là khác. Tôi còn nhớ có một đêm tổ đang ngồi kiểm điểm cái tội anh bị bộ đội bắt gặp anh hái cà lúc ban trưa, trong lúc mỗi người trong tổ góp một câu để “xây dựng” anh đừng cải thiện linh tinh nữa thì anh đưa tay xin phát biểu ý kiến. Anh nói:

- Tôi nhận lỗi là hồi trưa tôi có hái 3 trái cà trong vườn. Làm như thế là tôi phạm nội quy của trại. Tôi hứa sẽ “khắc phục” và học tập tốt để trở thành con người mới xã hội chủ nghĩa.

Nói xong câu đó, anh xin ra ngoài đi tiểu. Tên bộ đội giám sát buổi kiểm điểm đồng ý cho anh đi ra ngoài. Còn lại 11 người trong tổ vẫn tiếp tục sinh hoạt, đại khái mỗi người nói một câu gì đó để chờ anh vào. Anh em chờ đến gần nửa giờ vẫn chẳng thấy bóng dáng anh đâu hết. Chập sau, mọi người thấy hai tên bộ đội dẫn anh vào. Hai tên bộ đội cho biết là bắt gặp anh đang hái trộm bắp của trại và yêu cầu phải kiểm điểm gặt gao anh. Thêm cái tội hái trộm bắp của anh nữa thì tổ của tôi hứa hẹn đêm mai lại sẽ tiếp tục “ngồi đồng” để kiểm điểm anh ta. Đối với anh em trong tổ của chúng tôi, trường hợp này được xem như là “gối đầu” kiểm điểm đấy! Chưa vị thấy có vui và tức cười không ?

Tôi có thể nói niềm hạnh phúc lớn lao nhất của phe ta ở trong tù là lúc cái bao tử được no. Có cách nào để được no đây ? Phải nói là sự sáng tạo của phe ta để được no cũng rất “trí tuệ”. Chẳng biết ai là người đầu tiên sáng chế ra cách “chơi hụi”. Cái màn chơi hụi này chỉ xảy ra trong thời điểm trại cho tù ăn bột mì. Nhà bếp nhồi bột mì rồi ép lại làm thành từng cái bánh, chiều ngang khoảng 8 cm, chiều dài 10 cm, dày cỡ 1 cm rồi cho vào chảo luộc rồi sau đó phát cho tù. Trại quy định mỗi bàn (mâm) ăn là 6 người. 6 “trại viên” này sẽ lần lượt thay phiên nhau đến nhà bếp lãnh về chia cho anh em trong “mâm” của mình. Mỗi người được phát hai cái bánh rưới mỗi ngày. Tức là tiêu chuẩn sáng nửa cái, trưa một cái và chiều một cái. Khi cả 6 người trong mâm đồng ý chơi hụi rồi thì có cái màn bắt thăm xem ai là người hốt hụi đầu tiên. 5 người kia mỗi người cắt ra nửa cái bánh góp cho người được hốt hụi. Anh chủ hụi trong ngày hôm ấy sẽ có thêm được hai cái bánh rưới do 5 anh kia góp. Như thế, trong ngày hốt hụi bữa đó, anh có một lúc tới những 5 cái bánh! Cho ngàn ấy số lượng bột mì vào bao tử cùng với nửa lon gô nước, so với những ngày đói thất ruột vừa qua, quả là anh có được một ngày no nê, đêm ngủ thẳng căng! Và đó chính là niềm hạnh phúc vô biên. Dĩ nhiên, kế tiếp 5 ngày sau đó anh phải góp lại nửa cái bánh đóng “hụi chết” cho anh khác hưởng. Những lúc chỉ còn có hai cái bánh mỗi ngày, để cảm thấy số lượng bột mì cho vào bao tử được nhiều hơn, anh lấy ra một cái bánh xắt thành những miếng vuông vuông như quân cờ bỏ vào lon gô, thêm một tí muối rồi đổ nước sôi vào ngâm độ nửa giờ, bột mì nở ra, thể tích có thể tăng gấp đôi. Anh chỉ cho tôi nên làm cách ấy thì cái bao tử được no hơn. Tôi cười nói với anh:

- Thì anh ăn nó xong rồi uống nước vô, nó có khác cái gì đâu.

Anh chống chế lấy lệ:

- Đói thì phải “sáng tạo” chứ lì!

Trên đây là chuyện “gối đầu” hay “chơi hụi” của phe ta dưới sự cai quản của bộ đội Việt Cộng trong thời gian đi tù ở Hoàng Liên Sơn. Đến năm 1977, chuyển qua tay quản lý của đám công an áo vàng ở trại Vĩnh Quang, Vĩnh Phú thì bọn tôi phải đối đầu với cái đói còn dã man và thê thảm hơn. Thời... “vàng son” đã qua, hết cải thiện linh tinh, không còn cách nào “vô tận” được nữa. Nghĩa là “no way”... chơi hụi, hết phương... gối đầu! Ở trại này anh nào muốn cái bao tử mình no để tối ngủ ngon thì ráng chịu nhịn phần ăn buổi trưa để đến chiều ăn một lúc cả hai phần. Còn những người được thân nhân từ trong Nam ra thăm nuôi hoặc có nhận quà qua đường Bưu Điện thì không nói làm gì, đời sống của họ khả quan hơn. Tôi còn nhớ anh bạn nằm cách tôi hai người đã tranh đấu mãnh liệt với cái đói để không ăn phần ăn trưa chỉ với mục đích chờ ăn phần ăn chiều luôn một lúc. Anh lãnh phần bột mì phát cho anh, mọi người ra ngồi ở bàn nhai với muối, sau đó vào ngủ trưa chờ buổi lao động chiều. Riêng anh thì anh cắt phần ăn trưa ấy vào trong cái lon gô, đem để lên trên xích đồng chỗ đựng quần áo rồi nằm nhìn lên cái lon gô. Tôi quan sát thấy hầu như anh không thể ngủ được. Nằm được 5, 10 phút gì đó, anh nhồm dậy, lấy cái lon gô đựng bột mì xuống, mở nắp ra nhìn một lúc, anh dậy nắp lại đem đặt lon gô vào chỗ cũ rồi lại nằm xuống nhìn lên... Suốt hơn một tiếng đồng hồ nghỉ trưa, cái động tác nhồm dậy lấy lon gô mở nắp nhòm, dậy nắp lại, để lại chỗ cũ rồi lại nằm xuống nhìn lên đó của anh được cơn đói còn cào đang hành hạ anh. Thật tình, lúc ấy tôi rất khâm phục sức chịu đựng của anh. Khi tiếng keng báo tập hợp buổi lao động chiều vang lên, anh thở phào nhẹ nhõm, đứng dậy mặc quần áo chuẩn bị đi lao động. Anh đã vượt qua, đã chiến thắng được cái đói của mình. Anh uống nửa lon gô nước và ra sân tập hợp. Anh chịu đựng cơn đói thêm 4 tiếng đồng

hồ nữa để biết rằng buổi chiều, khi lao động trở về, anh sẽ có thêm một phần ăn bột mì nữa và điều đó sẽ dẫn đến giấc ngủ đêm nay của anh dễ chịu hơn.

Như đã nói, đời sống của phe ta khi vào tay bọn công an quản lý rồi thì thâm vô cùng. Bọn áo vàng kiểm soát rất chặt chẽ, lao động ở hiện trường lúc nào cũng có chúng đi theo canh giữ, vì thế khó có anh nào kiếm được củ khoai, trái bắp. Đã thế, chế độ nuôi tù của Bộ Nội Vụ Việt Cộng rất độc ác. Thời gian đầu, chúng phân chia làm 3 hạng: hạng A được ăn 18 kí thực phẩm một tháng, hạng B 15 kí một tháng và hạng C 13 kí một tháng. Anh tù nào lao động giỏi, tích cực thì được cho ăn hạng A, lao động trung bình thì ăn hạng B còn già yếu bết bát thì ăn hạng C. Được ăn A,B,C là do đội họp lại bình bầu đánh giá từng anh theo nhận xét của người đội trưởng và các tổ trưởng trong thời gian lao động đã qua chứ không phải khơi khơi mà được cho ăn A,B hay C. Triết học Mác Lê gọi đó là hưởng theo năng lực lao động. Chính vì cái vụ cho tù ăn theo tiêu chuẩn A,B, C ấy đã tạo ra sự thi đua, tích cực lao động của phe ta dẫn đến cảnh một số anh em ta đem hết sức mình ra lao động, để cuối cùng kiệt lực, đau ốm không thuốc men chữa trị, đành nhắm mắt từ già cõi đời đời khổ đầy dẫy hận thù này.

Khi tạo ra 3 hạng ăn A, B, C như thế, Việt Cộng nhắm vào mục đích thúc đẩy và bóc lột sức lao động của tù nhân đồng thời gây ra sự mâu thuẫn, đố kỵ, ganh ghét trong hàng ngũ phe ta. Cái thâm độc của Việt Cộng là ở chỗ đó. Khi phe ta đã gần như kiệt sức rồi thì tất cả đều ăn đồng loạt 11 kí rưỡi thực phẩm một tháng, nghĩa là không còn chế độ A,B, C gì nữa. Việt Cộng bố trí kế hoạch để cho tù ăn từ 18, 15 kí thực phẩm xuống còn 11 kí mà không tạo ra sự chống đối hay nổi loạn trong trại rất tinh vi. Tôi nhớ vào khoảng năm 1980, một buổi trưa lúc đội đi lao động trở về được anh trực buồng cho biết là cả trại hôm đó phải ăn cháo. Anh lên nhà bếp lãnh cháo về chia cho anh em trong đội, chi ra mỗi người được một chén cháo bo bo. Nhà bếp cho hay là trại đã hết lương thực, trại viên cần phải phấn đấu khắc phục. Anh em tù xông xáo và lo lắng. Ăn chỉ một chén cháo mà đi lao động thì có nước chết sớm. Chế độ ăn cháo kéo dài được 2 ngày, nhiều người đi không vững, các đội trưởng phe ta họp nhau làm kiến nghị gửi lên trại trưởng giải quyết. Trại trưởng họp tất cả trại lại thông báo rằng tình hình lương thực chung của cả nước đang gặp khó khăn. Tuy nhiên trại thông cảm với đời sống của anh em nên đã trình bày với "Trên" (ý nói Bộ Nội Vụ) xin cho anh em được ăn mỗi người một tháng 11 kí rưỡi thực phẩm. Kể từ ngày mai các anh khỏi phải ăn cháo nữa! Cần phải khẳng định một điều rằng, trong cảnh "nước sông cơm tù", đời khổ triền miên như đã nói ở trên mà phe ta còn sống sót được, phần lớn là nhờ sự tiếp tế, thăm nuôi từ bên ngoài của gia đình.

Tôi vừa chia sẻ cùng bạn chuyện "gối đầu" của chúng ta trong những năm tháng đói khổ cùng cực ở các nhà tù Cộng Sản. Có thể bạn sẽ nói với tôi: "Thôi, chuyện cũ rồi nhắc lại làm chi". Xin bạn thông cảm và hiểu cho tôi. Khổ lắm bạn ạ, lắm lúc tôi muốn quên phứt đi cho rồi nhưng càng muốn quên thì lại càng nhớ rõ hơn. đành phải viết ra cho đời... thêm vui. Điều sau cùng tôi muốn nói với bạn là dạo này chúng ta đã qua "6 bó" cả rồi, có thể lắm lắm, mắt mũi kèm nhèm, trông gà hoá cuốc lắm đấy. Tôi nói như vậy là để nhắc bạn rằng tôi nói chuyện "GỐI ĐẦU" chứ không phải "ĐẦU GỐI" đâu nhé. Còn nói chuyện với cái "đầu gối" thì tôi tin rằng, bạn và tôi, kể từ ngày nhờ chương trình HO sang định cư trên xứ Mỹ xô bồ, kỳ cục, lạ lùng và lạnh tanh này, thường gặp chuyện "ruồi bu" và bực mình nên cũng đã nhiều phen "độc thoại" với nó rồi. Có phải vậy không bạn ?

Đề em thấp thoáng bóng đèn...

Đã nhiều tháng qua, tôi bị hấp dẫn bởi những tiếng nổ của các kho đạn, những chuyện kỳ cục, những điều "trời", "nổi" quanh mình nên trong một chừng mực nào đó, tôi đã quên bẵng đi những vần ca dao mà bà nhà Bắc Kỳ của tôi đã chép ra từ trong trí nhớ của bà, để trên bàn viết mỗi ngày như một sự nhắc nhở tôi đừng quên chuyện ngày xưa. Càng hít thở không khí trên

cõi đời phiền muộn, đầy dẫy oán ăm này càng lâu chừng nào, người ta càng nhớ và sống với quá khứ nhiều chừng nấy. Vui hay buồn gì, ai trong chúng ta cũng đều có quá khứ và sống với nó ít hay nhiều thì tùy thuộc tâm trạng mỗi người.

Thế nhưng, cái "chuyện xưa" mà tôi đề cập dưới đây là chuyện chung, không thuộc về ai cả. Và tôi cũng xin tầm phào tào lao một chút về những kinh nghiệm sống trong dân gian qua những vần ca dao, xem người xưa đã suy nghĩ, và sinh hoạt ra sao, âu cũng là một điều "vệ sinh và bổ". Bây giờ, xin mời bạn đọc những vần ca dao sau:

*Rau răm ngắt ngọn lại trồng
Em thương anh lắm sợ lòng chị ghen.
Anh về bảo chị đừng ghen,
Để em thấp thoáng ánh đèn cho vui.*

Bạn cũng như tôi, có lẽ đều thuộc "nòi tình"? Bạn nghĩ gì và có thấy vừa thương vừa tội nghiệp cho người con gái xưng "em" ấy không? Thương và tội nghiệp cho nàng vì nàng biết phận mình, không có cái chuyện "đến sau" mà cứ ghen ngược, đòi chiếm cứ làm của riêng như chúng ta thường thấy xảy ra trong đời sống hàng ngày. Nàng có đòi hỏi điều gì quá đáng đâu, chỉ xin "thấp thoáng ánh đèn" cho vui thôi mà. Để thương biết chừng nào! Đó là nói về nàng, còn người viết ra mấy câu trên thì tôi tin chắc cũng thuộc thành phần "Ta cũng nòi tình, thương người đồng điệu" (Chu Mạnh Trinh). Đó là một người ham thích của lạ, muốn đèo bồng chạy một lúc vài ba "má" cho đời thêm vui, và thêm...rắc rối. Thật ra, trong 10 anh "đàn ông" (không phải đàn ông) thì hết 11 anh có máu loạn quạng, lém phéng không ít thì nhiều. Quý vị nam nhi chi chí nào tự xưng mình là người mẫu mực, đạo đức, không hề phiêu lưu, mơ tưởng đến những "vùng đất xa lạ" thì người ấy có thể được sánh ngang với hàng "thánh sống" rồi. Đa phần còn lại, trong đó có tôi, thuộc loại phàm phu tục tử, một thứ "đàn ông" chính hiệu ngắt ngư con tàu đi. Cho nên, xin có lời bái phục! Phải bái phục các vị thánh sống đó là bởi vì, chính các cụ đạo đức cùng mình ngày xưa, đã không ngăn ngại mà thốt lên rằng:

*Thế gian ba sự không chừa
Rượu nồng, dê béo, gái vừa đương tơ.*

Một nàng thì rất dịu dàng, e ấp, chịu phần lép vế chỉ xin "thấp thoáng ánh đèn" thôi, nàng kia thì can đảm hơn, chặn anh giữa đường, níu áo anh lại để than thở với anh vài lời:

*Hỡi anh đi đường cái quan
Dừng chân đứng lại em than vài lời.
Đi đâu vội thế anh ơi
Công việc đã có chị tôi ở nhà.*

Và một nàng khác, tuy cũng thương anh nhưng rất thực tế, nàng cảnh giác tối đa chỉ sợ bà cả vác dao chém cho vài nhát thì còn chi là đời nữa:

*Gặp anh em cũng muốn chào
Sợ rằng chị cả dắt dao trong người.*

Tục ngữ có câu "cái nét đánh chết cái đẹp", nghĩa là coi chuyện nhan sắc của người phụ nữ không quan trọng bằng tính nết. Tục ngữ nói vậy thì ta cứ biết như vậy, nhưng cái hấp dẫn đầu tiên của người phụ nữ đối với các đấng nam nhi là cái gì? Có phải nhan sắc của người phụ nữ ấy không? Tôi không biết người yêu của Chí Phèo trong tiểu thuyết của Nam Cao xấu xí ra sao nhưng các cụ ngày xưa vẫn một mực cương quyết:

*Chẳng thà chịu lạnh nằm không
Còn hơn có vợ lẹm cầm, răng hô.*

Cầm lẹm, răng hô thì các cụ chê đã đành rồi mà ngay cả đến cô nàng có cái mặt mo phình phình, chân lại đi vòng kiền chữ bát thì có cho không, các cụ cũng chẳng thèm:

Người mà phình phình mặt mo,

Chân đi chữ bát, có cho chẳng thêm

Ngược lại, người con gái có đôi mắt lá răm, chân mày lá liễu thì đúng là của quý, đáng trăm quan tiền:

*Người mà con mắt lá răm,
Chân mày lá liễu đáng trăm quan tiền.*

Đến đây các bạn có thể thắc mắc: thế cái loại nhan sắc nào của các nàng khiến cá cụ nhìn rồi muốn chửi(?):

*Mặt má miếng bầu, nhìn lâu muốn chửi
Mặt chữ điền, tiền rươi cũng mua.*

Các cụ có được những hiểu biết về cách ăn ở, đối xử của người chung quanh là do quan sát, tích lũy kinh nghiệm rồi đối chiếu, so sánh để có một nhận định chung. Theo đó, người phụ nữ nào mà đày thắt lưng ong thì khéo chiều chồng và khéo nuôi con. Còn "mệ" nào béo trực béo tròn thì ăn vụng như mèo lại hay rầy rà con cái. Đúng được bao nhiêu phần trăm thì khó mà khẳng định, có điều những hình ảnh đó đã truyền lại cho con cháu suốt bao thế hệ và đã ở lại mãi mãi trong văn chương bình dân:

*Người mà đày thắt lưng ong
Vừa khéo chiều chồng, vừa khéo nuôi con
Những người béo trực béo tròn,
Ăn vụng như chớp, cấu con cả ngày.*

Cũng qua kinh nghiệm trên một số người mà các cụ có nhận xét:

*Trai Nhâm Đinh Quý thì tài
Gái Nhâm Đinh Quý phải hai lần đò.*

Hai lần đò là trong cuộc đời của người phụ nữ có cái tuổi Nhâm Đinh Quý này sẽ có tới hai đời chồng. Ngày xưa, ít có vụ ly dị mà chỉ khi chồng chết rồi người đàn bà mới tái giá, đi thêm một bước nữa. Còn thời nay, nhất là ở trên xứ Mỹ tự do một cách kỳ cục này thì không hẳn là do chồng chết mà là do không còn "hợp" nhau nữa nên "anh đường anh, tôi đường tôi" đấy thôi. Không nói tới chuyện tiền bạc, dớp diếc làm chi, chỉ cần chàng ngủ ngáy hơi lớn tiếng là nàng vác đơn ra tòa ca bài "hai giòng sông ly biệt" rồi. (Nhân nói về một người đàn bà đi thêm bước nữa gọi là tái giá, tôi thấy Tiếng Việt ta thật hay và phong phú. Đàn ông vợ chết, lấy vợ khác gọi là tục huyền, còn đàn bà lấy chồng khác gọi là tái giá. Tôi đã lẩn thẩn nghĩ rằng trong trường hợp các bà, sao ta không gọi là "tục tưu", có phải vui hơn không? Nghĩa là: đàn ông, vợ chết lấy vợ khác; gọi là tục huyền. Đàn bà, chồng chết, lấy chồng khác: gọi là tục tưu. Cũng đều bắt đầu bằng chữ "tục" cả. Tái nạm, tái gầu vào đây làm chi cho thêm phiền toái!)

Trong khi đó, về cánh đàn ông, các cụ không e ngại gì mà tuyên bố thẳng thừng rằng:

*Sông bao nhiêu nước cũng vừa,
Trai bao nhiêu vợ cũng chưa vừa lòng*

Hoặc:

*Trong nhà có sẵn yến ngâm,
Lại còn muốn những nhung sâm nước ngoài.*

Và đây là một chàng tuy đã có vợ nhưng không lúc nào quên bỏ nhí của mình:

*Con quạ bay xa, bay qua vườn hoa kêu chua chát,
Con nhạn đậu lâu vàng nghĩ mát kêu sương
Nhạn kêu tiếng nhạn đau thương,
Đêm nằm nhớ vợ, ngày thường nhớ em.*

Chàng có vợ bé hoặc bỏ nhí hay cho rằng vợ người khác đẹp hơn vợ mình thì cũng là chuyện thường tình nhưng chàng sẽ là một tên "đại cà chớn" nếu có tà ý đem lòng thương yêu vợ bạn. Chàng cũng hiểu như thế là bất nhơn, là không đạo đức:

Ai xui ai khiến bất nhơn

Tui thấy vợ bạn tui thương hơn vợ nhà.

Còn chàng có thương vợ người khác mà không được thì thôi chứ chẳng lẽ ăn vạ hay tự tử(?):

Buồn tình chẳng muốn nói cười,

Bởi thương vợ người không được thì thôi

Thương không được thì thôi chứ không như mấy anh chàng có máu "dê" đầy mình và gan góc, chết thì chịu chứ quyết theo đuổi nàng tới cùng:

Dao phay kẻ cổ, máu đổ không màng

Chết tôi, tôi chịu, buồng nàng không buồng.

Nếu chàng gan dạ và can đảm cùng mình như thế thì hẳn chàng có nhiều lá gan và không chỉ chàng dành cho vợ mà còn cho người khác nữa.:

Đàn ông năm bảy lá gan,

Lá ở cùng vợ, lá toan cùng người.

Đó chỉ mới là "toan tính" thôi chứ chưa chắc đã dám hành động rõ ràng dứt khoát như trường hợp của phe tóc dài dưới đây:

Hai tay cầm hai quả hồng,

Quả chát phần chồng, quả ngọt phần trai.

Đêm nằm vuốt bụng thờ dài

Thương chồng thì ít thương trai thì nhiều.

Như thế, cuộc sống lứa đôi của cặp vợ chồng trên đây không có gì bảo đảm sẽ tồn tại với thời gian, không thể nào ăn đời ở kiếp đến răng long đầu bạc được. Người chồng ở đây là một người chồng đau khổ. anh đau khổ là vì lỗi là do chính anh chứ không phải nguyên do nào khác. Vợ anh không thương anh mà đem lòng thương trai là do anh đàn độn quá sức:

Một là em lấy chồng quan,

Hai là chồng lính, ba là chồng dân

Nhưng em không chịu lấy chồng dân

Về nhà cha mẹ mắng, ra đường chị em khinh.

Cái quan niệm chọn chồng của người đàn bà ở trên thật minh bạch. Lấy ai cũng được, sang hèn gì cũng xong nhưng không thể đi nâng khăn sửa túi cho một anh ngu đàn, ăn nói vụng về luôn luôn gây phật lòng người khác. Có một câu chuyện kể rất tiêu lâm về một anh chồng đàn độn kiểu này như sau:

"Một anh chồng trong một gia đình nọ, vừa ngu vừa vụng về. Hễ mở miệng ra là đem bực mình đến cho người khác. Vì thế, trong mọi giao tiếp, bà vợ phải cầm chỉ anh ta, không nói gì hết.

Một hôm, hai vợ chồng được mời dự bữa tiệc đầy tháng con của một người bạn. Bà vợ dặn chồng là suốt bữa tiệc phải im lặng hoàn toàn. Anh chồng nghe lời. Đến dự, mặc cho thiên hạ nói gì thì nói, suốt buổi anh thủ khẩu như bình. Đến khi tiệc tan, mọi người chia tay nhau ra về, mỗi người đều nói một lời chúc tụng nào đó cho cháu bé. Anh chồng buộc lời phải phát ngôn. Anh bèn nói với chủ nhà, là mẹ của đứa trẻ sơ sinh: Chị thấy đó, từ đầu tiệc đến giờ tôi hoàn toàn không có nói điều chi cả. Lỡ ngày mai cháu bé có chết, chị đừng có đổ thừa là tại tôi đấy nhé!"

Cánh đàn ông chúng ta thường tự nhận mình là "đàn ông" để vuốt ve, thỏa mãn tự ái của các bà chứ nếu các bà thật sự chê chúng ta là ngốc, là đàn thì ta đành phải xách xe không chạy mút chỉ cả tha thôi:

Một đêm quân tử nằm kề,

Còn hơn thằng ngốc võ về quanh năm.

Hay:

Một ngày dựa mạn thuyền rồng

Còn hơn chín tháng nằm trong thuyền chài

Từ Đông sang Tây, một ngàn năm trước hay hay một triệu năm sau, bất cứ ở đâu, thời nào cũng có những người đàn bà không đoan chính, tự do xả láng sáng về sớm. Có chồng thì càng dễ..."lãng ba vị bộ", vì đã có người đứng mũi chịu sào rồi mà.

*Có chồng càng dễ chơi ngang,
Đề ra con thiếp, con chàng, con ai?*

Và còn ra cái điều "thách thức" nữa các cụ ạ:
*Con tôi đi kiếm về đây,
Có cho nó gọi bằng thầy thì cho.*

Không những thách thức mà còn trăn tráo, đánh đá, trơ mặt ngời xồm trên luân thường đạo lý mới là kinh hãi. Trong đời, bạn đã từng gặp loại người đàn bà này chưa:

*Lẳng lơ cũng chẳng có mòn ,
Chính chuyên cũng chẳng sơn son để thờ.*

Trường hợp nàng gặp phải một anh chàng ba phải, phở bò, không quan tâm thối mác gì đời sống của nàng, ra cái điều rộng lượng thì nàng cũng có quyền rong chơi với tháng ngày chứ:

*Em đây là gái năm con,
Chồng em rộng lượng, em còn chơi Xuân.*

Thà là như thế còn hơn cái cảnh đêm nay để cửa chờ chồng, đêm mai thì chờ ông láng giềng:

*Đêm qua để cửa chờ chồng
Đêm nay để cửa chờ ông láng giềng.*

Ngày xưa, khi người chồng qua đời, người vợ để tang 3 năm, sau đó có quyền lấy chồng khác. Tuy thế, cũng không ít trường hợp chưa mãn tang, người đàn bà đã vội có người đàn ông khác:

*Mả chồng còn đó trơ trơ,
Đã cùng người khác đợi chờ năm canh.*

Bên cạnh đó cũng có những người vợ rất đàng hoàng, đoan chính, nhỏ nhẹ, thưa với người đi theo tán tỉnh rằng "*cám ơn những tình cảm anh dành cho tui nhưng xin anh đừng đến nhà tui nữa kẻo chồng tui ghen*":

*Có lòng thì tạ ơn lòng
Anh đừng đến nữa mà chồng em ghen.*

Trong đời sống hàng ngày, vợ chồng chia bùi xẻ ngọt với nhau. Không ai có thể sẵn sóc lo lắng cho nhau tận tình như vợ với chồng. Thử hình dung ra cảnh người chồng đau nằm liệt giường, người vợ lo thuốc thang, chân thấp chân cao bưng thuốc đến cho chồng uống, vừa đi vừa vái trời cho chồng mạnh khỏe để cùng ăn đời ở kiếp...Làm sao ta không thương hết mình những người vợ như thế được:

*Cầm con dao sắc cắt đôi củ gừng
Bỏ vô nồi đất, sắc lại vài phân.
Cái tay em bưng, cái chân em bước
Mái tóc em xước, cái lược em rơi
Vừa đi vừa vái ông trời
Cho chồng em mạnh, ở đời với em.*

Nếu người đàn bà thương chồng nhiều đến thế thì hẳn nhiên là cũng thương con ngập lòng. Nàng bương chải đi làm nuôi con, mặc cho áo rách sườn vai:

Em đi làm mướn nuôi ai,

Cho áo em rách, cho vai em mòn.

Em đi làm mướn nuôi con,

Áo rách mặc áo, vai sòn mặc vai.

Một vài hình ảnh khác cho thấy sự buồn tẻ bán tảo và bưng chải ngược xuôi, đầu tắt mặt tối để lo sinh kế gia đình của người đàn bà đến nỗi vú xẹp, lưng nàng teo:

Một ngày ba bận trèo đèo,

Vì ai vú xẹp, lưng teo hỡi chàng?

Nhìn chung, qua những vần ca dao, chúng ta có thể hình dung và hiểu được những suy nghĩ cùng tâm tình và cách sống của dân gian. Cũng qua ca dao, người xưa đã để lại cho chúng ta một kho tàng về kinh nghiệm sống trên mọi lãnh vực, trong đó đáng kể nhất là kinh nghiệm nói về bản chất không thể thay đổi ở một số người, hay nói nôm na là khi đã thành "tật" rồi thì khó mà chữa được:

Trời nắng rồi trời lại mưa

Tính nào tật nấy có chữa được đâu.

Chuyện "Nghề Tổ"

Mới đây, một ông bạn văn của tôi từ Canada gửi xuống chia sẻ cùng tôi bài viết Nghề Tổ của tác giả Hàn Sĩ nào đó ở Việt Nam. Đọc cái tựa đề Nghề Tổ, thoát tiên tôi cứ tưởng đây là một bài viết về nghề nghiệp gì đó rất vinh quang của tổ tiên, nhưng chỉ có vài giòng thì tôi bật ngựa... Tác giả bàn về nghề "hót" cứt của dân làng Cổ Nhuế.

Ông viết: "Lúc tôi còn nhỏ, mẹ tôi thường đe tôi: 'Nếu không học hành tử tế thì sau này anh chỉ có đi hót cứt thôi con ạ'. Hình ảnh người gánh phân suốt ngày lang thang trong cái thị trấn nghèo quê tôi làm tôi rùng mình. Cái tương lai có mùi khó ngửi này chẳng quyến rũ nổi ai. Nhưng mẹ tôi lầm. Thời tôi lớn, đây là một nghề hái ra tiền. Ít nhất cũng hơn hẳn cái sự kiếm ăn với tấm bằng phó tiến sĩ của tôi. Anh biết đấy, viện Khoa Học của tôi cạnh làng Cổ Nhuế, tôi có đủ sở cứ để khăng định với anh điều đó. Làng này sống bằng nghề hót cứt, có đền thờ Thành Hoàng hẳn hoi, mà Thành Hoàng làng Cổ Nhuế là một vị hót cứt chính hiệu. Trong đền, người ta thờ đôi quang và chiếc đòn gánh cùng hai mảnh xương trâu, tất cả đều được sơn son thếp vàng. Những dụng cụ đáng được đặt lên bàn thờ lắm, bởi vì với chiếc áo tơi lá khoác hờ, với đôi quang gánh nặng mùi trên vai và hai mảnh xương trâu cầm tay, người làng Cổ Nhuế đã đời này qua đời khác, ngày lại ngày, làm sạch cho thủ đô Hà Nội gần hai triệu dân.

Vua Lê Thánh Tông từng ban cho làng này câu đối :

Khoác tấm áo bào, giang tay gánh vác thiên hạ

Vung hai thước kiếm, tận thu lòng dạ thế gian

... Ngoài cái vinh quang của nghề hót cứt (lao động là quang vinh), làng Cổ Nhuế còn là quê hương của một đại tướng lừng danh là đại tướng Văn Tiến Dũng, cũng có một tổ tiên vinh quang như các vị đồng hương gồng gánh của ông..."

Đọc bài Nghề Tổ xong, tôi động não dữ lắm. Động não vì những hình ảnh trong bài viết khiến tôi nhớ lại những năm tháng trong các trại tù Cộng Sản ở ngoài Bắc sau ngày bẻ đĩa 30/4/75. Trong những buổi học tập chính trị, các cán bộ Việt Cộng luôn luôn to mồm nhét vào tai đám tù chúng tôi những luận điệu của cái gọi là biện chứng duy vật, là một hệ thống triết lý làm nền tảng cho chủ nghĩa Cộng Sản. Tôi không tìm thấy trong hệ thống triết học ấy sự giải thích nào thỏa đáng căn nguyên câu hỏi tôi thường 'tư duy': Tại sao chất cặn bã của sinh vật

này lại là chất bổ của sinh vật khác? Chẳng hạn "kít" của con người là thực phẩm cao cấp của chó, và "kít" là thứ phân bón cây cối, rau cỏ, hảo hạng nhất. Chính vì thế mà một trong những công việc lao động chính mà bọn Cộng Sản bắt đấm tù chúng tôi làm là đi "hót kít". Nói như vậy tôi không dám có ý so sánh ngang hàng với dân làng Cổ Nhuế, thấy người sang bắt quàng làm họ đâu.

1.

Trong những bài viết trước đây, tôi thường kể lại những công việc lao động trong tù như chăn trâu, cây ruộng, gặt lúa, trồng sắn, trồng chè, phá rừng trồng bắp, lên rừng xẻ gỗ, thợ may, thợ rèn, thợ mộc v.v. và v.v.... Tôi đã thiếu sót kể lại chuyện chúng tôi đã phải đi "hót kít" để về làm phân bón trồng rau như thế nào. Thật lòng mà nói, hồi ấy tôi không dám viết lại vì thấy vừa kỳ cục, vừa xuống cấp thể thảm và nhục nhã quá sức. Còn bây giờ thì tôi lại thấy chẳng có chi kỳ cục, xuống cấp hay nhục nhã gì sất. Trái lại, nên vui vẻ mà kể lại cho "đời thêm vui và thêm phần long trọng". Nhất là vừa rồi tôi được một ông anh, dân Hà Nội chính cống, nhìn xa trông rộng, hiểu biết nhiều về xã hội Bắc cờ phe ta, có kể cho tôi nghe chuyện con gái ở làng Thanh Khiết, Nam Định phải đi "hót" cứt như thế nào. Theo lời ông, trong làng Thanh Khiết không có nhà thờ, không có chùa mà chỉ có đình. Con gái trong làng phần lớn được mô tả là rất đẹp. Làng này có một tục lệ đặc biệt là bắt buộc con gái trong làng trước khi đi lấy chồng phải đi "hót" cứt cái đả. Cô nào chưa thi hành cái bổn phận mà lệ làng quy định ấy thì chưa được phép đi lấy chồng. Như thế nếu một cô gái ở làng bên quy định với chàng thanh niên đòi cưới mình "Anh chưa thi đả thì chưa động phòng" thì một chàng nào đó có thể hùng dũng tuyên bố với cô gái làng Thanh Khiết rằng: Em chưa "hót" cứt thì chưa động phòng lắm chứ?

Bây giờ, tôi xin kể anh em tù chúng tôi đã phải lao động với cái nghề đầy vinh quang ấy ở trong các trại tù Cộng Sản như thế nào. Năm đi tù đầu tiên, 1975, ở trại Long Giao và Suối Máu, Biên Hòa, tôi chưa có được vinh dự bắt tay vào cái công việc làm giàu cho tổ quốc xã hội chủ nghĩa đó. Nhà xí dành cho tù ở trại Suối Máu, Biên Hòa là nhà xí lộ thiên. Người ta đào một cái hố thật lớn, đặt hai thanh gỗ bắc ngang qua hố. Phe ta chỉ việc ra ngồi trên thanh gỗ ấy vừa ngắm trời (hay ngắm trăng sao) vừa nhả đạ. Tôi đã chứng kiến một cảnh tượng hãi hùng: một người tù phe ta loay hoay thế nào trượt chân ngã xuống cái hố đầy phân ngập ngang tới ngực. Báo hại anh em phải dùng một cây dài đưa xuống cho anh nắm để kéo anh lên. Tôi tin rằng cho đến giây phút thở hơi cuối cùng, anh bạn tù này chẳng bao giờ có thể quên được cảnh ngộ kinh hoàng ấy. Cách sinh hoạt của đấm tù chúng tôi tại trại giam này văn minh siêu việt như thế nên phần đông đều bị bệnh kiết lỵ. Thời gian ở trong Nam chúng tôi chỉ làm cho đầy hố chứ không đảm nhiệm công tác xử lý cái chất chứa trong hố ấy để làm giàu cho tổ quốc xã hội chủ nghĩa như những ngày đói khổ trên đất Bắc. Năm sau, 1976, ra tu luyện trên thiên đường xã nghĩa xứ Bắc, tôi mới thật sự trở thành một chiến sĩ thi đua "hót" cứt. Mà không phải ai cũng được phân công làm nhiệm vụ ấy đâu nhé. Tôi vốn bị trĩ nặng, không thể leo dốc lên núi phá rừng trồng bắp nên được bố trí vào đội canh tác, nghĩa là trồng rau cho trại. Rau cải tốt là nhờ cứt mà cứt thì lúc nào chẳng có. Mấy trăm con người thải ra cứt đâu phải ít. Vậy thì vấn đề chính ở đây là chuyện đi "hót" cứt mà tổ canh tác của tôi làm công việc đó.

Trước hết là đi lấy phân bò, phân trâu. Chúng tôi, một tổ dăm bảy người với cái xẻng và đôi quang gánh trên vai, hàng ngày đi rào rào trong xóm làng thấy có bãi phân nào là xúc vào sọt. Đôi khi các cán bộ trại liên lạc được với vài gia đình trong xóm có chuồng trâu chuồng bò thì đến đó mà xúc gánh về trại. Nếu thanh niên làng Cổ Nhuế đã có lời thề: "Chưa đầy hai 2sọt chưa về quê hương" thì anh em tù chúng tôi cũng vậy, chưa đủ "chỉ tiêu" năm gánh phân mỗi người thì bị chúng gán cho cái tội là chưa học tập lao động tốt và phải bị kiểm điểm. Ngoài ra trại còn có nuôi heo và nuôi dê. Chúng tôi cũng phải xử lý các chất phế thải của

những con vật này. Riêng về chất cận bã của sinh vật đi bằng hai chân, biết khóc cái buồn, biết cười cái khoái và biết nằm ngửa để ngủ là con người thì người ta gọi là phân Bắc. Nhà xí dành cho tù phe ta được xây dựng dưới chân núi, còn các lán trại để ăn ngủ thì cất dựa lưng vào triền núi. Phe ta dùng lò ồ hay nứa đan những cái sọt lớn đặt ở nhà xí để chứa phân. Khi nào các sọt đã đầy thì tổ canh tác ra gánh về đổ vào một cái hố lớn cạnh khu vực chúng tôi canh tác trồng rau, trồng cải. Tôi nhận thấy chất lượng của loại phân Bắc do chính các người tù phe ta thải ra rất kém, toàn là vẩy bắp mà thôi vì thời gian đó, mỗi người tù chỉ được trại cho ăn mỗi ngày vài trăm hạt đại mễ (một loại bắp Trung quốc, khi nấu bung ra, hạt rất lớn, to bằng đầu ngón tay cái).

Lúc phân ủ đã hoai, việc canh tác trồng rau cải phải áp dụng đúng theo triết lý Mác-Lê và kỹ thuật hiện đại tiên tiến, nghĩa là phân súc vật thì dùng làm phân lót, còn muốn cho rau cải xanh tốt, mướt mà thì phải tưới bằng phân Bắc.

Thêm vào sự liên hiệp các chất thải đó là nước tiểu cũng do chính phe ta thải ra. Vì cần phải học tập nếp sống mới, con người mới văn minh xã hội chủ nghĩa nên phe ta không được tiểu bậy bạ mà phải xả bầu tâm sự của mình trên một thanh bương dài xé đôi, (bương là một loại tre rất lớn chỉ có ở vùng thượng du Bắc Việt), được dùng như cái máng, chảy vào một cái thùng chứa.

Phải thành thực nói rằng tưới rau cải bằng phân Bắc và nước tiểu xanh tốt vô cùng. Phân hóa học, sản phẩm của văn minh trí tuệ không cách gì theo kịp được. Theo tôi, đây cũng là nét siêu việt của xã hội chủ nghĩa vì các đỉnh cao trí tuệ đã biết vận dụng đầy sáng tạo cách xử dụng chất thải của sinh vật trên trái đất một cách có biện chứng pháp đảng hoàng.

Trên đây là chuyện lấy phân canh tác của tôi trong thời gian ở trại 8, Liên Trại 4, Hoàng Liên Sơn. Cuối năm 1977, bọn tôi được chuyển về trại Vĩnh Quang, Vĩnh Phú, do bọn công an áo vàng quản lý chứ không còn do bộ đội chăm sóc như thời gian ban đầu lúc mới bị đày ra Bắc. Vào tay bọn công an rồi thì đời sống chúng tôi là đời sống của những người tù lao động khổ sai đúng nghĩa nhất. Không còn có cái cảnh phần đông anh em tù cải tạo, một thân một mình với con dao, cái rựa đi lên núi chặt cây, đốn gỗ, phá rừng trồng bắp như trước kia nữa. Hàng ngày đi lao động đều có công an vác súng theo canh giữ, kể cả lúc đi tắm ở suối. Tối về, tất cả đều bị nhốt chung vào trong một căn phòng với hai ba lần khóa và công an cầm súng gác bên ngoài. Quản lý chặt chẽ như thế thì dĩ nhiên nhà xí cũng phải được xây ngay trong căn phòng đó. Sinh hoạt của đám tù chúng tôi có phần khác với lúc còn chịu dưới sự cai quản của bộ đội. Mỗi đội cử ra một anh trực buồng. Anh này không phải đi lao động ngoài trời như các anh em khác. Anh chỉ ở nhà lo dọn dẹp sạch sẽ, đảm trách những công tác như xuống nhà bếp lấy thực phẩm về chia cho anh em, lấy nước sôi đổ vào lon gô của từng người và quan trọng nhất là mỗi sáng anh phải lấy phân từ trong nhà xí, gánh ra đổ vào các 3thùng phuy đặt ngoài sân cỏ để cho đội đặc trách canh tác chất lên xe cải tiến đẩy ra khu vực trồng rau cải, rau muống.

Bao giờ cũng vậy, đội canh tác luôn luôn là đơn vị đầu tiên đi ra khỏi cổng trại để bắt đầu một ngày lao động vinh quang với cút. Một ông bạn tôi ở trong đội này nói rằng anh là thành viên trong đội cơ giới (ý muốn nói là đội anh phụ trách đẩy những chiếc xe cải tiến trên có chất các thùng phuy chứa phân). Anh khôi hài cho rằng đấy cũng là một hình thức thiết giáp đi trước, bộ binh đi sau! Chuyển qua trại này, tôi không còn hân hạnh ở trong đội canh tác trồng rau nữa mà được điều động về đội chuyên trồng chè. Tuy vậy, cái sự bón phân trồng rau bất cứ ở đâu, nơi nào trên vùng đất xã hội chủ nghĩa cũng y chang đờ la y boong như đã kể ở trên thôi.

Có một chuyện quá sức tưởng tượng của con người thường xảy ra tại trại tù Vĩnh Quang Vĩnh Phú, nói ra không ai tin đó là chuyện có thật nhưng sự thật vẫn là sự thật. Tôi không hề nói dối, cường điệu hay bi thảm hóa vấn đề đâu. Khi tôi kể lại chuyện này, tôi vẫn có đầy đủ các nhân chứng hiện đang sinh sống trên xứ Mỹ này. Đó là chuyện các người tù hình sự (những người dân ở ngoài Bắc can tội cướp của giết người hay các tội hình khác) vì đói quá

đã phải ăn củt. Chư vị có thể nào ngờ được một chuyện như vậy lại xảy ra trong xã hội Cộng Sản không? Chuyện như sau:

Khoảng năm 80, 81 Bộ Nội Vụ Việt Cộng có chuyển về trại Vĩnh Quang, nơi giam giữ chúng tôi, một số lớn tù hình sự. Với số lượng tù chính trị và hình sự đông đảo như thế nên tù chính trị phe ta được phân chia cư ngụ ở dãy nhà bên phải, còn tù hình sự thì ở dãy nhà bên trái. Đám tù hình sự này phần lớn thuộc thành phần đầu trộm đuôi cướp. Khi vào tù, họ rất đói vì chẳng mấy khi được thân nhân thăm nuôi. Mà nếu có được thăm nuôi thì người nhà cũng chỉ mang cho họ vài ba ký khoai, sắn, bắp, thuốc Lào gì đó thôi chứ không được đầy đủ như tù chính trị.

Thời gian đó, tù được trại cho ăn một thứ thực phẩm gọi là bo bo. Loại bo bo này có vỏ khá cứng, anh nào răng cở trệu trạo, bao tử không tốt thì khi ăn, hình dáng ban đầu của bo bo ra sao, lúc thải ra cũng nguyên vẹn như vậy. Coi như hạt bo bo chưa hề hấn gì hết. Nhìn nó, không ai có thể nghĩ rằng nó đã từng chui vào bao tử con người và đã được thải ra qua ngã hậu môn. Vì thế, một vài người tù hình sự đến chỗ mấy cái thùng phuy chứa phân, hốt cái đám bo bo thải còn nguyên xi đó, bỏ vào bao nylon, đem về rửa sạch rồi đổ nước vào nấu lại ăn tiếp.

Lúc ấy, tôi có một suy nghĩ như sau: Không thể tìm ở đâu trên trái đất này một sinh vật gọi là con người mà có một cuộc sống tệ hại, bi thảm như những người tù trong chế độ lao tù Cộng Sản. Và tôi vẫn tin rằng các bà, các cô nào đã từng đi thăm chồng, cha, thân nhân mình ở tù ngoài Bắc đều không bao giờ có thể quên cảnh những người tù, chỉ còn da bọc xương, mắt đã lạc thần, quần áo vá trăm mảnh đủ màu sắc, đi từng đoàn giữa giữa cơn mưa phùn gió thổi rét căm căm hay giữa những buổi trưa hè nóng bức, sau lưng họ là những họng súng AK đi kèm...

Trở lại chuyện Nghề Tở, ông Hàn Sĩ còn tiết lộ rằng sau ngày Đại Hội Đổi Mới Đảng năm 1986, dân làng Cổ Nhuế bị bó tay suốt thời kỳ hợp tác xã ở thập niên 50, nay được trở lại nghề xưa là đi "hót" củt và buôn củt. Trong cái thị trường buôn bán món hàng hái ra tiền ấy ở quê nhà hiện tại, ông Hàn Sĩ đã phân chia ra 4 loại như sau:

- Hạng 1 (first class): lấy từ khu Ba Đình, nơi có nhiều quan chức và dân giàu có nên củt được coi là nạc (tiếng nhà quê chỉ rằng cục phân rắn, chất lượng cao)
- Hạng 2: Từ khu Hoàn Kiếm, nơi có nhiều dân buôn bán, nhiều nhà hàng, khách sạn.
- Hạng 3: Từ khu Hai Bà Trưng và Đống Đa, nơi đa số dân cư là người lao động xài nhiều rau nên phân "Mỡ" (nhiều nước, lỏng bồng)
- Hạng 4: Từ ngoại thành, loại này xanh lợt vì nguồn nguyên liệu thuần túy rau muống. Bà con nông dân làm gì có thịt mà ăn?

Ông Hàn Sĩ còn thêm rằng có một lần tại chợ phân xuất hiện một sọt phân đề hàng chữ phân ngoại 100%. Dân chúng thắc mắc không hiểu tại sao lại có bọn dám qua mặt hải quan nhập lậu phân ngoại về xài. Về sau chủ nhân giải thích đó là phân lấy từ các sủi quán nước ngoài thì gọi là phân ngoại chứ còn gì nữa.

Khi phân chia ra 4, 5 thứ hạng phân kể trên, ông Hàn Sĩ quả là một nhà tư tưởng lớn của thời đại hôm nay và bi giờ. Cái tư tưởng của ông lớn ở chỗ ông đã vận dụng sáng tạo triết học Mác Lê tranh đấu giai cấp vào việc phân chất phân. Triết học Mác Lê vạch ra trong xã hội chỉ có hai giai cấp là tư sản và vô sản thôi. Đảng này về phương diện phân, ông đã nhìn ra được Tứ Đại Giai Cấp. Có điều, ông không nói rõ phân Bắc có từ thời nào? Cũng không thấy ông đề cập đến phân Trung và phân Nam? Hay là vì phân Bắc có những hợp chất tạo thành (ingredients) đặc biệt chẳng?

Riêng ông bạn văn của tôi ở Canada thì hỏi tôi có biết gì về phân Nam Kỳ Lục Tỉnh trước 75 ra sao không? Và phân Nam thành Hồ Xã Hội Chủ Nghĩa gồm những thành phần gì, khác biệt như thế nào? Ông còn khô hài thắc mắc về phân Trung nữa các cụ ạ. Ông các cứ hỏi

rằng có phải ngày xưa dân miền Trung thường ăn cá gỗ thì chắc là phân Trung thế nào cũng có chứa gỗ trong đó?

Chuyện này thì quá sức của tôi, tôi không thể giải thích nổi mặc dù suốt thời gian ở trong tù Cộng Sản tôi cũng được nhồi nhét khá kỹ về biện chứng duy vật, duy vật sử quan, triết thuyết về thủy tổ của loài người là con vượn v.v. và v.v....

Vì sự hiểu biết của tôi trên lãnh vực ấy (về việc phân chất phân) chưa thuộc vào hàng đỉnh cao nên xin ghi ra đây để các bậc cao minh nào nếu có đọc qua bài viết tầm phào này mà giải đáp thắc cho thì thật là muôn vàn cảm tạ...

Chuyện con trâu và chính sách “trước sau như một”

(Tặng quý vị tuổi Sửu)

Lẽ ra bài viết này có tên là “Chuyện Những Người Đẻ Gàn Nhà Thương Từ Dữ”, lấy ý từ việc các bà sau khi sanh đẻ xong, chẳng hiểu vì lý do gì, bà nào cũng khản cả tiếng. Tuy nhiên, một ông bạn rất “golden friend” của tôi đề nghị với tôi rằng chuyện các bà đi đẻ mà khản tiếng, khô cổ họng là chuyện...đâu còn có đó, nó như một thứ chân lý bất biến, có thể gác lại kỳ sau cũng được, chẳng có muợn màng gì. Chuyện “sát sườn” nhất của phe ta sống trên xứ Cờ Hoa này cần phải đề cập là chuyện mọi người đều phải cày bừa như trâu. Vì thế, nên viết một tí gì đó dính dáng đến con trâu mới là hợp với...”tình hình chung của phe ta hiện sống trên xứ Mỹ”. Tôi nghe bùi tai nên cũng ráng sức già “làm một quả” về con vật rất thân thương ấy đã ảnh hưởng đến đời sống của phe ta ra sao.

Trước hết, tôi phải khẳng định rằng bài viết này không phải là một bài “khảo kú” về con trâu như những bài viết của các bậc “thông kim bác cổ”, mỗi năm bàn về một con vật trong 12 con giáp theo cái kiểu “năm Trâu nói về Trâu” như chúng ta đã từng đọc nhiều lần trong quá khứ. Tôi không đủ khả năng và sở học để làm chuyện đó. Mặt khác, chúng ta hiện đang sống trong những ngày tháng “lắm trò khi”, chẳng có một tí liên hệ gì đến “con Trâu”. Cho nên, tôi chỉ kể ở đây những chuyện vui, buồn có liên quan đến tuổi Sửu và con Trâu.

Quý vị có đồng ý với tôi rằng tất cả chúng ta, dù tuổi thật là Tý, Sửu, Dần, Mão...gì cũng vậy, nhưng khi sang xứ Mỹ này sinh sống thì đều mang chung một tuổi: Đó là tuổi Sửu. Tuổi Sửu là tuổi con trâu. Tại sao tôi dám quả quyết ai cũng mang tuổi con trâu? Lý do là mọi người đều phải làm việc quần quật, đầu tắt mặt tối mới đủ trả tiền Bills (dĩ nhiên ngoại trừ một thiểu số vì đau ốm tàn tật hưởng SSI hay quý vị không thích đi mần mà chỉ thích hưởng “oen phe”). Trong đời sống hàng ngày của chúng ta trên xứ sở này, cái thứ bills ấy nó tấn công ta theo lối đánh biển người, xung phong ồ ạt chứ không theo lối du kích chiến, đánh lén rồi bỏ chạy. Vì thế, trong một gia đình, chồng đi làm, vợ cũng phải đi làm mới mong trang trải nổi. Do đó, đi đến đâu tôi cũng nghe bà con đồng hương ta than cùng một giọng điệu: Cày Như Trâu.

Người ta thường nói “ngu như bò” -vì con bò có “sách” mà nó không biết (chịu) đọc- Không ai nói “cày như bò” mà lại nói “cày như trâu”. Có lẽ vì trâu khỏe hơn, làm việc dai sức và có hiệu quả hơn. Cái khác biệt căn bản giữa trâu và bò là ngoài sắc da của trâu (màu đen) và bò (màu vàng) ra, ở con trâu không có giải yếm lòng thông nơi cổ như bò. Đối với các con em chúng ta sinh ra trên xứ Mỹ này có một thiệt thòi là chúng chẳng mấy khi được trông thấy tận mắt con trâu. Ở quê nhà, trâu là một con vật rất gần gũi với chúng ta. Ngay từ lớp Đồng Ấu, chúng ta đã thuộc lòng bài “Ai bảo chăn trâu là khổ. Không, chăn trâu sướng lắm chứ. Ngồi bên mình trâu...” với hình ảnh một cậu bé ngồi trên mình trâu thổi sáo, chung quanh là đồng ruộng với trời, mây, nước bao la. Lớn lên một chút, chúng ta say mê chuyện Phong Thần diễn nghĩa,

trong đó chàng Tôn Tần cưới trâu xung trận, hóa nhiều phép lạ đánh lũ tà ma. Hình như, bóng dáng con trâu đã đi vào văn chương, nhất là văn chương bình dân, nhiều hơn con bò hay một vài con vật gia cầm khác. Ngoài ra, những câu tục ngữ, ví von, nhắc nhở, được loan truyền trong dân gian đều có hình ảnh con trâu như “Trâu buộc ghét trâu ăn”; “Ngưu tầm ngưu, mã tầm mã”; “Lạc nhà nắm đuôi chó, lạc ngõ nắm đuôi trâu” vv...và vv...

Có một câu chuyện tiếu lâm mang tựa đề “Ông Quan Thanh Liêm” dính dáng đến con trâu như sau:

“Một ông quan Huyện nọ, suốt thời gian tại chức nổi tiếng là thanh liêm và đức độ. Ông không hề tơ hào đồng xu các bạc nào của dân chúng. Ông về hưu sống thanh bạch trong sự cảm mến cũng như mến tiếc của mọi người. Một hôm, đến ngày giỗ thân phụ ông, ông ngạc nhiên thấy bà vợ đi chợ mua nào heo, gà và nhiều món đắt tiền khác để làm giỗ rất linh đình, vượt quá sự tưởng tượng của ông. Ông hỏi vợ:

- Nè bà, tôi hỏi thật bà điều này. Bà lấy tiền đâu ra mà làm giỗ linh đình thế?

Bà vợ trả lời:

- Chẳng dẫu gì ông, thời ông còn tại chức, có người đến hỏi ông tuổi gì. Tôi thực tình nói ông tuổi Tý. Tôi tưởng họ hỏi cho biết hoặc để coi tử vi, bói toán gì đó cho ông đó thôi. Ai ngờ đâu một tuần sau họ đem đến biếu một con chuột làm toàn bằng vàng y. Tôi biết tính ông nên không dám nói cho ông hay. Bây giờ, đến ngày giỗ mà nhà không còn tiền, tôi đành phải xẻo bớt một mẩu nhỏ con chuột bán đi mới có tiền mua heo, gà... làm giỗ.

Ông quan nghe bà vợ nói xong, vỗ đùi đánh đét một cái rồi nói:

- Trời đất, tiếc nhỉ. Sao hỏi đó bà không nói tôi tuổi Sửu!”

Tôi hoàn toàn mù tịt về tử vi nên không hiểu tại sao tuổi Sửu bao giờ cũng tốt đối với các bà, các cô. Đó là lý do cô nào tuổi Dần cũng thường nói mình tuổi Sửu. Hai tuổi này kề nhau, cách nhau chỉ một năm nên yếu tố thời gian hầu như không làm thay đổi gì mấy trên khuôn mặt của các cô, các bà thì tội gì không nói mình có một tí “Trâu” vào cho đỡ phải mang tiếng là...dữ như Cọp cái (?) Mấy ông thầy tử vi, tướng số đều nói rằng đàn bà con gái tuổi Dần thường thường có một cuộc sống lứa đôi không được xuôi chèo mát mái, hạnh phúc hay đổ vỡ. Con trai đi hỏi vợ mà nghe nàng dâu tương lai tuổi Dần cũng rất e ngại, không dám hùng dũng tiến tới trừ trường hợp bị thần ái tình đánh...trúng tim. Nói thế không có nghĩa là các cô tuổi Dần đều phòng không chiếc bóng đành chịu cảnh lạnh lẽo bóng trắng soi cả đầu. Đó là chuyện các cô từ tuổi Dần đổi sang tuổi Sửu.

Sau đây là chuyện vui liên quan đến con Trâu trong binh chủng TQLC của tôi ngày trước. Lĩnh TQLC thường được dân chúng gọi là lính Trâu Điên. Thật ra, Tiểu Đoàn Trâu Điên là Tiểu Đoàn 2/TQLC. Đơn vị này hồi năm 1965 đã đánh tan một Trung Đoàn VC ở Bình Định và cái danh xưng Trâu Điên là do chính Việt Cộng gán cho vì chúng thấy lính TQLC đánh giặc chẳng khác gì con trâu điên. Mặc nhiên, hai chữ Trâu Điên đã tượng trưng cho lính TQLC.

Tôi còn nhớ, khoảng mùa hè năm 1969 Tiểu Đoàn Trâu Điên hành quân ở Chương Thiện được về hậu cứ nghỉ dưỡng quân. Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn Trâu Điên lúc bấy giờ là Thiếu Tá Nguyễn Xuân Phúc (biệt danh là Robert Lửa, cựu SVSQVB/K.16/ĐL). Anh từ hậu cứ ở Thủ Đức về Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn họp Tham Mưu. Sau buổi họp, anh Phúc tạt qua phòng Tâm Lý Chiến thăm tôi và đưa cho tôi một tấm ảnh (loại ảnh ghép) chụp một con trâu đang gặm cỏ trên

một cánh đồng (cánh đồng cỏ trong ảnh là bộ phận kín của phụ nữ). Tấm ảnh trông rất tức cười. Quan tư Robert lửa Nguyễn Xuân Phúc nói với tôi:

- Trong số báo Sóng Thần sắp tới (Bình chủng TQLC chúng tôi có ấn hành đặc san Sóng Thần, hai tháng ra một số) tôi đề nghị Phòng TLC đưa ra một câu hỏi, tôi sẽ trao giải thưởng 5,000 đồng cho Cọp biển nào trả lời đúng câu hỏi và nếu người đáp đúng thuộc Tiểu Đoàn Trâu Điền thì sẽ có thêm 7 ngày phép đặc biệt nữa.

Tôi hỏi anh Phúc:

- Câu hỏi như thế nào?

Anh Phúc trả lời, tay chỉ vào cái huy hiệu vẽ con trâu điền bên cánh tay áo của anh:

- Tại sao cái huy hiệu vẽ con trâu điền của Tiểu Đoàn 2/TQLC hàm răng trâu nhe ra và cái mũi của nó thì hếch lên?

Tôi nói:

- Câu hỏi này có vẻ hấp dẫn độc giả đấy.

Anh Phúc cười ha hả:

- Đó là lý do tôi tặng cho phòng TLC/Sư Đoàn và báo Sóng Thần tấm ảnh con trâu đang gặm cỏ này.

Rồi anh nói tiếp:

- Anh nên nhớ rằng con trâu nhe răng ra và mũi nó hếch lên, không phải là nó đang cười đâu. Nó đang ngủi...đấy. Anh cứ nhìn con trâu đực theo người...đít con trâu cái thì sẽ trả lời đúng ngay boong câu hỏi thôi.

Chưa bao giờ tôi được một trận cười khoái trá đến như thế. Câu hỏi được đăng lên báo theo lời yêu cầu của quan tư Nguyễn Xuân Phúc. Những ngày sau đó, đi đến bất cứ đơn vị nào trong Bình Chủng tôi cũng đều nghe các chàng lính TQLC nhà ta bàn tán câu hỏi trên. Tôi nhớ hình như chẳng có ai đáp đúng câu hỏi.

Nhắc đến con trâu mà không nói qua về những ngày tháng sống trong ngục tù Cộng Sản ở ngoài Bắc như Hoàng Liên Sơn, Yên Bái, Vĩnh Phú vv...thì quả thực là một thiếu sót lớn lao. Bất cứ ai đã từng trải qua thời gian đói khổ cùng cực tận đáy sâu của kiếp người đó đều không thể nào quên. Tôi sẽ không đề cập ở đây những vị trước kia giữ những chức vụ lớn lao, lên xe xuống ngựa, đi đâu cũng có tiền hô hậu ủng, khi vào tù lại phải đi chặn trâu. Chuyện đó quá bình thường, bởi vì ở trong các trại tù mà Cộng Sản thiết lập trên miền Bắc để hành hạ thành phần Quân, Cán, Chính của miền Nam, phe ta đã phải làm bất cứ công việc khổ sai nào. Trong một chừng mực nào đó, được giao cho nhiệm vụ đi chặn trâu có thể nói là "sướng" hơn, đỡ vất vả hơn các công việc khác như cày ruộng, trồng sắn (khoai mì), lên rừng lấy gỗ, phát rẫy trồng bắp vv...Tuy nhiên, vấn đề kinh hãi nhất mà người tù phải chịu đựng triền miên năm này sang năm khác là: Đói.

Tôi vẫn tin rằng, không có bất cứ một sinh vật nào trên trái đất này gọi là con người mà có một cuộc sống với sự dinh dưỡng tệ hại và vô cùng thâm hiểm như những người tù cải tạo phe ta đã

trải qua trong thời gian đó. Khẩu phần ăn hàng ngày của người tù chỉ là vài củ khoai mì, khoai lang, chén bắp hoặc vài chục miếng sắn xắt lát (khoai mì xắt lát phơi khô) với nước muối. Độ 5, 6 tháng gì đó thì trại cho làm thịt một con trâu. Phe ta nghe nói có làm trâu thì biết rằng hôm ấy sẽ được một chén thịt trâu, có thêm một chút thịt bồi dưỡng vào cái dạ dày muôn năm lép kẹp của mình. Thật ra, trong xã hội Cộng Sản, con trâu là sức kéo, không ai khơi khơi giết trâu xẻ thịt. Con nào bị làm thịt là con trâu đã già, hết sử dụng được người ta mới đem bán. Con trâu xấu số được dẫn về trại, thành phần nhân sự phe ta phục vụ nhà bếp có nhiệm vụ dẫn trâu ra suối xẻ thịt.

Tôi còn nhớ anh bạn tôi tên Trạch (bạn bè gọi anh là Jimmy ca Trạch) kể lại, anh được tăng cường cho toán nhà bếp đi làm thịt trâu. Anh lợi dụng lúc xẻ thịt, cắt lấy cái mũi và bộ phận sinh dục con trâu (trâu cái) gói trong lá chuối rồi đem giấu ở một hốc đá. Sáng hôm sau anh Trạch cùng với người bạn vác dao lên rừng đốn bương, một loại tre rất lớn và cao chỉ mọc ở vùng thượng du Bắc Việt. (Cũng cần nói rõ trong khoảng thời gian này, tù cải tạo phe ta còn bị quản chế bởi bộ đội Việt Cộng. Các trại giam tù cải tạo được thiết lập trong rừng sâu, bốn bên là núi cao, khó lòng trốn thoát. Có một vài người trốn nhưng cuối cùng vẫn bị bắt lại chỉ vài ngày sau đó. Bộ đội canh giữ tù cải tạo cho tù phe ta tự do vác dao lên rừng đốn bương về nạp cho trại, miễn là đủ chỉ tiêu quy định. Họ không cần đi theo canh giữ kỹ lưỡng như thời gian sau này lúc chuyển sang Bộ Nội Vụ quản lý, đám công an áo vàng canh giữ rất chặt chẽ). Anh Trạch đi đến chỗ anh đã giấu thịt, đem theo hai món ấy lên rừng thanh toán. Người bạn đi cùng năn nỉ anh Trạch xin cái mũi trâu. Anh Trạch thấy cái mũi trâu thịt có vẻ ít hơn cái bộ phận sinh dục kia nên không ngần ngại cho bạn ngay. Đến địa điểm đốn bương, công việc trước tiên là anh Trạch xắt cái bộ phận ấy ra thành từng lát nhỏ, bỏ vào lon gô rồi nấu lửa nấu. Anh để cái lon gô ấy trên đồng lửa rồi đi tìm bương đốn. Độ hơn nửa giờ sau, anh trở lại thăm chừng lon gô. Anh mở nắp ra, lon gô đã cạn hết nước. Thịt đã chín. Anh lấy ra một miếng bỏ vào mồm nhai. Anh kể lại:

- Trời ơi, nó dai lắm các cụ ạ. Dai hơn cao su nữa đấy. Tôi có cảm tưởng là tôi nhai nó, nó nhai lại tôi. Khổ một nỗi là răng cò tôi cũng trệu trạo hết rồi.

Tôi hỏi anh:

- Thế rồi anh làm sao?

- Thì tôi lại xắt nhỏ ra nữa và tiếp tục đổ nước vào nấu tiếp. Ấy thế mà cho đến lúc đốn bương xong, trước khi kéo về trại, tôi lại nhai thử, cũng chẳng ăn thua gì. Tôi tiếc công tiếc của nên nuốt trọn một tí cho cái dạ dày “có chuyện phải làm” chứ cũng đành phải đi thôi.

Rồi anh kể tiếp:

- Các cụ biết không, còn cái mũi trâu tôi cho ông bạn tôi thì buổi tối hôm ấy về trại, tôi hỏi anh ta thanh toán ra sao, anh ta cười hô hô bảo rằng cái mũi trâu, thịt rất mềm chứ không dai như cái “của nợ” kia!

Tôi nhận thấy rằng thời gian ở tù dưới sự quản chế của đám bộ đội, tuy cũng đói đấy nhưng phe ta còn có thể “cải thiện” được chút đỉnh như hái mớ rau tàu bay, rau má, bắt chuột, rắn, ếch nhái, đào khoai mì mọc hoang ở trong rừng để cho cái bao tử khỏi kêu gào chứ khi chuyển sang bọn công an quản lý thì vô phương cải thiện. Trại cho gì ăn nấy, phe ta đi một bước cũng có công an vác súng theo canh giữ. Do đó, cái đói của người tù cải tạo trong thời gian này phải nói là vô cùng thâm. Trại giam do công an quản lý mà tôi “cư ngụ” lúc chuyển từ trại ở Hoàng Liên Sơn sang năm 1977 là trại Vĩnh Quang, Vĩnh Phú. Ở đây, cứ ba tháng một lần, mỗi người tù được viết thư về gia đình yêu cầu thân nhân có thể gửi quà (3 kí) tiếp tế theo đường

Bưu Điện. Có lẽ Việt Cộng thấy số tử vong của tù ngày càng gia tăng do thiếu dinh dưỡng và thuốc men nên mới có quy định cho tù cải tạo nhận quà tiếp tế của gia đình như đã nói trên.

Đói khổ thì đã đành rồi nhưng còn đau khổ hơn nữa là thỉnh thoảng phe ta phải “lên lớp” để học tập chính sách của Đảng và nhà nước. Đám cán ngổ lúc nào cũng một giọng điệu nhưng câu nói trên đầu môi chót lưỡi của bất cứ tên nào khi nói với đám tù cải tạo vẫn luôn luôn là câu: “Chính sách của Đảng và Nhà Nước đối với các anh luôn luôn Trước Sau Như Một.”

Mỗi năm bọn tôi chỉ được ăn thịt trâu hay heo khoảng hai lần vào dịp lễ Quốc Khánh và Tết Nguyên Đán. Khi nào được ăn trâu hay heo thì Việt Cộng gọi là “ăn tươi”. Cũng vẫn những con trâu ốm yếu, chỉ còn da bọc xương được lừa vào nhà bếp. Tôi quan sát thấy những con trâu ấy rất tinh khôn. Chúng biết số phận chúng nên khi vừa dẫn đến cửa nhà bếp thì, có con trì lại không chịu bước, có con thì chảy nước mắt...

Giết trâu, xẻ thịt xong rồi, bộ da của trâu mấy ngày sau đó sẽ trở thành một thứ “thực phẩm cao cấp” dùng để bồi dưỡng cho tù cải tạo phe ta. Các bộ da trâu ấy được thui cho hết lông rồi cho ngâm trong hồ nước một ngày đêm, sau đó xắt ra từng miếng cỡ bằng đốt ngón tay. Tất cả cho vào chảo, bỏ thêm muối nấu thành một thứ thực phẩm mà tôi không biết nên gọi tên là gì cho chính xác. Số lượng da trâu nói trên không đủ phát cho toàn trại nên chỉ dùng để bồi dưỡng cho đội nào lao động xuất sắc, vượt mức chỉ tiêu.

Một hôm, đi lao động về, anh trực buồng đội tôi cho biết hôm nay đội được bồi dưỡng da trâu. Anh đi xuống nhà bếp lãnh da trâu về chia cho anh em trong đội. Mỗi người được khoảng 8 đến 10 miếng da trâu cỡ ngón tay út và một ít nước màu vàng vàng quánh lại sền sệt như hồ dán đựng trong cái chén đá. Có thêm 10 miếng da trâu, tôi biết rằng cái bụng của tôi hôm ấy sẽ “vững vàng” hơn thường lệ. Tuy thế, không bao giờ tôi có thể quên được cái cảm giác lạ lùng kỳ cục, vừa lợm giọng vừa gầy gầy khi bỏ vào miệng nhai miếng da trâu đầu tiên trong đời. Tôi nhớ rất rõ, nó có cái mùi vị của “A Dao”, chất mà người ta trộn chung với vôi để quét tường. Dĩ nhiên, không cách nào tôi nhai nổi miếng da trâu ấy vì nó dai quá. Nhai nó y hệt như ta nhai cao su vậy. Tôi không có chọn lựa nào khác hơn là đành phải nuốt trọn thoi và cái hình dáng của nó lúc đi vào bao tử thế nào thì khi được thải ra ngoài, nó vẫn giữ nguyên như thế. Chính kinh nghiệm này đã dẫn đến việc đặt tên cho món ăn cực kỳ kinh hãi nói trên.

Một lần, bọn tôi lại cũng được bồi dưỡng da trâu. Chúng tôi, bốn thằng ngồi chung một bàn. Trước mặt là bốn chén da trâu. Ông bạn tên Vượng đưa ra ý kiến:

- Tôi đề nghị ai đặt cho món da trâu này một cái tên hay nhất, mang nhiều ý nghĩa nhất thì lần lãnh quà tới của tôi, tôi sẽ đãi một chầu.

Một thằng nói:

- Tôi đặt tên món này là “quai guốc”

- Không hợp lý lắm. Tôi đặt cho nó cái tên “cao su” là đúng nhất vì dai quá, không nhai nổi

Ý kiến của một thằng khác:

- Tôi nghĩ nên đặt tên cho nó là “A Dao” vì nó có khác gì A dao đâu.

Lúc bấy giờ, ông bạn Vượng của tôi mới thủng thỉnh nói:

- Tôi có ý kiến thế này. Như các bạn đã biết, chúng ta thường nghe nói rằng chính sách của Đảng và nhà nước đối với tù cải tạo chúng mình là “Trước Sau Như Một”, nghĩa là trước tàn ác, dã man và lừa gạt thế nào thì sau cũng tàn ác, dã man và lừa gạt như vậy. Tôi thấy cái món da trâu này cũng y hệt như rứa. Nghĩa là các bạn không nhai nỏ nó mà chỉ có nuốt trọng vào bao tử thôi. Hôm sau các bạn đi đồng, món da trâu vẫn giữ nguyên hình dạng như lúc các bạn nuốt vào. Vì vậy, tôi đề nghị đặt tên cho món da trâu được trại “Ưu ái” bồi dưỡng cho chúng ta là món ăn “Trước Sau Như Một”.

Gọi món ăn da trâu là món “Trước Sau Như Một” như đã nói ở trên, tôi tin rằng không ai có thể đặt cho món ăn ấy cái tên nào vừa hay và đầy đủ ý nghĩa hơn lại vừa có tính cách mỉa mai, phỉ báng cái chế độ Cộng Sản đã đối xử tàn ác, dã man các Quân, Cán, Chính của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa bị chúng lừa gạt vào tù lao động khổ sai gần hai thập niên sau ngày 30-04-1975.

Phụ đính II:



Tỵ nạn ở Mỹ, sướng hay khổ ?

(Theo tâm sự của anh TXV)

Đọc những chuyện Buồn Vui Đời Tỵ Nạn trên xứ Mỹ này, tôi thấy chuyện vui thì ít còn chuyện buồn sao có nhiều quá. Hết chuyện ông bạn cụt chân bị vợ đá giò lái đuổi ra khỏi nhà, cầu bơ cầu bất tới chuyện thằng con khùng điên đánh mẹ nó vv và vv... sao mà mệt cho cái cõi đời đầy dẫy oái oăm, nhiều khê rắc rối này. Chắc có lẽ cũng vì vậy mà đức Phật từ ngày xưa đã nói “Đời Là Bể Khổ” chẳng? Nhưng nếu con người được sinh ra chỉ để chịu đựng đau khổ thì Thượng Đế có bất công không? Cái ý nghĩa về sự có mặt của con người trên trái đất này đâu phải chỉ có tóm gọn trong hai chữ “khổ đau”? Phải có sướng nữa thì mới cân bằng chứ. Phải không các cụ? Sướng cũng như khổ đều có nhiều dạng, nhiều kiểu, tùy theo cách ta suy nghĩ và chấp nhận hay chịu đựng nó. Chính vì nghĩ như thế nên hôm nay tôi cũng ráng gồng mình kể lại cho chư vị nghe tôi đã sướng như thế nào khi tôi sang xứ Mỹ tỵ nạn, chứ còn kể lể mãi chuyện đau buồn, bà con nghe chán chết.

Trước hết, tôi phải kể tôi sang Mỹ theo “diện” gì cái đã, vì bà con ta sang định cư trên xứ này theo rất nhiều dạng. Nào là đi bảo lãnh theo chương trình ODP, nào là vượt biển “O Đi Ghe”, nào là đi theo diện con lai, diện H.O vv.à Tôi xin nói mau rằng tôi đi theo diện H.O, tức là diện có ở tù Cộng Sản trên 3 năm, mà tôi thì bị lủ “hình người dạ thú” này nhốt vào hộp cho ăn ngô khoai với muối gấp ba lần số lượng ba năm quy định chứ không phải ít. 9 năm trời đằng đẵng xa gia đình vợ con dài như 9 thế kỷ. Cho nên tôi dư “tiêu chuẩn” để từ giã cái vùng đất yêu dấu

mà trước đó tôi đã cảm sung chiến đấu bảo vệ bằng chính mạng sống của mình. Tôi sang Mỹ vào mùa Thu năm 1993. Khác với những người ra đi từ đầu năm 1990, họ phải đến Thái Lan ở khoảng dăm bảy ngày, có khi lâu hơn để làm mọi thủ tục nhập cảnh rồi từ đó mới bay sang Mỹ. Riêng gia đình tôi thì không có cái màn chờ chuyển tiếp từ Thái Lan mà bay một mạch qua ngã Châu Âu, ngừng ở phi trường Frankfurt Đức quốc vài tiếng rồi bay sang New York. Từ New York tôi chờ đổi phi cơ bay xuống phi trường quốc tế Philadelphia, tại đây đã có gia đình thằng em vợ tôi ra đón đưa về nhà. Thằng em vợ của tôi sang Mỹ từ trước 75, đang sống ở Camden, tiểu bang New Jersey. Thị trấn Camden nằm sát cạnh thành phố Philadelphia, chỉ cần qua khỏi cái cầu bắc ngang con sông là đến chỗ ở của nó rồi.

Thật tình mà nói, tôi không thể nào diễn tả nổi cái cảm xúc sung sướng lúc tôi ngồi trên chiếc phi cơ đại bàng 747 có sức chứa trên 300 người ấy. Tôi chỉ biết rằng kể từ giây phút đó tôi không còn phải bận tâm chịu đựng, đối phó với cái đời sống phi luật lệ, vô đạo đức mà những tên Cộng Sản đã áp đặt lên đầu dân chúng miền Nam, đặc biệt là thành phần đi tù cải tạo trở về như tôi. Tôi cứ tưởng như mình đang trải qua một cơn mê. Trời, tôi đang trên đường đi đến đất Mỹ! Giấc mơ này là giấc mơ vĩ đại nhất trong đời tôi. Tôi đã mơ giấc mơ ấy không biết bao nhiêu lần rồi mãi tới giờ mới thành tựu. Tôi sung sướng lắm. Tôi nghĩ đến vài người bạn tù của tôi nhờ còn của cải hay được thân nhân giúp đỡ đã may mắn vượt biên trốn lọt, hàng tháng gửi những thùng quà cho vợ con nó. Bây giờ tôi cũng sẽ như những người bạn ấy nhưng tôi còn may mắn hơn là đi cùng với vợ con, khỏi phải lo lằng chằng ngược xuôi bảo lãnh và chờ đợi sum họp.

Trên đường từ phi trường về nhà thằng em vợ, chạy vô trung tâm thành phố Philadelphia, tôi thật sự choáng ngợp vì cái vĩ đại của những tòa nhà cao ốc, đường phố thênh thang, xe cộ bóng loáng chạy như mắc cửi. Tôi tự nhủ không biết đến bao giờ tôi mới có thể lái xe chạy trên đường phố nước Mỹ như thằng em tôi bây giờ. Cái sức sống của xứ Mỹ này thật sự khiến tôi kinh ngạc. Nhìn thấy đất nước của người ta mà thương cho đất nước mình. Chẳng hiểu bọn lãnh đạo Cộng Sản có thấy như thế không. Nhiều khi tôi nghĩ chúng giống như những con ếch ngồi ở đáy giếng, suốt ngày nhìn lên chỉ thấy có một mảng trời xanh nho nhỏ...rồi nói phét mà thôi. Tôi vẫn chủ quan nghĩ rằng điều tôi suy nghĩ về đám cán bộ chớp bu Cộng Sản như thế là đúng, không sai trật chỗ nào.

Cũng như bao nhiêu người đi theo diện H.O hưởng quy chế tỵ nạn, gia đình tôi được hưởng trợ cấp 12 tháng gồm tiền mặt và food stamp. Tuần lễ đầu tiên vợ chồng tôi ở tạm tại nhà thằng em vợ. Nó xin nghỉ phép một tuần để lo đưa vợ chồng tôi đi làm giấy tờ. Sau đó, nó thuê một căn apartment cho gia đình tôi để ở riêng và thỉnh thoảng nó chạy qua chạy lại xem vợ chồng tôi cần giúp đỡ gì không. Phải nói rằng thằng em vợ tôi tuy nó chưa hề sống với Cộng Sản ngày nào nhưng nó rất "điệu nghệ", có vẻ là nó rất hiểu cảnh sống cơ cực và trói buộc của tôi ở quê nhà. Nó nói với vợ chồng tôi bằng những lời lẽ của một người hiểu biết và có lòng:

- Anh chị sang được đây là em mừng rồi. Cái tương lai của gia đình anh chị chính là tương lai của thằng con trai anh chị. Mai kia một nọ cháu sẽ đi học và sẽ sống trên xứ này như một người bản xứ chứ còn ở quê nhà làm sao cháu ngóc đầu lên nổi. Anh chị thử nghĩ, giá như ngày xưa anh chị giàu sang nhiều tiền lắm bạc nhưng đã chắc gì anh chị cho con sang Mỹ du học được. Phải không? Đây rồi dăm ba năm nữa, học hành đàng hoàng cháu cũng sẽ tốt nghiệp kỹ sư kỹ siển như con cái người ta chứ có thua kém gì ai. Còn đời sống ở đây tuy không dễ dàng, nghĩa là kiếm được đồng bạc cũng rất gay go, chảy máu con mắt, nhưng thiên hạ sống được, mình sống được miễn là mình chịu khó đi làm. Hiện tại anh chị cứ vui vẻ nghỉ ngơi cho khỏe cái đã, còn chuyện học Anh Văn hay tìm việc làm từ từ rồi tính.

Tôi cũng tâm sự với nó:

- Bước đầu mọi chuyện nhờ em hướng dẫn chứ anh chị có biết cái gì đâu. Anh chị thấy vui và sung sướng là thoát khỏi nanh vuốt bọn Cộng Sản. Anh không thể nói hết, tả hết nỗi cơ cực bị đè nén và áp bức dưới chế độ dã man tàn ác ấy. Trước ngày ra đi, anh cũng có nhận được một số thư từ của bạn bè sang trước cho hay, qua Mỹ điều căn bản là không bao giờ phải sợ đói, còn giàu sang thì chuyện ấy khó nói lắm....

Nó cắt ngang lời tôi ngay:

- Anh nói đúng đó. Chỉ sợ anh không có sức làm hay không chịu làm thôi chứ ở đây bà con ta sau một thời gian định cư, ai cũng mua nhà cả. Có thể nói ở nước Mỹ người giàu thì giàu quá sức còn người nghèo thì cũng nghèo thâm nhất là những người da đen. Những người homeless tức là không nhà cửa phải ngủ ở ngoài đường phần lớn là người Mỹ đen. Tuyệt đối anh không bao giờ thấy người Á Châu nhất là người Việt ta phải chịu cảnh homeless.

Nghe thằng em vợ tôi nói người Việt ta sang đây sau một thời gian ai cũng có thể mua được căn nhà, tôi hình dung ra cái ngày tôi làm chủ một căn nhà trên xứ Mỹ mà thấy sung sướng, hạnh phúc. Trước mắt, nó đưa gia đình tôi đến mấy cái shopping center quá sức lớn, hàng hóa tràn ngập đủ thứ đủ loại, thấy cái gì cũng đẹp, cũng thích.

Nói ra điều này có vẻ “khoái lạc chủ nghĩa” quá nhưng thật tình từ ngày hít thở không khí tự do trên đất Mỹ, tôi chưa hề uống một ly nước lã. Cái thứ nước giải khát của tôi luôn luôn là coca hay bia lon. Ở Việt Nam để gì mà tôi rớ được mỗi ngày vài lon bia. Tiền mặt trợ cấp và food stamp tôi lãnh hàng tháng, mỗi tháng hai lần, tạm đủ chi dùng trong gia đình. Thằng em vợ tôi thỉnh thoảng dúi cho chị nó vài trăm bạc để mua sắm những thứ cần dùng nên phải nói là cuộc sống của gia đình tôi bước đầu rất thoải mái.

Tà tà nghỉ ngơi được một tháng, thằng em vợ tôi liên lạc với mấy chỗ quen chuyên môn chờ người đi làm tiền mặt, nó bảo vợ chồng tôi trong thời gian hưởng trợ cấp nên đi làm tiền mặt để kiếm thêm thu nhập. Vậy là vợ chồng tôi hăng hái đi làm. Có việc gì làm việc nấy. Hoặc đi đến các trang trại hái trái cây như các loại blue berry hay peache hoặc táo vv... Hết mùa hái trái cây thì đi làm gà. Làm gà thì hơi vất vả hơn vì phải ở trong phòng lạnh, cần mặc đồ ấm. Vợ chồng tôi đi làm còn thằng con tôi thì tôi bắt nó đi học. Nó vào học ở một trường cộng đồng, chỉ có Thứ Bảy hay Chủ Nhật tôi bảo nó có muốn đi làm thì đi cho biết... khổ với người ta, vậy thôi.

Ngày tôi sang Mỹ, gia tài của gia đình tôi chỉ có hai cái thùng nhôm và vài cái vali đựng đủ thứ linh tinh. Mặc dù lao động với đồng lương tối thiểu nhưng bây giờ tôi có thể mua sắm những thứ mà hồi còn ở quê nhà không sao tôi có thể ước mơ đến. Ở phòng khách là một cái TV 27 inc, có cả đầu máy VCR tha hồ coi phim Đài Loan, phòng thằng con tôi cũng có một cái TV, lại mua một dàn máy cassette CD loại mới nữa. Tôi cũng sắm một chiếc xe Toyota Corolla đời 87 chỉ có hai ngàn bạc mà còn chạy rất tốt. Thử hỏi, tôi đang từ lưng con kiến mà bò lên lưng con ngựa thì ai bảo là khổ? Tôi nói cuộc sống của tôi khi ở quê nhà như đang ngồi trên lưng con kiến, cách nói đó chỉ là một hình thức so sánh cho dễ hiểu ấy mà. Dĩ nhiên khi nói đến sướng hay khổ, người ta cần phải có sự so sánh mới làm nổi bật vấn đề muốn nói. Sống dưới chế độ Cộng Sản cái khổ về tinh thần đôi lúc khiến người dân kêu trời không thấu, muốn tức ói máu ra mà chết. Còn khổ về vật chất thì cả nước đều đối khổ như nhau (ngoại trừ đám cán bộ), riêng thành phần cải tạo như tôi, lúc được trả tự do trở về với gia đình, sống y hệt như một kẻ bàng quang bên lề đường. Khó mà kiếm được công ăn việc làm, cho nên đành phải đi đẩy xe ba gác, tức là thuê xe ba gác chở mớ rau cải, chuối cho bạn hàng bán ngoài chợ. Nếu có sức khỏe thì đi làm “dân biểu”. (“Dân biểu” ở đây có nghĩa là dân bảo đi đâu thì đi đó, tức là đập xích lô). Còn mấy anh già yếu thì sống nhờ vợ con, lây lất qua ngày. Những người này, bọn tôi mệnh

danh họ là công nhân của hãng “Ba Son”. Tôi học được chữ “Ba Son” nói trên nhân dịp tình cờ gặp lại một người bạn chung tù ở Bưu Điện Sài Gòn. Tôi chào anh:

- Anh về hồi nào?

- Mới về hôm Tết Nguyên Đán vừa rồi.

- Có tìm được việc gì làm chưa?

Anh cười ruồi:

- Tôi đang làm ở hãng Ba Son. (Ba Son là cơ xưởng sửa chữa tàu bè của Hải Quân VNCH ngày trước)

Tôi trợn mắt:

- Anh nói cái gì? Anh mà làm ở hãng Ba Son à?

Anh giải thích:

- Ba Son ở đây có nghĩa là sáng một son, trưa một son và chiều một son, tức là suốt ngày chỉ có ăn cơm nhà mà thôi.

Một anh bạn khác của tôi, không làm ở hãng Ba Son nhưng lại làm trong “Ủy Ban”. Nghe anh nói làm trong Ủy Ban, tôi giật cả thót người, cứ tưởng anh bạn tù này là Việt Cộng nằm vùng. Tôi bèn hỏi lại cho rõ ràng:

- Anh đi tù về mà được làm trong “Ủy Ban” thì chắc anh có thân nhân là....

Anh ngắt lời tôi ngay :

- Tôi làm trong “Ủy Ban Quanh Quẩn Thành Phố”, nghĩa là suốt ngày cứ đi lang thang hết chỗ này tới chỗ kia cho đỡ sầu đời.

Tôi phá ra cười:

- Mấy cái chữ “Ủy Ban Quanh Quẩn” này nghe ba chóp ba nháng giống y hệt như “Ủy Ban Quân Quân” chứ phải giống chơi sao. (Lúc Việt Cộng cưỡng chiếm được miền Nam, chúng cai trị Sài Gòn bằng cái gọi là “Ủy Ban Quân Quân Thành Phố”)

- Ủa, thì cuộc đời của bọn mình có còn cái gì đâu nữa mà không giống.

Và một anh bạn khác nữa lại làm một công việc rất đáng suy gẫm và vô cùng “trí tuệ”. Gặp nhau, hỏi:

- Đạo này anh làm gì?

Câu trả lời ngắn, gọn:

- Làm Thinh!

Tôi vừa kể cho quý vị nghe lúc chúng tôi ra khỏi nhà tù Cộng Sản đã phải làm đủ mọi ngành nghề như thế để sống cho qua ngày mà còn không được yên thân. Huống hồ bây giờ sang Mỹ vừa được nhà nước cho hưởng trợ cấp, vừa được tự do khỏi lo bị thăng mây thăng Công An khu vực hạch sách, khó dễ, muốn uống bia có bia, muốn rượu có rượu, cá, gà, tôm, mực, thịt heo, thịt bò ăn thả giàn, gạo trắng tinh, thơm phức, ăn khỏi sợ sạn cát. Còn vật dụng tiêu dùng thì muôn trùng, cái gì cũng có, không kể xiết, rất tiện lợi cho cuộc sống. Ra khỏi nhà một bước là leo lên xe, khỏi sợ nắng mưa. Ôi có cả trăm thứ sướng mà chỉ có xứ Mỹ này mới có mà thôi. Vậy thì có điều gì buồn khổ đâu. Có chăng là cái đau khổ của người mất nước phải từ giã quê cha đất tổ, sống trên xứ lạ quê người, từ phong tục tập quán đến ngôn ngữ, cách sống và sự suy nghĩ đều khác chúng ta. Vậy thôi. Nhưng thà là chịu đựng cái khổ đó trên xứ Mỹ còn hơn là ở chung với những con người trí khôn ngẩn ngui, cực kỳ tàn ác là Cộng Sản.

Vì suy nghĩ đơn giản như thế nên tôi rất bằng lòng với cuộc sống tỵ nạn này. Tôi sống một đời sống bình thường, giản dị mà thấy hạnh phúc. Tôi đâu cần mơ ước cái gì cao sang, mỗi ngày đi làm về, buổi chiều ngồi với bạn bè dấm ba đũa, làm một lon bia, nhắc lại những kỷ niệm cũ để sống với quá khứ và nhìn thẳng con tôi ngoan ngoãn, chịu khó học hành đạt kết quả, thì đó chính là niềm vui sướng của tôi rồi.

Những ngày đi may...

(Theo tâm sự của Nguyễn T. Y)

Tôi theo chồng sang định cư ở Mỹ theo diện H.O 7 năm 1992. Vào khoảng năm 1988, lúc chính quyền Cộng Sản ra thông cáo cho những người sĩ quan của chế độ cũ được ra đi, tôi háo hức lắm, mong sao thoát được cái chế độ dã man mà Việt Cộng áp đặt lên đầu dân chúng kể từ khi chúng cưỡng chiếm được miền Nam. Trước năm 1975, tôi là giáo viên dạy Văn cho các lớp 8 và 9. Sau ngày mất nước, tôi cũng được tiếp tục dạy Văn ở trường Minh Khai. Chồng tôi là sĩ quan, cấp Đại Úy phục vụ ở Sư Đoàn 25. Anh đi tù hết 7 năm, được thả về cuối năm 1982. Anh tương đối may mắn hơn một số bạn khác là khỏi bị đày ra Bắc. Ai có đi dạy ở thời gian đó đều biết là đời sống giáo chức dưới chế độ xã hội chủ nghĩa thật là tệ hại. Giáo chức thì được hưởng quy chế công nhân viên nên do đó hàng tháng đều có cái mần chia thịt heo và các thứ linh tinh khác. Chưa bao giờ tôi thấy đời sống của người nhà giáo thê thảm đến thế. Đối với tôi được sang Mỹ là coi như đi đến một vùng đất “thiên đường”, cái tâm trạng đó là tâm trạng chung của rất nhiều người cùng cảnh ngộ. Tôi không hình dung ra được đời sống ở Mỹ như thế nào, bạn bè ra đi trước viết thư về cho biết là được hưởng trợ cấp 12 tháng. Còn những gia đình có con còn nhỏ thì được hưởng dài dài cho đến khi các cháu trưởng thành. Trong lá thư của một người quen đi H.O 2 có viết một câu như sau: “Tuy được tự do nhưng đời sống ở Mỹ không đơn giản, cà bừa như trâu mới đứng vững nổi. Có điều là người ta sống được thì mình sống được...”

Rồi gia đình tôi gồm hai vợ chồng và 3 cháu lên đường sang Mỹ. Khác với những người đi trước như H.O 1 hay H.O 2, chúng tôi bay thẳng sang Mỹ qua ngã Âu Châu chứ không phải ở trại Thái Lan trong thời gian một hay vài tuần. Chồng tôi có người anh họ sang Mỹ từ năm 75 nên anh ấy nhận bảo lãnh gia đình tôi đưa về Chicago. Người bảo trợ thuê cho gia đình tôi một căn apartment cư ngụ cách nơi anh ở khoảng 10 phút lái xe. Những ngày đầu tiên anh bỏ thì giờ giúp tận tình gia đình tôi từ việc đưa đi làm giấy tờ ở sở xã hội đến những việc cần thiết khác dù rất nhỏ nhặt giúp chúng tôi chóng ổn định đời sống. Chúng tôi đến Mỹ vào mùa hè nên các cháu chưa thể xin vào học tại các trường Public School được. Tạm thời các cháu cùng hai vợ chồng tôi theo học lớp ESL do sở xã hội quy định tại một cơ quan thiện nguyện. Đi học ESL được cấp tiền di chuyển xe buýt. Trong thời gian này tôi cũng muốn tìm việc gì làm để có thêm thu nhập. Tôi nghĩ ý đó với người bạn bảo trợ gia đình tôi, anh nói:

- Theo chỗ tôi biết thì công việc dễ dàng nhất chị có thể đi làm trong lúc này là đi may thôi. Phần lớn người Việt mình lúc mới sang Mỹ trong thời gian đầu là đi may ở các shop may. Họ trả tiền mặt nên không bị ảnh hưởng gì đến việc lãnh trợ cấp.

Tôi nói với anh:

- Tôi có thể đi may nhưng còn học lớp ESL nếu bỏ ngang thì có bị ảnh hưởng gì không?

Anh hỏi:

- Chị học lớp ESL giờ giấc ra sao?

- Mỗi ngày 3 tiếng từ 2 giờ đến 5 giờ chiều.

- Dễ thôi, tôi sẽ tìm cho chị đi may ở một shop may quen. Chị sẽ đi may từ 7 giờ sáng đến 1 giờ trưa, sau đó chị sẽ đón xe buýt thẳng đến chỗ học ESL. Mỗi ngày chị may 5, 6 tiếng là được rồi, kiếm thêm được đồng nào hay đồng đó.

Độ tuần sau, tôi bắt đầu công việc may với giờ giấc như trên. Đây là cái shop may không lớn lắm, chỉ có khoảng trên dưới 10 người đến may. Tất cả đều được trả tiền mặt. Người chủ shop may là một người Việt gốc Tàu. Ông ta nói tiếng Việt và tiếng Tàu giỏi như nhau và khó mà nhận ra được ông là người Tàu nếu ông ta chỉ nói tiếng Việt, giọng rất miền Nam. Nghe nói ông ta trước 75 ở Hậu Giang, vượt biên sang Mỹ năm 1979. Những người đến may tại shop may của ông gồm 3 người Việt, kể cả tôi và 7 người kia là người Việt gốc Miên, phần lớn sinh sống ở Sóc Trăng vượt biên sang Mỹ từ đầu những năm 80. Hầu hết là phụ nữ. Duy nhất có một người đàn ông Việt mà tôi chưa hề biết trước đây. Anh ta có vẻ ít nói, gặp tôi mỗi buổi sáng khi tôi đến shop may, anh chỉ chào một tiếng ngắn gọn “chào chị” rồi cắm cúi may. Cũng chẳng thấy anh nói chuyện cùng ai kể cả lúc nghỉ nửa giờ buổi trưa để ăn cơm. Sau này, theo lời ông chủ shop may thì anh ta là một cựu trung úy QLVNCH. Nhận xét của tôi là ông chủ shop may này nói điều gì thì khó mà tin lắm.

Nói theo ngôn ngữ của một số bạn bè tôi trong nghề giáo kể từ khi rời bỏ đất nước ra đi tỵ nạn ở xứ Mỹ là chúng tôi đã “mất dạy”. “Mất dạy” có nghĩa là không còn được dạy học nữa, hết cầm cục phấn đứng trên bục giảng bài. Tôi đã từ bỏ cái nghề mà bọn Việt Cộng ở quê nhà lúc nào cũng hô hào, ca tụng với những mỹ từ ...nhưng chính sách đả ngộ đối với những người thuộc thành phần này thì đúng là “đừng nghe những gì Cộng Sản nói mà hãy nhìn kỹ những gì Cộng Sản làm”. Đã có không ít các giáo viên ngoài giờ dạy học phải nấu chè, nấu cháo bán thêm mới sống nổi. Người nào may mắn hơn thì có thể mở lớp dạy kèm nhất là các lớp luyện thi.

Khi đến xứ Mỹ định cư và phải còng lưng đập máy để kiếm sống, tôi có nhiều suy nghĩ lẫn lộn với những tâm trạng khác nhau. Tôi rất vui vì thoát được Cộng Sản, không còn phải miễn cưỡng tiếp xúc với những con người trí khôn ngẩn ngui, xuất thân từ đáy cùng đình của xã hội mà nay được ăn trên ngồi trốc, chỉ thị cho chúng tôi phải làm giáo án này giáo án kia, dạy dỗ những tâm hồn non trẻ những điều sai sự thật cùng với lòng hận thù cao ngất... Tôi vui vì tôi biết chắc các con tôi sẽ có một tương lai sáng sủa trên một đất nước có nhiều cơ hội này. Bên cạnh niềm vui đó tôi cũng có những nỗi buồn và nhất là cảm thấy như hoàn toàn xa lạ với những người chung quanh. Ra ngoài đường phố thấy lạc lõng xa lạ thì đã đành rồi mà ngay khi đang ngồi may ở shop may cũng thế. Tôi có cái ý nghĩ đó là bởi vì, ngoại trừ người được coi là cựu trung úy kia, những người đàn bà Việt gốc Miên may ở shop may này, qua cách ăn nói, đối xử của họ, tôi tin chắc rằng họ là những người trước kia không ở trong cùng hoàn cảnh với tôi.

Bây giờ sang xứ sở này, tôi cũng như họ và họ coi tôi có phần kém thua họ, nhiều lúc tỏ vẻ coi thường vì tôi là người mới đến không biết nhiều về xã hội Mỹ bằng họ. Đúng là đời, tôi chẳng hề quan tâm hay thắc mắc gì về điều ấy. Làm cùng một công việc kiếm sống cho qua ngày, họ coi như cá mè một lứa là đúng thôi, không có gì đáng nói. Tuy nhiên nỗi “chua xót” lẫn một chút “đắng cay” mà tôi phải chịu đựng trong suốt thời gian tôi đi may chính là tư cách của người chủ shop may này. Ông ta tự cho mình là người “ghê gớm”, thông minh và thức thời.

Ông hay kể cho mọi người trong shop may rằng bà X. là vợ của một ông tướng của chế độ cũ đã từng đến lãnh hàng của ông đem về nhà may. Bà Y. kia là vợ của một ông tướng khác cũng phải đến shop may của ông lãnh đồ về. Nghe ông huênh hoang, tôi rất khó chịu. Có lần tôi hỏi ông:

- Thế ông có biết ông tướng ấy tên gì không?

Ông trả lời:

- Nhiều bà tướng đến đây lãnh hàng của tôi về may lắm, tôi không thể nhớ nổi.

Đó là nói về các bà tướng. Còn nói về các ông tướng thì ông ta thường hay kể rằng ông tướng này, ông tướng kia khi qua Mỹ phải đi kiếm sống bằng cách rửa chén ở các nhà hàng hoặc đi cắt cỏ hay làm thợ sơn vv...và vv... Khi ông ta nói những điều ấy, giọng nói của ông ta có một chút kiêu hãnh ra cái điều bí thử và tôi bỗng ghê tởm ông ta. Tôi chợt nghĩ đấy cũng là một thứ “chó nháy bàn độc”. Tôi thật sự nản lòng lắm nhưng đành im lặng. Bà vợ hiện tại của ông (vợ sau) là một người Việt gốc Miên. Bà ta cũng được mấy người đàn bà Miên thợ may nịnh bợ xun xoe đủ điều. Cứ hơn một tiếng đồng hồ, hai vợ chồng ông ta thay phiên nhau đến chỗ tôi đang may xóc hàng lên, cầm lấy ngó qua ngó lại xem xét, ra cái điều kiểm soát. Khi hàng may đã hết, ông ta bảo tôi phải đi cắt chỉ hoặc lộn ngược hàng may lại...

Lúc mới vào may, ông trả cho tôi 3 đồng một giờ, bằng tiền mặt. Vài tháng sau ông tăng lên 25 xu mỗi giờ vị chi là 3 đồng 25. Cứ thế theo thời gian ông tăng từ từ lên 3 đồng 50 xu/giờ rồi 3 đồng 75 xu/giờ. Những người khác cũng đều trả với một giá biểu như thế. Cuối cùng là 4 đồng/giờ. Khi ông ta đã trả đến mức tối đa là 4 đồng/giờ rồi thì chỉ một tuần sau ông ta tìm cách đuổi khéo liền. Ông ta nói với tôi:

- Ngày mai chị đừng đến may nữa nghe. Hàng dạo này khan hiếm rồi. Khi nào hàng về nhiều tôi sẽ gọi chị đến may lại.

Thế là tôi đành về nhà chờ. Chờ vài tuần chẳng thấy gọi. Tôi đi hỏi dò được biết đó cái mảnh khóe cho nghỉ việc để thuê người mới vào may với giá 3 đồng. Đã vào nghề một thời gian khá lâu rồi nên tôi quen với công việc và biết vài ba shop may gần đấy nên tôi lại đi đến các nơi ấy để “apply”. Tôi lại bắt đầu từ đầu với giá 3 đồng một giờ như thời gian trước kia. Tiếp tục may một thời gian nữa cho đến khi đạt đến mức lương 4 đồng/giờ thì tôi lại được cho nghỉ việc vì hàng...khan hiếm y hệt như lý do của tên chủ shop may trước. Những người đi may như tôi hay mấy người Miên đã kể ở trên cứ theo cái vòng lẩn quẩn đó mà “chạy sô” từ shop may này đến shop may khác. Chúng tôi gặp nhau đến nhẵn cả mặt. Làm ca sĩ nổi tiếng thì hàng đêm chạy sô từ phòng trà ca nhạc này sang phòng trà ca nhạc khác, nhận những món tiền béo bở và các tràng vỗ tay râm ran chứ đi may như bọn tôi thì chỉ phải “chạy sô” khi nào mức lương được trả đã đạt đến 4 đồng/giờ!

Tôi còn nhớ có một lần tôi “chạy sô” sang một shop may cách shop cũ không xa. Ở shop may này họ trả cho tôi một nửa số tiền bằng personel check, nửa số kia bằng tiền mặt. Cái check mà họ trả cho tôi là một cái check “lủng” trời ạ. Mấy ngày sau ngân hàng return cái check đó kèm theo thông báo bị phạt 10 tỉ! Tôi đem cái check lủng đến than phiền và “chửi nhẹ” tên chủ shop may. Hắn ta nói xin thông cảm vì tiền kẹt nên chưa bỏ vào ngân hàng kịp. Hắn cũng không trả lại 10 đồng tiền phạt cho tôi.

Về chuyện đi may ở vùng tôi sinh sống, tôi biết có những hãng may của người Đại Hàn hay người Mỹ rất quy mô với hàng trăm công nhân. Làm ở các hãng may này giống như công nhân ở các hãng xưởng sản xuất khác, có quy chế nội quy đảng hoàng và không bao giờ họ thanh toán tiền lương cho công nhân bằng tiền mặt. Dù sao thì tôi cũng không thể tiếp tục kiếm sống bằng nghề ấy được, tôi muốn phấn đấu để vươn lên trong khả năng của tôi. Do đó, sau khi chồng tôi đã có công ăn việc làm ổn định, tôi quyết định bỏ nghề may theo học ở một trường cộng đồng. Sau gần 3 năm đánh vật với chữ nghĩa nhất là với tự điển, tôi ra trường kiếm được một chân làm việc xã hội cho một cơ quan thiện nguyện cho đến ngày nay.

Bây giờ nhìn lại đoạn đường 7 năm đã qua, tôi vẫn không bao giờ quên những ngày tháng đầu tiên đến Mỹ kiếm sống bằng nghề may bị các chủ shop may bóc lột, khinh rẻ, coi thường và nhất là phải nghe họ nói những lời nói rất chói tai...

Nuôi con nên người

(Theo tâm sự của Nguyễn T. L)

“Rạm đồng nấu với bẹ môn

Đói no mẹ cũng nuôi con nên người”

(Ca dao)

Cho tới giây phút này, tôi không biết tôi sẽ còn còng lưng ngồi bên bàn máy may đến bao lâu nữa. Tôi cứ tưởng ngày tháng con trai độc nhất của tôi học xong, ra trường, có job tốt là ngày ấy tôi sẽ được thanh thoi, an hưởng tuổi già, chẳng còn phải bận tâm, lo nghĩ gì đến chuyện một tuần 6 ngày, bất kể nắng mưa, nóng lạnh, bão tuyết đón xe buýt đến shop may ngồi may suốt từ 8 giờ sáng đến 6 giờ tối mới về nhà. Công việc đó tôi làm đã hơn 10 năm qua kể từ ngày tôi sang Mỹ với thằng con tôi. Tôi muốn từ giã chiếc máy may để an hưởng tuổi già là một chuyện, còn hoàn cảnh có cho phép không lại là chuyện khác. Thật lòng mà nói, ngay khi thằng con tôi bày tỏ ý nghĩ của nó về việc tôi nên tiếp tục đi may, tôi có hơi buồn, ngỡ ngàng và thất vọng nhưng rồi tôi thấy nó cũng có lý nên tôi đành phải nghe theo.

Tôi muốn giải bày tâm sự của tôi, bởi tôi biết rằng sống trên xứ Mỹ này không ít người đàn bà rơi vào hoàn cảnh giống như tôi. Tôi không hề nghĩ rằng viết chuyện mình cho thiên hạ xem là một điều không nên, không phải hay đem đến cho tôi một chút lợi ích nào nhưng tôi cho rằng đấy cũng là cách tốt nhất để “xổ” bầu tâm sự của mình cho vui bớt nỗi niềm... Dù sao, tôi cũng chỉ là một người đàn bà đơn chiếc nuôi con trên một đất nước hoàn toàn xa lạ với cuộc sống của tôi trước kia.

Trước ngày mất nước 30-4-75, tôi là một giáo viên dạy Tiểu Học ở Bình Dương. Chồng tôi là sĩ quan cấp Đại Úy, phục vụ tại Sư Đoàn 5 BB. Rồi Cộng Sản cưỡng chiếm miền Nam. Chồng tôi cũng như bao nhiêu người cùng số phận khác phải tập trung đi cải tạo. Anh bị đày ra Bắc năm 76. Lúc nhận được thư chồng tôi gửi từ Hoàng Liên Sơn, tôi thật sự lo lắng. Tôi lo cho sức khỏe của anh vì anh đã từng bị thương ở bụng phải mổ đến 2 lần, chẳng hiểu có thể chống chọi nổi với cuộc sống lao tù khắc nghiệt ở ngoài đất Bắc xa xôi ấy không. Và đau đớn thay anh đã qua đời cuối năm 78. Phải mấy tháng sau tôi mới được tin chồng tôi đã chết. Chính quyền Cộng Sản không hề thông báo cho tôi biết mà tôi được tin từ một người bạn của chồng tôi viết thư về cho hay. Tôi đến ủy ban hành chánh Quận và Phường hỏi thăm tin tức thì ở đây bảo tôi hãy yên tâm về nhà, có tin tức gì mới họ sẽ báo ngay. Tôi rất thất vọng, tôi muốn chính quyền xác nhận tình trạng của chồng tôi, thế mà họ vẫn cứ nói quanh co. Tôi không thể hiểu được tại sao những con người Cộng Sản lúc nào cũng giấu giếm, lúc nào cũng lừa bịp nhân dân. Tôi sống trong sự chờ đợi vô vọng tin chồng. Tôi vẫn mang cái tâm trạng là chồng tôi còn sống, anh ấy vẫn còn có mặt trên cõi đời này để về với mẹ con tôi. Anh không thể chết bỏ mẹ con tôi mà ra đi một mình. Dù có thư của người bạn báo tin, thêm một vài người nữa cho hay và dù đã nhiều tháng qua không nhận được thư của anh ấy như thường lệ nhưng sao tôi vẫn nuôi hy vọng là chồng tôi còn sống. Có lẽ tôi không đủ can đảm nhận sự thật là chồng tôi đã bỏ mẹ con tôi đi mãi mãi...

Cộng Sản từ miền Bắc vào cai trị đất nước, tôi không thể nào tiếp tục dạy học được nữa dù họ vẫn lưu giữ tôi. Tôi tự nghĩ tôi không thể dạy dỗ, uốn nắn tâm hồn các em nhỏ bằng sự dối trá và thù hận được nên tôi xoay sở buôn tảo bán tần ở chợ Bình Dương nuôi con sống qua ngày. Tôi có thể tự hào tôi cũng là một trong những hình ảnh mà ca dao ta từ ngàn xưa đã truyền lại như sau :

Chợ xa đi sớm về trưa

Nuôi con bao quản nắng mưa dãi dầu

Tôi vẫn còn ở chung với mẹ tôi tại thị trấn Bình Dương như trước nên cảnh nhà cũng đỡ quạnh quẽ cô đơn. Hai vợ chồng tôi có một cháu trai nhỏ, ngày chồng tôi vào tù, cháu mới có 18 tháng. Quê chồng tôi ở miền Trung, song thân của anh không còn nên những liên lạc giữa tôi với gia đình bà con bên chồng không được mật thiết lắm. Tôi chịu đựng cuộc sống đơn cô một mình nuôi con cho đến ngày chương trình H.O ra đời năm 1989. Nghe bạn bè mách bảo nếu gia đình nào có chồng chết trong trại cải tạo thì có quyền nộp đơn sang Mỹ theo chương trình nhân đạo này. Thế là tôi lo mọi thủ tục giấy tờ để được ra đi. Chuyện lo thủ tục giấy tờ này có thể nói là trải qua một quá trình gian nan chứ không đơn giản chút nào mà vấn đề ưu tiên là phải có tiền lo chạy “dịch vụ” (do chính quyền Cộng Sản đứng ra tổ chức để lấy tiền dân chúng) mới nắm được cái giấy xuất cảnh trong tay. Có được giấy xuất cảnh rồi còn phải lo “chạy” cái vụ “lên danh sách” nữa chứ. Tiền trên hết, ai không có tiền thì lo vay mượn để khi sang Mỹ được rồi còng lưng kéo cày trả nợ.

Gia đình tôi còn thủ được vài cây vàng, tôi bán đi để lấy tiền chạy dịch vụ. Có tiền, mọi chuyện tiến hành suôn sẻ, hai mẹ con được cấp giấy xuất cảnh rồi được lên danh sách H.O 5. Hai mẹ con tôi sang Mỹ vào mùa hè năm 1991. Thằng con tôi đã lớn, lúc này cháu đã 18 tuổi rồi. Cháu đã qua cái tuổi vào học trung học nên phải theo học ở một trường cộng đồng. Ban đêm cháu đi làm nhà hàng để có thêm thu nhập. Ngoài tiền trợ cấp xã hội ra, tôi còn đi may nhận tiền mặt nên phải nói là cuộc sống của hai mẹ con tôi không đến nỗi nào. Thời gian đầu tiên sống trên một đất nước văn minh tiên tiến như nước Mỹ, tôi thật sự choáng ngợp vì cái vĩ đại của quốc gia mới lập quốc hơn hai trăm năm này. Cái gì cũng lạ lẫm, cái gì cũng ngỡ ngàng và tôi nghĩ nếu không có những người đồng hương sang trước chỉ dẫn cho thì có lẽ còn lâu lắm tôi mới hội nhập vào được cái xã hội quá ư xô bồ, căng thẳng như xứ Mỹ. Những người hướng dẫn cuộc sống mới cho hai mẹ con tôi (không kể các cán sự xã hội thuộc cơ quan thiện nguyện USCC) là những người đã sang từ hồi 75 mà tôi bắt liên lạc được từ hồi còn ở quê nhà. Họ là những người bạn cùng đơn vị rất thân thiết của chồng tôi trước kia đã nhanh chân và may mắn thoát đi được trên một chiếc tàu ở Nhà Bè ngay giờ phút ông Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng Cộng Sản. Bây giờ con cái họ đã thành đạt, cuộc sống của họ vững vàng, ung dung thoải mái lắm. Phải nói rằng họ rất quý chồng tôi nên đã tận tình giúp đỡ mẹ con tôi.

Trong khi kể lại cho mẹ con tôi những kinh nghiệm sống trên xứ Mỹ, họ bảo rằng những người sang sau như tôi là may mắn vì đã có người sang trước hướng dẫn, chả bù với họ, năm 75 mới sang hoàn toàn không biết cái gì cả. Tiếng Anh không rành, người Mỹ “ponchô” (sponsor) bảo sao thì nghe vậy chứ họ nào có biết gì quyền lợi “oen phe oen phiếc” gì đâu mà đòi hỏi. Ra ngoài đường, gặp người nào nét mặt có vẻ Á Đông là nhào đến hỏi có phải đồng hương không. Nếu đúng là Việt Nam thì vui hết biết, tha hồ chia sẻ niềm vui nỗi buồn với nhau. Tôi không hiểu trong tận cùng suy nghĩ của họ, họ nghĩ gì về những người “kém may mắn” như tôi nhưng có lẽ họ phải có cái ý nghĩ như sau :” Nếu ta không nhanh chân kẹt lại dưới chế độ Cộng Sản thì cuộc đời cũng sẽ như mẹ con bà X. này”. Riêng tôi, tôi cho rằng lớp người sang trước 75 và lớp người sang sau này nhất là diện H.O, mỗi lớp người đều có cái “Được” và cái “Mất”. Cái “được” của lớp người này lại là cái “mất” của lớp người kia và ngược lại. Tuy tôi đã trải qua những năm tháng sống dưới tận đáy sâu của sự đau khổ và nghiệt ngã áp bức nhưng cái “Được” của tôi trên phương diện này là tôi hiểu được rằng nhân loại trên trái đất này đang có một xã hội theo đuổi một thứ chủ nghĩa kỳ quặc lạ lùng, từ cổ chí kim chưa từng có, như chủ nghĩa Cộng Sản ở quê nhà. Mọi người sống trong sự dối trá, không ai tin ai ngay cả trong hàng ngũ cán bộ Cộng Sản. Và nhờ đó, khi sống trên vùng đất tự do và được coi như một xứ sở của cơ hội như xứ Mỹ, tôi tự nhủ lòng là phải cố gắng nuôi thành con độc nhất của tôi ăn học nên người. Thằng con tôi dù đã phải chịu dưới sự giáo dục nhồi sọ và đầy thù hận của Cộng Sản cho đến hết bậc trung học nhưng tôi đã nhào nặn tâm hồn nó, luôn luôn nhắc nhở, dạy dỗ nó biết rõ ai là bạn ai là thù và nhất là vì sao cha nó đã phải bỏ mình trong ngục tù Cộng Sản. Tôi

nghiệp nó, nó không thể nào hình dung ra được cha nó ra sao, nó chỉ biết mặt cha nó qua những tấm ảnh chụp trong ngày cưới của hai vợ chồng tôi và một vài tấm ảnh chụp khi mặc quân phục mà thôi. Tự dưng tôi nhớ lại ngày nó còn học lớp Hai lớp Ba gì đó, nó đã phải học thuộc lòng những câu thơ đại khái như :

Em có năm ngón tay
Không đếm đủ máy bay
Của những thằng giặc Mỹ
Rơi trên nước non này

Tôi thấy ghê tởm nền giáo dục của Cộng Sản. Họ không dạy đạo đức, tình thương cho các tâm hồn non trẻ mà chỉ dạy lòng thù hận và cách hận thù. Nó còn kể cho tôi nghe những bài học anh hùng của những tên bộ đội Cộng Sản như chiến sĩ A lấy thân mình chèn pháo để cho pháo khỏi lăn rớt xuống núi, chiến sĩ B lấy thân người bịt lỗ châu mai ngăn đạn bắn ra vv...Tôi bảo nó rằng đừng tin những điều đó và giảng cho nó hiểu rằng những tên A, tên B ấy nếu không làm như thế thì chúng nó cũng sẽ chết thôi chứ chúng chẳng phải là anh hùng gì cả. Tôi cố gắng hết sức mình trong việc dạy dỗ con tôi, tôi phản bác hết tất cả những gì mà nhà trường nhồi nhét vào đầu óc con tôi. Có thể với cái trí óc còn non nớt của nó lại bị nhồi nhét liên tục, đều đặn từ ngày này sang khác, từ tháng này sang tháng khác, chưa chắc nó đã hoàn toàn tin lời mẹ nó đâu nhưng tôi không còn con đường nào khác. Tôi hy vọng dần dần lớn lên rồi nó sẽ nhận ra rằng những điều tôi dạy nó đều đúng. Và tôi đã không hoài công dạy dỗ con tôi bởi vì khi nó học đến lớp 8 thì nó bắt đầu ghét cái chế độ và nền giáo dục mà nó đang theo học. Nó ao ước được đi vượt biên sang Mỹ như một vài người bạn của nó được gia đình cho đi vượt biên viết thư về kể chuyện học hành trên thiên đường xứ Mỹ ra sao. Nhưng tôi không thể cho con tôi đi một mình được, một phần tôi không đủ khả năng, phần khác quan trọng hơn thuộc về tình cảm : tôi không thể sống thiếu con tôi. Thành ra khi đặt chân lên được xứ sở thiên đường này rồi, tôi thường hay nhắc lại cái mộng ước trước kia của nó để khuyên nó cố gắng học.

Nhờ trời thương nên suốt thời gian sang Mỹ cho đến ngàn tuổi này, tôi chẳng đau ốm gì gọi là trầm trọng lắm, chỉ thỉnh thoảng cảm cúm, nhức đầu, sổ mũi chút đỉnh thôi. Mẹ con tôi thuê một căn nhà hai phòng ngủ với giá 300 mỗi tháng. Tôi đi may liên tục, không bỏ ngày nào. Sau vài năm, tôi dành dụm tiền mua được cái máy may 3 kim và cái máy vắt sổ rồi nhận hàng về may thêm vào buổi tối hoặc cuối tuần. Có nhiều hôm tôi may một ngày 16 tiếng. Trời còn cho sức khỏe thì tôi còn ngồi may. Ngồi bên bàn máy may, tôi chỉ nghĩ đến tương lai của con tôi. Tôi hình dung đến lúc nó học ra trường, có công ăn việc làm rồi lấy vợ sinh con đẻ cái, tôi lại có cháu nội bông, tôi vui lắm và ngồi may không biết mệt. Niềm vui của tôi là được nhìn thấy sự thành đạt của con. Tôi cũng mừng vì nó ngoan, chịu khó và siêng năng học.

Ngày nó tốt nghiệp kỹ sư, tôi được trường mời đến dự buổi lễ trao bằng cấp. Hai mẹ con chụp chung với nhau một tấm hình, tôi ôm con mà nước mắt ứa ra hồi nào không hay. Cái ước mơ to lớn nhất ngày nào tôi ấp ủ ở quê nhà nay đã thành hiện thực. Tôi còn niềm vui sướng nào hơn. Buổi tối hôm ấy, về nhà tôi làm mâm cơm cúng chồng tôi và mong linh hồn anh hãy về chứng kiến và chia sẻ niềm vui với tôi. Tôi tin rằng dưới tuổi vàng anh đã hiểu được sự hy sinh, chịu đựng gian khổ và lòng yêu thương của tôi dành cho chính anh cũng như cho đứa con độc nhất của chúng tôi. Hàng năm vào ngày giỗ anh, tôi luôn cầu khẩn hương hồn anh về phù hộ cho mẹ con tôi gặp mọi điều may mắn trong cuộc sống hàng ngày và đủ sức chịu đựng để vượt qua những thử thách.

Con tôi bắt đầu gửi resume đến các hãng xưởng để xin việc. Tam thời, mỗi tối nó đi làm ở nhà hàng. Phải mất hơn 6 tháng mới có vài công ty gọi nó phỏng vấn và sau cùng một công ty Điện Tử ở ngoại ô nhận nó vào làm việc với số lương phải nói là vượt quá lòng mong ước. Nghe con có việc làm tốt, lương phạn lại cao, tôi mừng còn hơn bắt được vàng. Như thế là kể từ đó, đời

sống của mẹ con tôi đã rẽ qua một khúc quanh khác.

Nó đi làm đã được hơn một năm rồi. Sáng đi chiều về, ngày nào cũng thế, tôi không thấy nó đi chơi xa ở đâu. Tôi thì hàng ngày vẫn đi đến shop may nhưng bây giờ tôi không phải đón xe buýt nữa mà nó đưa đi rồi chiều đón tôi về. Mỗi tối hai mẹ con ngồi ăn cơm với nhau như từ ngày mới sang Mỹ. Bây giờ, đời sống vật chất đã khá hơn nên tôi không quan tâm đến việc nhận hàng về nhà may ban đêm nữa. Vào khoảng thời gian này, thật lòng mà nói, tôi chờ đợi con tôi sẽ nói với tôi câu nói sau :”Mẹ à, con thấy mẹ đã đầu tắt mặt tối đi may bất kể nắng mưa, bão tuyết và hy sinh lo lắng nuôi con ăn học đến nơi đến chốn, bây giờ là lúc mẹ nên nghỉ ở nhà, đừng có đi may nữa. Mọi chuyện trong gia đình để con lo hết cho, mẹ cứ vui hưởng tuổi già...”. Sự chờ đợi được nghe con tôi nói với tôi một câu “mát lòng” như thế đã không xảy ra. Tôi vẫn cặm cụi đi may và con tôi vẫn một ngày như mọi ngày, sáng đưa tôi đi làm, chiều đón về như một điệp khúc. Tôi sống trong tâm trạng buồn vui lẫn lộn, tôi không nghĩ rằng con tôi thờ ơ hay chẳng quan tâm gì đến tôi nhưng tận đáy lòng, tôi cảm thấy như có một chút “hụt hẫng”.

Một hôm, trong bữa ăn, tôi nói như tâm sự với nó :

- Con ạ, cho đến bây giờ gia đình ta đã vượt qua được những thử thách gian khổ rồi. Trong thời gian qua, con đã cố gắng học hành, không phụ sự hy sinh, lo lắng và lòng mong mỏi của mẹ. Mẹ vui lắm, mẹ không mong ước gì hơn nữa. Công việc làm của con coi như đã ổn định, con cũng nên tính đến việc lập gia đình để mẹ còn có cháu bé đi chứ.

Nó cười xòa :

- Mẹ biết đó, con cũng có vài cô bạn gái nhưng con chưa muốn tính điều ràng buộc với ai. Khi nào con quyết định, con sẽ thưa với mẹ.

Tôi muốn lợi dụng dịp này nói lên cái ý nghĩ “không đi may” nữa để xem phản ứng của con tôi ra sao :

- Mẹ thấy hiện tại đời sống mẹ con mình tương đối đã thừa thãi phần nào, nhà mình thì lại không có nhu cầu gì lớn lao. Con cũng biết tính mẹ, mẹ chỉ muốn sống đơn giản, không se sua, không so sánh với ai hết. Vì thế, mẹ định nói với con là kể từ nay mẹ thôi, không đi may nữa. Mẹ sẽ xin vào hội Cao Niên để thỉnh thoảng theo những lần tổ chức của Hội đi đây đi đó an hưởng tuổi già, con nghĩ sao ?

Nó nhìn tôi một lúc rồi nói chậm rãi :

- Mẹ nói cũng phải, mẹ đã hy sinh nhiều vì con rồi, đây là lúc mẹ có thể nghỉ ngơi nhưng hiện tại con thấy mẹ vẫn còn sức khỏe, còn có thể tiếp tục đi may được nữa thì nên đi. Mẹ biết đấy, đời sống ở xứ này căng thẳng và rất lạnh lùng, không ai biết trước điều gì sẽ xảy ra cho mình. Do đó, ngày nào còn thể đi làm được thì cứ tiếp tục. Mẹ không nên ở nhà, suốt ngày nhìn bốn bức tường vây quanh, mẹ sẽ chán nản lắm đó.

Nghe con tôi nói vậy, tôi như thấy có một nỗi buồn xâm chiếm lòng tôi. Niềm mong ước chờ đợi ngày con tôi ra trường, có công ăn việc làm để tôi được nghỉ ngơi, bù lại những ngày tháng vất vả sớm khuya đã vỡ tan như bọt xà phòng. Dù sao thì con tôi nói cũng có lý. Nó sống, học hành và làm việc với người Mỹ, ảnh hưởng chủ nghĩa “thực dụng” của Mỹ. Tôi không trách nó được nhưng bên cạnh đó tôi cũng không chối cãi rằng tôi có thấy buồn buồn trong lòng. Tôi không biết tôi sẽ còn đi may cho đến bao giờ đây. Tôi gượng cười và cố dấu nỗi buồn để nói với con tôi lời nói mà khổ sở lắm tôi mới nói được :

- Ừ, thì mẹ tiếp tục đi may vậy.

Nói xong câu nói đó, tôi lặng lẽ về phòng nằm suy nghĩ đến những ngày sắp tới. Tôi tự an ủi rằng tôi đã làm hết sức mình, làm hết bổn phận một người mẹ nuôi con cho đến ngày khôn lớn dù có phải trải qua trăm cay ngàn đắng. Và tôi biết chắc rằng ngày nào con tôi lấy vợ, rồi có con tôi sẽ được thành thoi, không phải đi may nữa, chỉ lo việc nhà và nhất là phụ giúp với người con dâu chăm sóc những đứa cháu nội của tôi. Ngày đó có lẽ không xa lắm đâu, nó nằm ngay trong tầm mắt tôi. Cái ý nghĩ sau cùng này đã dẫn tôi đi vào một giấc ngủ thật ngon trong đêm hôm ấy.

Một trường hợp bất hạnh

Hình như không có một thống kê rõ ràng nào cho chúng ta biết được đã có bao nhiêu người Việt hiện đang sống trên đất Mỹ bị bệnh tâm thần. Với loại bệnh liên quan đến sự bất bình thường của hệ thống thần kinh này, người Mỹ phân chia ra nhiều loại, nhiều dạng, nhưng đối với người Việt ta thì có phần đơn giản và có tính cách chung chung hơn. Đại khái bệnh nặng thì gọi là điên, loạn trí, khủng. Bệnh nhẹ thì gọi là tức tức, mất dây, chạm điện hay nói theo ngôn ngữ của tác giả tập truyện phiếm "Giày Sô, Nói Phét và Đàn Bà" Huỳnh Văn Phú thì đó là bệnh của "những người đẻ gần nhà đèn".

Các nhà y học và phân tâm học tùy theo trường hợp, đã đưa ra nguyên nhân này nguyên nhân nọ để giải thích bệnh trạng của người mắc bệnh tâm thần. Hẳn nhiên, điên, khủng, loạn trí... gì cũng đều có những nguyên do của nó. Và những người này sống trong cái thế giới riêng của họ, không cần biết gì đến cái thế giới hay xã hội mà chúng ta đang sống với bao nỗi phiền muộn, âu lo lúc nào cũng canh cánh bên lòng. Vì thế, những người mắc bệnh tâm thần, ít hay nhiều, họ là những người hạnh phúc. Còn chúng ta, những người bình thường, nhìn những người điên, loạn trí, chúng ta thấy thương và tội nghiệp cho họ.

Theo sự nhận xét chung và đơn giản của một số người thì nguyên nhân gây ra bệnh tâm thần là do không đạt được điều mong ước hoặc vì quá thất vọng do bị phụ tình chẳng hạn. Tôi được biết có một cô nàng bị người tình phụ bạc. Đùng ai nhắc đến tên "chàng" thì không sao chứ mỗi lần nghe tên người tình ấy là cô nàng la hét đập phá lung tung. Ngoài ra, đau khổ quá sức chịu đựng cũng khiến cho con người không còn bình thường nữa, nếu không muốn nói là phát điên.

Đáp ứng mục "Buồn Vui Đời Ty Nạn", trong bài viết này, tôi xin kể trường hợp một người đã vì sự đau khổ giáng xuống đời họ một cách nghiệt ngã nên người ấy đã loạn trí, hiện đang nằm điều trị tại một bệnh viện tâm thần. Không hiểu rồi ra họ sẽ có thể trở lại bình thường như xưa được không, nhưng dù sao đây cũng là một chuyện buồn trong hàng ngàn chuyện buồn của một số đồng hương chúng ta đang gánh chịu.

Tôi là nhân viên xã hội làm việc cho một tổ chức thiện nguyện, phụ trách một chương trình nhằm giúp đỡ các em học sinh Trung Tiểu Học Việt Nam mà trí óc chậm phát triển hay không được bình thường như các em khác. Chương trình chú trọng đến việc liên lạc với các cơ quan liên hệ chữa trị cho các em để các em có thể tiếp tục đi học bình thường.

Một hôm, tôi nhận công tác đi thăm viếng một gia đình người Việt có cậu con trai 14 tuổi, mắc bệnh tâm thần. Cậu bé này, theo báo cáo thì đang nổi loạn, không chịu lên xe buýt đi học, đập

phá lung tung và tự cắn vào tay mình. Cậu không nói được như những đứa trẻ khác, chỉ nói từng tiếng một, tuy nhiên nghe và hiểu một cách hạn chế những điều người ta bảo cậu làm. Cậu đang theo học một trường học đặc biệt dành cho những đứa trẻ không được bình thường như cậu.

Cùng đi với tôi đến thăm viếng gia đình người Việt ấy là một bác sĩ tâm lý, một nhân viên thuộc nha học chánh, một người Mỹ phụ trách chính chương trình mà tôi đang làm việc. Trước đó hai ngày, tôi liên lạc với mẹ cậu bé để báo cho bà biết chúng tôi sẽ đến thăm viếng và tìm những biện pháp giải quyết thích hợp trường hợp của cậu bé.

Mẹ cậu bé là bà X., khoảng trên 50 tuổi. Hai mẹ con sống trong một căn nhà nhỏ thuê \$350/tháng, đang hưởng trợ cấp xã hội. Bà tiếp chúng tôi rất vui vẻ và niềm nở. Sau khi nhân viên thuộc nha học chánh trình bày cho bà biết tình trạng của cậu bé, bà ngỏ ý xin cho cháu được ở nhà với bà khoảng 3 tuần lễ để bà săn sóc cháu. Bà hy vọng sau 3 tuần cháu sẽ trở lại bình thường và sẽ đi học lại. Lời yêu cầu của bà được nhân viên nha học chánh chấp thuận và theo đúng chương trình thì sau 3 tuần cậu bé phải đi học lại.

Hai tuần sau, tôi lại được giao công tác đến thăm gia đình ấy xem tình trạng bệnh tật của cậu bé có khả qua hơn và liệu đến ngày ấn định cho cậu bé đi học lại có được không. Ở lần thăm viếng thứ nhì này, lần đầu tiên tôi gặp cậu bé, con của bà. Tuy mới có 14 tuổi nhưng cậu khá lớn xác. Cậu chạy lên chạy xuống cầu thang trong nhà rầm rập, khi la khi hét, thỉnh thoảng phá ra cười lớn rất vô cớ. Đôi lúc cậu cắn vào tay cậu và ôm cánh tay mẹ cậu cắn. Bà X. để yên cho cậu cắn. Lúc này, nhận thấy bà X. vẫn bình thường, tỉnh táo. Bà pha trà mời chúng tôi và kể chuyện gia đình bà. Theo lời bà, khi bà có mang cậu bé được 3 tháng thì chồng bà đã bỏ bà đi theo một người đàn bà khác, hiện chồng bà sống ở Texas. Ngoài cậu bé ấy ra, bà còn có một cô con gái đã lập gia đình và ra ở riêng. Bà cho biết thể chứ không nói rõ con gái bà ở đâu.

Khi chúng tôi đang ngồi nói chuyện ở phòng khách thì bất ngờ cậu bé, trần truồng như nhộng, từ trên lầu chạy xuống dưới nhà, tay ôm quần áo. Cậu tỉnh bơ đứng giữa nhà rồi mặc quần áo lại. Rồi cậu lại chạy lên lầu la hét đập phá cái gì đó. Mẹ cậu nhờ tôi chuyển lời đề nghị của bà xin chuyển cho cậu sang một trường học khác hay giúp cho một người đến dạy cháu tại nhà thay vì đi học ở trường. Bà nói rằng với khung cảnh và môi trường mới, con bà sẽ không còn la hét, đập phá hay cắn xé gì nữa. Tuy nhiên vị bác sĩ tâm lý cho biết, cậu bé cần phải được định bệnh bởi một chuyên gia về thần kinh rồi tùy theo kết quả của vị chuyên gia này, nha học chánh mới quyết định phương thức "giáo dục" cho cậu bé. Bà X. đồng ý là sẽ cho cậu bé đi định bệnh tại một chuyên gia về thần kinh do nha học chánh chỉ định. Tôi sẽ là người giúp bà làm "cái hẹn" với vị chuyên gia thần kinh ấy cũng như cung cấp thông tin về bệnh trạng của cậu bé.

Ngày hẹn đã đến, tôi cùng người Mỹ phụ trách chương trình đến nhà bà X. Vừa mở cửa thấy chúng tôi, bà X. vội hét lên, chúng tôi không cần quý vị đến giúp nữa. Rồi bà đóng sầm cửa lại. Tôi và người Mỹ đứng đợi bên ngoài khoảng 5 phút, lại gõ cửa một lần nữa. Lần này bà X. mở cửa và để chúng tôi bước vào nhà. Tự nhiên bà X. khóc lớn và la hét dữ dội. Rồi bà cười sằng sặc, bà bảo ông Y, ông Z gì đó hãy tự tử đi. Ngay lúc ấy, cậu con trai của bà nhảy bổ vào người bà, dùng chân đá bà rất mạnh, cắn vào cánh tay bà và cậu ta rút giày ra đánh vào chân bà. Bà X. nằm dài trên sô pha, mắt nhắm nghiền, chịu đựng cơn đánh đập rất hung hãn của đứa trẻ mà chính bà đã đẻ nó ra. Cánh tay bên phải của bà bầm tím vì những vết cắn của cậu con.

Người Mỹ cho bà hay là đến giúp bà như đã hẹn, bà X. mắt long sòng sọc, nhảy xổ vào người Mỹ như muốn gây chuyện ăn thua và bảo không cần ai giúp hết, tất cả hãy ra khỏi nhà bà. Chúng tôi giải thích thế nào bà X. cũng không thềm nghe, lúc cười, lúc khóc, nói những lời nói

vô nghĩa. Bà nói về chiến tranh Việt Nam, bà bỏ nước ra đi từ năm 1975, nói về những cánh đồng hoa rực rỡ ở quê hương bà. Bà X. hoàn toàn trở thành một con người khác, không giống một chút nào con người mà tôi đã tiếp xúc trước đó mấy tuần. Chúng tôi đành phải trở về nhiệm sở.

Sau đó, người ta đưa cả hai mẹ con vào bệnh viện. Ngày hôm sau, tôi lại phải đến bệnh viện giúp trình bày lại cho các bác sĩ những lời bà nói. Gặp tôi ở bệnh viện, hình như bà có vẻ nhận ra tôi. Bà níu cánh tay tôi và nói "Trời ơi, tôi khổ quá ! Muốn chết mà không chết được". Tôi nghĩ, đó là lúc bà tỉnh táo nhất. Sau đó, vị bác sĩ vào hỏi chuyện bà, bà lại nói những lời vô nghĩa. Bà vung tay, vung chân, mắng chửi như tát nước vào mặt vị bác sĩ. Chỉ mới có một ngày mà trông bà tiều tụy, xác xơ. Tôi không biết bà đã "cư xử" ra sao mà người ta đã cột bà lại trong chiếc xe đẩy. Tôi không thấy cậu con trai của bà, có lẽ cậu được điều trị ở một phòng nào đó. Người ta không thể hiểu được những gì bà nói, bởi vì bà nói về những dòng sông, nói về người đàn bà đứng bên này và người đàn bà đứng bên kia, nói về những rặng dừa xanh ngắt, mảnh vườn trồng hoa rất đẹp trong khu nhà bà v.v. và v.v. Riêng tôi, tôi nhớ nhất câu nói có lẽ lúc bà tỉnh táo nhất, là câu : "Trời ơi, tôi khổ quá ! Muốn chết mà không chết được"

Bà X. và cậu con trai 14 tuổi của bà được đưa đi điều trị ở một bệnh viện tâm thần. Chúng tôi lại phải đi đến thăm hai mẹ con bà. Bây giờ, bà X. không còn nhận ra tôi nữa. Đôi mắt bà lạc thần, ngu ngơ. Bà không nghe hiểu những gì tôi hỏi bà, câu trả lời của bà chỉ là những lời nói vô nghĩa về người chồng đã bỏ đi của bà, về những chuyện đầu đầu không ăn nhập chuyện nào với chuyện nào. Còn cậu con trai cũng thế, người ta dắt cậu ra chỗ chúng tôi, cậu đi như một người mất hồn, ngồi phịch xuống ghế, mắt nhìn vào một cõi xa xăm nào đó. Tôi nghĩ đến hoàn cảnh của hai mẹ con bà X. mà thấy lòng chùng xuống.

Trường hợp bà X. phải vào bệnh viện điều trị là ngoài ý muốn của bà nên tôi và người Mỹ cùng sở phải ra tòa y tế để cung khai những điều tai nghe mắt thấy. Vị luật sư của bà (do tòa chỉ định) thật ra muốn đưa bà về nhà hơn là giữ bà điều trị trong bệnh viện nên đã hỏi bà có muốn về nhà không. Bà trả lời là muốn về nhà. Và khi phiên tòa sắp chấm dứt, luật sư hỏi bà một lần nữa là bà có muốn về nhà hay ở trong bệnh viện. Bà lại trả lời là không muốn. Tòa quyết định bà X. phải điều trị trong bệnh viện một thời gian vài tuần nữa.

Qua chuyện này tôi nhận thấy bà X. sở dĩ điên là vì bà đã chịu đựng quá nhiều đau khổ gây ra bởi cậu con trai của bà. Bên cạnh đó, chồng bà đã bỏ bà, một thân một mình nuôi thẳng con trai điên khùng, bị con đánh đập, cào cấn lung tung và có thể còn có một biến cố xung đột nào khác nữa xảy ra trong gia đình bà mà tôi không thể biết hết được. Điều tôi nhận xét ở đây là nếu bà X. cứ tiếp tục điều trị ở bệnh viện thì khó có cơ hội khỏi bệnh. Bà X. tiếng Mỹ không rành, lại khi điên khi tỉnh, bác sĩ và y tá người Mỹ, họ không hiểu bà nói cái gì, muốn cái gì, cứ cho uống thuốc chữa trị tâm thần chỉ khiến bà bệnh nặng hơn thôi. Nếu có bác sĩ tâm thần người Việt chữa trị thì may ra bà X. có thể trở lại đời sống bình thường.

Tôi vẫn tin rằng, sau ngày 30-4-75, quân dân miền Nam chịu phải cảnh nhà tan, nước mất, và có biết bao thảm cảnh xảy ra nhất là những người đã trải qua những giờ phút kinh hoàng trên biển Đông khi vượt thoát Cộng sản tìm tự do, khiến không ít người trở nên "bất bình thường". Có lẽ, không có giấy mực nào đủ để nói hết được nỗi đau khổ của những trường hợp bất hạnh đó.

Người lạ đến câu !

"Tiếc công lao anh đào ao thả cá
Bao năm tháng rồi người lạ đến câu"
(Ca dao)

Có những buổi chiều đi làm về, nằm một mình trong căn phòng nhỏ ở một chung cư mà chung quanh tôi là những người xa lạ, tôi thật sự thấy cô đơn đến nao nề. Ở những giây phút đó, tôi suy nghĩ đến ý nghĩa của cuộc đời, đến sự có mặt của con người trên thế gian này có mang một ý nghĩa nào khác hơn là cuối cùng phải sống một cuộc sống đều đều, buồn nản y hệt như quả lắc chiếc đồng hồ đang đong đưa qua lại tôi treo trên tường kia. Hiện tại, trên xứ Mỹ lạnh lùng này, tôi sống cuộc sống chẳng khác nào cái quả lắc ấy. Ngày nào cũng như ngày nào, sáng thức dậy đi làm, chiều về nhà tắm rửa, nấu cơm, ăn, đọc sách, ngủ. Rồi sáng thức dậy đi làm, về nhà... Trước đây, tôi không hề tưởng tượng nổi sẽ có lúc tôi rơi vào cái vòng lẩn quẩn chán như cơm nếp nát đó. Tôi không biết được trên xứ sở tạm dung này có bao nhiêu người "đàn ông" có hoàn cảnh giống như tôi? Người bàng quang nhìn vào, hẳn sẽ cho rằng đó là một cuộc sống đau khổ. Đúng, sống như vậy là đau khổ quá rồi chứ còn gì nữa. Tôi nhớ có đọc ở đâu đó câu nói của một nhà văn người Nga đại ý như sau: "Khi người ta hạnh phúc và sung sướng thì ai cũng giống nhau, nhưng khi đau khổ thì mỗi người đau khổ một cách khác nhau".

Tôi không chối cãi rằng tôi là một người đàn ông đau khổ. Nói là đau khổ mà chỉ nói khơi khơi thì làm sao người khác hình dung ra cái nỗi đau đó như thế nào. Vì thế, tôi muốn mượn mục "Buồn Vui Đời Ty Nạn" viết lại nỗi đau của tôi may ra vơi bớt đi phần nào, và qua đó những ai cùng hoàn cảnh với tôi có thể thông cảm, chia sẻ với nhau cũng như tự an ủi rằng không phải chỉ có mỗi mình ta là gánh chịu "cảnh đời đen bạc" như vậy mà còn có nhiều người khác nữa.

Trước hết tôi phải khẳng định nguyên nhân sâu xa dẫn tới sự đau khổ của tôi là do Cộng Sản cưỡng chiếm miền Nam năm 1975. Nếu không mất nước thì gia đình tôi đâu có tan nát như bây giờ. Còn nguyên nhân phụ là do hoàn cảnh, môi trường sống đã là một yếu tố quyết định khiến cho người vợ đã từng đầu ấp tay gối của tôi rời bỏ tôi.

Trước năm 75, hai vợ chồng tôi cùng đi dạy học. Nàng dạy Sử Địa, tôi dạy Toán. Chúng tôi lớn lên và cùng học tại một thành phố nhỏ ở miền Trung. Trời xui đất khiến kiêu nào mà tôi và nàng cùng học chung Sư Phạm Sài Gòn. Và chính thời gian học ở trường Sư Phạm Sài Gòn, tôi bắt đầu chú ý và yêu thương nàng. Sau ngày rời trường Sư Phạm, tôi và nàng được bổ về tỉnh nhà dạy học. Tình yêu ngày càng khăng khít, tôi quyết định cưới nàng. Những ngày tháng đó, phải nói là chúng tôi rất hạnh phúc. Đời sống giáo chức thật êm đềm. Tuy đất nước đang trong thời kỳ chiến tranh nhưng hầu như ở tỉnh tôi đang sống, tôi chẳng mấy khi nghe tiếng đại bác hàng đêm vọng về, cũng chẳng mấy khi nhìn thấy hỏa châu treo lơ lửng trên bầu trời thành phố ngoại trừ khoảng thời gian Tết Mậu Thân. Chúng tôi có 4 cháu, hai trai, hai gái. Rồi ngày 30-4 xảy đến, vợ chồng tôi quyết định ở lại quê nhà, không hề có ý định di tản. Tôi suy nghĩ đơn giản mình là giáo chức, có phải cảm sủng bóp cò ra trận giết giặc đâu mà e ngại. Bên cạnh đó, cả hai gia đình chúng tôi còn có cha mẹ già, mồ mả tổ tiên ông bà nên bỏ đi không đành. Và lại, có nền giáo dục nào mà lại không cần những thầy giáo, cô giáo như vợ chồng tôi.

Thời gian đầu tiên, cả hai vợ chồng tôi đều được Cộng Sản cho tiếp tục nhiệm vụ. Sau đó, chúng không cho tôi "đứng lớp", nghĩa là không được dạy dỗ gì hết. Nói theo cách nói của "dân trong nghề" thời đó là tôi "mất dạy". Tôi đành về nhà đuổi gà, nấu cơm thay thế vai trò vợ tôi. Ai đã sống ở quê nhà dưới chế độ Cộng Sản trong thời gian ấy đều không thể nào quên được sự đè nén, áp bức, ngăn sông, cấm chợ và đói khổ như thế nào rồi. Tôi thấy không cần thiết phải kể lại ở đây. Có lẽ chúng tôi chỉ "thoải mái" hơn chút đỉnh so với những người thuộc thành phần Quân, Cán, Chính đang "nằm áp" lao động khổ sai trong các trại tù từ Nam ra Bắc mà thôi. Vợ

chồng tôi chịu đựng cho đến năm 1980 thì tôi quyết định toàn bộ gia đình tôi phải vượt biên. Nhưng Trời chẳng chiều người, chúng tôi không may, chuyến đi hôm ấy thất bại. Tất cả 56 người trên chiếc ghe đều bị bắt. Vợ con tôi vì là đàn bà và con nhỏ nên chỉ một tuần sau là được thả, còn tôi thì vào trại cải tạo hết 2 năm mới về. Ít ra, tôi cũng đã nếm mùi tù Cộng Sản, hơn 700 ngày lao động khổ sai, làm bạn với nắng mưa, sương gió như bao nhiêu bạn tù khác và đã trải qua những cơn đói thất ruột mà tôi tin rằng chỉ có những ai đã qua cảnh đói khổ ấy rồi mới thấy thông cảm một cách sâu sắc những câu chuyện kể của các cây bút H.O.

Khi được thả ra về nhà, tôi bàn với vợ tôi là trước sau gì cũng phải vượt biên tiếp tục chứ không thể nào sống mãi dưới chế độ Cộng Sản được. Nơi chúng tôi ở là vùng biển nên chuyện vượt biên không khó khăn lắm, có điều là gặp may hay không mà thôi. Lần này, tôi cho vợ con tôi đi trước. Phải nói rằng tôi đã phải suy nghĩ và tranh đấu với chính mình ghê gớm lắm mới có thể đi đến quyết định ấy. (Một quyết định mà sau này tôi thấy là sai lầm và vô cùng tai hại).

Mùa hè năm 1984, vợ và 4 con tôi đi trốn lọt, đến đảo Bi Đông. Một thời gian sau được Mỹ nhận cho định cư, chuyển qua Phi ở thêm 6 tháng nữa rồi vào đất liền. Nhờ có cô em út của vợ tôi sang Mỹ từ 30-4-75 đang ngụ tại Des Moines, Iowa nên vợ và các con tôi về cư ngụ tại thành phố miền Trung Mỹ này. Chưa bao giờ tôi thấy vui và sung sướng khi được tin vợ con tôi đã đặt chân trên đất Mỹ. Tôi hình dung ra tương lai của các con tôi và tưởng tượng đến ngày tôi gặp lại vợ và các con tôi. Suốt mấy năm trời, kể từ ngày vợ con tôi ra đi, tôi không thiết tha làm bất cứ điều gì. Suốt ngày cứ lo đi tìm "mồi" để tiếp tục lên đường ra đi. Cái trở ngại lớn lao của tôi lúc này là tôi không còn "cây" để đóng cho chủ tàu như giá quy định mỗi người là 3 cây. Của cải còn lại trong nhà được bao nhiêu thì vợ vét cho vợ con tôi đi hết rồi. Tôi đành phải viết thư cầu cứu anh tôi. Tôi có thêm một điều thuận lợi là anh tôi di tản qua Mỹ từ ngày 28-4-75, cũng đang cư ngụ tại thành phố Des Moines. Theo lời anh kể trong những bức thư anh viết về cho tôi trước đây, tôi hiểu rằng anh đã có một cuộc sống vững chãi và rất rủng rì rủng rinh. Anh sẵn lòng giúp tôi và lần lượt gửi về cho tôi 3 ngàn đô để tôi tìm cách vượt biên.

Rất nhiều lần, tôi tìm cách vượt biên ở vùng biển miền Trung nhưng không sao đi thoát được. May mắn là lần nào "bể" tôi cũng chạy thoát chứ không thì lại "nằm áp" nữa. Mãi đến năm 1987, tôi đổi địa điểm, vào Nam, xuống tận Trà Vinh, chuyến đi của tôi mới thành công. Sau 3 ngày đêm lênh đênh trên biển, chiếc tàu tôi đi cùng với 25 người khác cập giàn khoan dầu ở vùng biển Mã Lai. Chúng tôi lại được đưa vào trại tỵ nạn ở đảo Bi Đông. Thế là giấc mơ đoàn tụ với vợ con tôi chỉ còn là vấn đề thời gian. Những ngày ở đảo, tâm hồn tôi thư thả lắm, mặc dù niềm thương nỗi nhớ về vợ con lúc nào cũng tràn ngập trong đầu óc tôi. Tôi mong thời gian trôi nhanh. Tôi hình dung ra ngày tôi bước xuống phi trường, vợ con tôi ra đón tôi. Còn có niềm hạnh phúc nào lớn lao hơn khi gặp lại vợ con sau những năm tháng dài xa nhau. Cho đến lúc này, hai vợ chồng tôi đã xa nhau được gần 4 năm.

Trong phần khai lý lịch lúc ở đảo, tôi có ghi rõ là tôi có vợ và 4 con đang sống ở Mỹ. Viên chức thuộc Cao Ủy Tỵ Nạn cho tôi biết tôi cần phải có giấy bảo lãnh của vợ tôi mới được. Tôi viết thư cho vợ tôi báo lo xúc tiến giấy tờ bảo lãnh. Điều khiến tôi lấy làm lạ trong một vài cái thư nàng viết cho tôi, nàng chỉ đề cập sơ qua việc con cái học hành, tuyệt nhiên không thấy nàng nhắc nhở gì đến cái tờ giấy tôi cần phải có : Giấy bảo lãnh cho chồng sang đoàn tụ. Lần nào viết thư cho nàng tôi cũng nhắc đến việc khẩn cấp là cái giấy bảo lãnh đó. Ngày tháng trôi qua, tôi cứ chờ đợi mãi nhưng vẫn không thấy nàng gửi cho tôi. Thư nàng cũng không viết cho tôi nữa, chỉ có đứa con gái lớn viết cho tôi thôi. Tôi lơ mơ hiểu được rằng có điều gì không ổn rồi. Tôi không tin rằng nàng "phản bội" tôi. Tôi nhớ rất rõ đêm cuối cùng, trước khi nàng và 4 con tôi chuẩn bị "lên đường", tối hôm ấy vợ chồng tâm sự với nhau, nàng có "thề" với tôi rằng nếu nàng "ra đi" được mà có ý thay dạ đổi lòng thì nàng sẽ chết trên biển Đông. Tôi tin lời nàng vì dấu sao nàng cũng là một người phụ nữ có học, trí thức và trên hết là cái tình yêu mà hai

chúng tôi đã dành cho nhau từ những ngày còn học chung trong trường Sư Phạm. Tôi vẫn ở đảo để chờ tờ giấy "quyết định" ấy nhưng chờ mãi, chờ mãi mà không thấy nàng gửi cho tôi theo yêu cầu. Tôi đã sống ở đảo một năm rưỡi rồi. Tôi biết là có chuyện "không bình thường" xảy ra trong gia đình tôi, có thể là do đời sống quá căng thẳng hay vì những nguyên nhân nào khác chứ không phải vì...nàng muốn quên tôi, coi tôi như không có mặt trên cõi đời ô trọc này. Cho đến một hôm, tôi nhận được thư của đứa con gái lớn của tôi. Cháu kể chuyện học hành của cháu và mấy đứa em, thăm hỏi và chúc sức khỏe tôi. Cuối thư, cháu viết một câu mà khi đọc tôi không tin vào đôi mắt tôi, cứ sợ mình đọc lầm : "...Ba ạ, con đã lớn và đã hiểu. Chúng con lúc nào cũng thương nhớ và kính trọng ba, và chính vì thương ba nên con phải thừa với ba điều sẽ làm ba đau đớn lắm. Con muốn thừa với ba rằng, ba nên tìm một người đàn bà khác để thay thế mẹ con trong cuộc sống sau này của ba. Con nghĩ rằng khi con "bày tỏ" với ba như thế, ba đã hiểu..."

Cái sự thật mà tôi sợ phải đương đầu, phải chịu đựng từ mấy tháng qua đã rõ ràng qua những dòng thư của con tôi. Tôi tin lời con tôi nói. Thế là hết, cả một bầu trời sụp đổ dưới chân tôi. Trí óc tôi rối mù, tôi không biết tôi sẽ hành động ra sao trong tình hình này. Tôi vẫn yêu vợ tôi như từ ngày nào mới quen nhau. Tôi nhớ nàng đến điên khùng. Tôi tự hỏi cái gì ở xứ Mỹ đã làm đổi thay một người phụ nữ mà trước đây dưới cái nhìn của tôi, có thể nói là "toàn bích" như nàng ? Điều trước mắt tôi đang chờ là cái giấy bảo lãnh của nàng để được vào Mỹ, coi như vô vọng. Tôi đành phải viết thư kể rõ sự tình cho anh tôi biết kèm theo cái thư của con tôi và đề nghị anh tôi lo giấy tờ bảo lãnh cho tôi. Kể từ đó, phải mất hơn 6 tháng nữa, tôi mới hội đủ thủ tục nhập Mỹ. Tôi nóng lòng gặp vợ con tôi và nhất là mong được biết cái sự thật phũ phàng kia bắt nguồn từ đâu. Chỉ có anh tôi và các con tôi đón tôi ở phi trường, không thấy có vợ tôi ra đón tôi, nghe con tôi bảo nàng viện cớ là "khó ở" trong người. Các con tôi rất vui mừng khi gặp lại tôi. Chúng kể cho tôi nghe chuyện học hành của chúng, tuyệt nhiên không đưa nào đề cập đến mẹ chúng cả. Vậy là giây phút đầu tiên của tôi trên xứ Mỹ đã không có sự hiện diện của người đàn bà mà tôi yêu tha thiết chờ đón tôi. Tôi nhớ lại khoảng thời gian lúc mới bước chân lên đảo Bi Đông, tôi đã hình dung và mong ước đến ngày tôi vào Mỹ, khi bước xuống phi cơ sẽ được nàng cùng các con tôi đón tôi tận cửa...Điều gì đã khiến nàng vắng mặt trong giây phút xum họp đầu tiên trên xứ lạ quê người này ? Tôi đã làm điều gì để được nàng đối xử tệ đến thế ?

Trên nguyên tắc tôi phải về ngụ tại nhà người đã bảo lãnh tôi tức là anh tôi nhưng tôi nói với anh tôi là tôi phải về với các con tôi. Hơn nữa, tôi cần phải gặp vợ tôi để biết rõ sự tình. Dù sao, cho đến giờ phút đó tôi vẫn là chồng chính thức của nàng và là cha của mấy đứa nhỏ. Nói gì thì nói, tôi vẫn nghĩ rằng thời gian đầu tiên trên xứ sở này tôi không thể sống xa các con tôi được. Còn "vấn đề" kia thì chuyện đâu còn có đó, sẽ tính sau.

Trên đường từ phi trường về nơi vợ và các con tôi cư ngụ, tự dưng tôi thấy mình bình tĩnh lạ lùng. Tôi không biết khi gặp lại vợ tôi sau 6 năm trời xa cách, và trong hoàn cảnh đặc biệt này, tôi sẽ nói câu đầu tiên với vợ tôi như thế nào đây. Rồi giây phút gặp nhau cũng phải đến, trong tôi lẫn lộn những tình cảm thật khó diễn tả. Tôi và các con tôi mang hành lý vào nhà. Chỗ ở của nàng và các con tôi là một căn apartment 3 phòng trong một chung cư ở phía Bắc thành phố.

Có lẽ tôi không đủ can đảm ghi lại những ngôn từ mà hai vợ chồng tôi đối đáp nhau trong giây phút đầu tiên khi tôi gặp lại nàng trên đất Mỹ. Có điều, nhận xét của tôi là sau 6 năm, nàng đã hoàn toàn trở thành một con người khác từ thể xác đến tâm hồn. Về thể xác, phải nói rằng nàng trông trẻ hơn xưa, đẹp hẳn ra, đẹp hơn xưa nhiều lắm. Nhan sắc của nàng dù đã có 4 mặt con nhưng có lẽ nhờ thực phẩm Mỹ và khí hậu thích hợp nên đã đạt đến cái độ chín mùi nhất của một người đàn bà. Còn tư tưởng của nàng qua cách ăn nói cùng những suy nghĩ, quan niệm sống v.v... đã khiến tôi ngạc nhiên hoàn toàn vì nàng không còn là con người của ngày xưa nữa. Buổi tối tôi đến, nàng lặng lẽ vào phòng trong ngủ với bà cụ. (Tôi quên nói thêm

là cùng ở với vợ con tôi còn có bà già vợ tôi nữa. Bà cụ được cô em út sang Mỹ từ 75 bảo lãnh đoàn tụ năm đầu 84, vợ con tôi sang bà bèn về ở chung). Tôi nằm ngủ ở bộ xa lông phòng khách. Hôm sau, anh tôi đến đưa tôi đi làm các thủ giấy tờ cần thiết ở sở xã hội. Anh tôi rất tế nhị nên chẳng hỏi han tôi điều gì. Nàng thức dậy, lặng lẽ đi làm, các con tôi thì đi học. Nhà còn mỗi mình tôi và bà cụ. Tôi không còn thấy hứng thú gì để nói chuyện với người mà ngày xưa tôi đến để xin con gái của bà về làm vợ.

Trong gần một tháng ở căn nhà này với vợ và các con tôi, tôi như một kẻ sống bên lề. Các con tôi vẫn gần gũi tôi nhưng nàng thì tuyệt nhiên lạnh lùng. Tôi để ý thấy ít nhất 3 buổi tối trong một tuần, một người đàn ông trạc ngũ tuần đến đưa nàng đi, đến khuya mới về, nói là đi họp hành gì đó. Điều làm tôi đau đớn nhất là khi đưa nàng và các con đi vượt biên trước, bây giờ nàng lấy cớ đổ trách cứ rằng tôi đã "đẩy" mấy mẹ con nàng ra đi. Nàng đã quên những dự định, tính toán chuyện ra đi trong gia đình tôi sau ngày tôi ra khỏi tù. Nàng không cần biết tôi đã hy sinh, lo lắng cho nàng và các con như thế nào. Tôi nghe kể lại, người đàn ông đang theo đuổi vợ tôi ấy thường xuyên săn đón vợ tôi, hay mua quà cáp đến nhà tặng nàng. Có lần thằng con trai út của tôi phản đối mẹ nó bằng cách đá bàn, đá ghế hất tung các món quà cáp mà người đàn ông kia tặng mẹ nó. Nàng bèn đem gửi thằng con trai của tôi cho Bác nó (tức là ông anh tôi) giáo dục lấy cớ rằng nó bất trị. Anh tôi vốn rất nghiêm khắc, không biết ắt giáp gì nghe nói thế bèn bắt thằng nhỏ đứng quay mặt vào tường suốt từ sáng đến chiều.

Đã đến lúc tôi chịu đựng hết nổi nên đành rời căn nhà, nơi cư ngụ của vợ và các con tôi để về tá túc tại nhà anh tôi. Anh tôi kể cho tôi nghe thời gian tôi còn ở đảo, nàng đi cùng với người đàn ông nọ đến một văn phòng luật sư, là chỗ rất thân tình với anh tôi, tiến hành thủ tục ly dị tôi. Vì luật sư nọ không hề biết rằng anh tôi chính là anh chồng của nàng. Vì ở trong cùng một thành phố nên anh tôi đôi khi, rất tình cờ, biết nhiều chuyện về cô em dâu nhưng anh tôi không nói cho tôi biết, anh vẫn hy vọng sau khi tôi gặp lại nàng, chúng tôi có thể "hàn gắn" được. Bây giờ thì hết phương cứu chữa, anh tôi mới kể cho tôi nghe thêm nhiều chuyện đau lòng khác nữa. Anh an ủi tôi và bảo tôi hãy quên hết chuyện cũ đi và làm lại cuộc đời. Đúng, tôi sẽ làm lại cuộc đời tôi trên xứ sở xa lạ, vô tình này nhưng tôi biết chắc cái sự "làm lại" đó cũng chỉ là tạm bợ. Có để mà có, để mà nương tựa nhau cho có bạn trong lúc tuổi già bóng xế mà thôi. Tôi bắt đầu tìm việc làm và thuê một căn phòng nhỏ để ở, sống trong trạng thái của một con bò nằm nhai lại mớ cỏ. Về phần nàng, tôi thấy nàng không chính thức sống với người đàn ông kia, có lẽ vì những lý do tế nhị thầm kín nào đó. Các con tôi vẫn ở chung với mẹ chúng và thường xuyên chạy qua chạy lại với tôi.

Tuy sống trong cùng một thành phố nhưng cả tôi lẫn nàng đều cố tránh gặp mặt nhau. Tôi chưa biết trong tương lai tôi sẽ định cư vĩnh viễn ở nơi nào nhưng điều chắc chắn là tôi sẽ rời bỏ thành phố này khi có dịp thuận tiện, nhất là khi các con tôi đã ăn học đâu đó xong xuôi. Tôi nhớ lại lời bà chị tôi, từ ngày xưa đã nói với tôi về cách xử sự của người đàn bà trong quan hệ tình yêu, đại ý như thế này : "Đàn bà khi họ còn yêu thương thì tất cả đều tốt đẹp chứ khi họ đã hết thương yêu rồi thì họ rất tàn nhẫn và độc ác. Cái độc ác của họ còn độc hơn cả rắn độc nữa đấy". Tôi ghi lại lời nói của bà chị tôi trên đây để các cụ nào đã từng trải qua cảnh ngộ như tôi trên đất Mỹ này suy gẫm xem có nên đồng ý với nhận xét đó không ?

Chị sui, anh sui...

1. Chị sui

Bà Liên vừa bước qua tuổi 50. Với con số năm mươi mùa Thu lá rụng đi qua trong đời của một người đàn bà như thế, không thể nói bà Liên đã quá già hay còn quá trẻ. Và nói theo ngôn ngữ của lớp bình dân khi nhận xét, đánh giá nhan sắc một phụ nữ thì rõ ràng bà Liên “Còn Nấu Phở Được”. Có thể nhiều người không hiểu nhóm chữ “Còn Nấu Phở Được” mang nghĩa gì? Tôi xin trả lời mau rằng “Còn Nấu Phở Được” tức là “Còn Ngọt Nước”. Tức khắc, chúng ta hình dung ra một tô phở (có nước béo) thật ngon, thật hấp dẫn. Bà Liên cũng hấp dẫn như vậy. Trong trường hợp bà Liên, cách so sánh như trên tuy “dung tục” nhưng không sai một ly ông cụ nào.

Bà Liên cùng chồng và con gái sang Mỹ theo diện H.O năm 1994. Chồng bà, một cựu Trung Úy Biệt Động Quân đã từng đi tù Cộng Sản hơn 5 năm. Đến Mỹ, hai vợ chồng xắn tay áo làm việc quen ăn, quen ngủ nuôi cô con gái ăn học. Cô bé sau khi xong trung học, tiếp tục lên Đại Học và tốt nghiệp Dược Sĩ, hiện làm việc cho một Pharmacy trong thành phố. Con gái bà cũng đã lập gia đình với một thanh niên Việt Nam cùng nghề. Ba năm trước, chồng bà Liên qua đời vì bệnh ung thư ruột già. Từ ngày chồng bà theo lời Chúa gọi, bỏ bà đi lên Thiên Đường, cách sống của bà thay đổi hẳn. Do đó, thay vì ở chung với con gái, bà Liên lại yêu cầu được ở riêng một mình. Con gái bà đành phải thuê cho bà một căn apartment gần đó để bà được tự do. Bà muốn sống một mình (như cách sống của một số phụ nữ Mỹ mà bà biết) để có được cái “riêng tư” đích thực chứ bà chưa hề nghĩ đến ngày nào đó bà sẽ “ngủ chung giường” với một người đàn ông nào. Con gái bà là một đứa con có hiếu cho nên nó bảo mẹ nó cứ an hưởng “tuổi già”, mọi chi tiêu của bà nó chi trả hết. Nó thực hiện cho bà một cái thẻ tín dụng, bà muốn chi tiêu mua sắm gì thì cứ xài. Thời còn con gái, bà đã từng là sinh viên Văn Khoa. Bà thích làm thơ hơn là viết văn. Đối với bà, thơ dễ diễn đạt những rung động, xúc cảm hơn. Qua báo chí, bà theo dõi rất sát những hoạt động văn nghệ của các nhà thơ ở hải ngoại. Theo nhận xét của bà, hầu như ở hải ngoại, trong thời gian sau này, không có nhà thơ nào có những “ngôn ngữ” thơ đặc biệt như các nhà thơ Bùi Giáng hay Nguyễn Đức Sơn (Sao Trên Rừng). Đó là những thi sĩ bà thật sự ngưỡng mộ. Không chỉ ngưỡng mộ về thi tài của họ thôi mà còn ngưỡng mộ về cách sống của các vị này nữa. Còn các nhà thơ “nội địa” thì bà “thích” nhà thơ nữ PTTN nhất. Ngày còn ở quê nhà, bà thường hay đọc tờ Văn Nghệ và những bài thơ của nhà thơ nói trên, bà đều thuộc lòng. Hễ có dịp nói chuyện văn nghệ văn gừng với bạn bè, bà thường lập đi lập lại rằng, diễn tả được cái “nữ tính” đôn hậu mà dịu dàng của người đàn bà trên trái đất này (nhất là đàn bà Việt Nam), có lẽ không ai qua được PTTN với những vần thơ như sau:

Nếu anh đi với người yêu
Chỉ xin anh nhớ một điều nhỏ thôi
Còn đường ta đã dạo chơi
Anh đừng đi với một người khác em
Hai hàng cây đã lớn lên
Vươn cành lá để êm đềm chạm nhau
Hai ta ai biết vì đâu
Hai con đường rẽ xa nhau, xa hoài
Nếu cùng người mới dạo chơi
Xin anh tránh nẻo đường vui ban đầu
Hay như chỉ hai câu trong bài thơ có tên là “Buồn”:
Người tôi yêu, đã đi xa
Người yêu tôi, lại ở nhà, chán không?

Thỉnh thoảng, bà cũng có gửi đến vài tạp chí văn nghệ những bài thơ bà sáng tác nhưng cho đến giờ, bà chưa thấy tờ báo nào “chạy nhật trình” các công trình tim óc của bà. Cứ vài ba năm, bà lại về Việt Nam một lần. Có lúc, bà rủ con gái và rể đi cùng. Nửa tháng hay dăm ba tuần sống ở quê nhà, theo bà, đó là hình thức tìm sống lại một quá khứ đã mất...

Trên đây là “lý lịch trích ngang” của bà Liên, tức là chị Sui.

2. Anh sui

Tuổi của ông Bách hơn bà Liên đúng một con giáp, nghĩa là ông được 6 bó lẻ hai que. Ông bảo rằng người Việt Nam mình khi đã qua được cái ngưỡng cửa 6 bó là đã “thọ” lắm rồi. Còn hít thở được không khí thêm được năm nào, coi như trời cho “bonus” vậy. Trước 75, ông Bách là một giáo sư dạy Việt Văn ở một trường Trung Học tại Biên Hòa. Ông cũng bị động viên vào Thủ Đức nhưng sau đó thì được biệt phái về Bộ Giáo Dục để tiếp tục cầm phấn đứng trước bảng đen. Ông Bách có một con trai và hai con gái. Sau ngày mất nước, ông được chính quyền Cộng Sản lưu dụng, cho ông tiếp tục dạy được một năm thì tìm cớ, nói ông có làm việc cho CIA, bắt ông phải đi cải tạo. Ông ăn bo bo, khoai, sắn, bắp và lao động khổ sai hơn ba năm mới được thả về. Trong thời gian ông đi cải tạo, các cán bộ Việt Cộng đến nhà thuyết phục vợ ông nên đi kinh tế mới thì chồng sẽ được chóng thả về để cùng nhau lao động sản xuất. Chúng nói nhà nước sẽ cấp cho gia đình một căn nhà, coi như một đổi một. Ở kinh tế mới, vợ ông lại có thêm đất đai vườn tược nữa. Thế là vợ ông tin lời Việt Cộng, giao nhà cho chúng, dẫn ba con đi “lập nghiệp” ở kinh tế mới.

Đến nơi, mới bỏ ngựa ra là bị chúng lừa. Căn nhà được cấp ấy chỉ là một cái chòi lá mới dựng sườn xong, bốn bên chưa có vách ván gì hết. Các con còn nhỏ, vợ ông thì chân yếu tay mềm, cầm cái cuốc không nổi làm sao mà cuốc đất trồng khoai trồng bắp đây? Đành phải sống vất vưởng qua ngày, trong 5 tháng ăn hết số lương thực mà Việt Cộng đã cấp rồi vợ ông bỏ vùng kinh tế mới, về lại Biên Hòa buôn đầu chợ, bán cuối chợ, nuôi ba con và sống tá túc với mẹ chồng. Ba năm sau, vợ ông bạo bệnh qua đời vừa kịp lúc ông Bách được thả về, đau đớn nhìn mặt người bạn đời lần cuối.

Ông Bách vốn có óc khôi hài. Ông nhìn những sinh hoạt xã hội với con mắt của một người vẽ hí họa và xử sự mọi chuyện trong tư thế của một người “đội mũ lệch”. Bất cứ vấn đề nào ông cũng đều thấy có cái khôi hài trong đó. Và theo ông, cách quản lý xã hội của những người Cộng Sản rất kỳ cục, quái đản, bịp bợm, tàn ác và khôi hài nhất kể từ khi loài người có mặt trên trái đất này. Mọi người ai cũng phải biết “sợ” và đặc biệt là phải đối trá. Ông nhiều lần tự hỏi tại sao một chế độ hủy diệt toàn bộ nhân cách con người như thế lại có thể đứng vững trong hàng bao nhiêu năm trời? Hỏi để mà hỏi chứ ông chịu thua, không thể tìm ra được câu trả lời thỏa đáng. Vả lại, ông có phải là nhà tư tưởng, là triết gia triết dụng gì đâu để mà tìm hiểu những vấn đề to lớn ấy. Trước mắt, ông phải lo cuộc sống hàng ngày và dạy dỗ các con ông phải sống làm sao cho ra những con người tử tế và nhất là phải biết căm thù Cộng Sản. Nhưng cuộc sống lúc ông được trở về từ trại cải tạo là thời “bao cấp” và “ngăn sông cấm chợ” nên ông phải quần quật đầu tắt mặt tối mới cung ứng đủ gạo cho bốn cái bao tử của mấy cha con ông. Ông làm đủ chuyện, đập xích lô, đẩy xe ba gác chở hàng ra chợ cho các vợ bán rau cải, phụ thợ nề trong các tổ xây dựng. Trong những ngành nghề ông đã từng trải qua sau ngày “mất dạy”, có một nghề mà cho đến bây giờ nhớ lại ông vẫn thấy tức cười và thường kể cho bạn bè nghe với một chút “hãnh diện”: Làm “công nhân thông mạch” cho một tổ hợp đào giếng.

Ông nói với đám bạn của ông, nửa đùa nửa thật:

- Các cụ đừng tưởng hễ cứ đào sâu xuống dưới đất là có nước đâu. Cái khó là nhìn thế đất để biết mạch nước nằm ở chỗ nào, theo đó mà thông mạch để đánh dấu rồi cho khoan lỗ. Nhưng mà tôi nói cho các cụ biết, từ ngày mẹ các cháu quy tiên, tôi chỉ biết “thông mạch” đào giếng thôi chứ còn “thông” các “mạch” khác thì, nói thật các cụ đừng cười tôi nhé, “Long time no see” các cụ ạ.

Cũng nhờ đi tù cải tạo trên ba năm nên ông và các con được sang Mỹ theo chương trình H.O. Thoát được Cộng Sản để sang Mỹ ty nạn, ông cho là ông đã đạt được một ước mơ vĩ đại nhất trong đời ông. Ông nói với các con ông, xứ sở này là xứ sở của cơ hội, của bằng cấp. Bằng cấp càng cao thì công việc càng nhàn hạ và tiền cũng càng nhiều. Vì thế ông khuyên các con ông phải cố gắng học hành. Thằng con trai lớn của ông khi sang Mỹ, nó đã quá 18 tuổi nên phải theo học ở một trường cộng đồng, sau vài năm chuyển tiếp sang một trường College học Dược. Tốt nghiệp Dược sĩ rồi kết hôn với cô bạn gái cùng lớp (con gái của bà Liên). Hai cô con gái của ông cũng tốt nghiệp đại học và có việc làm ổn định.

Nếu ở quê nhà ông Bách đã từng là chuyên viên thông mạch đào giếng thì khi sang Mỹ ông làm việc trong một bệnh viện với nhiệm vụ của một chuyên viên đo tim mạch (ông có theo học một khóa EKG hết 6 tháng tại một trường chuyên dạy nghề). Khi các con ông đã có công ăn việc làm vững chắc, đời sống “rủng rịa rùng rĩnh” hơn, đến tuổi 62, ông quyết định về hưu non. Ông kể lại cho bạn bè nghe chuyện về hưu của ông rất tiêu lâm như sau:

“Các cụ biết không, tui lên gặp thằng supervisor của tui, tui nói tui đã già yếu, mắt mờ tai lảng, không thể làm việc có năng suất được nữa, xin về hưu non. Nó lắc đầu, bảo tui còn khỏe mạnh, nên tiếp tục làm việc, không chịu ký giấy cho tui nghỉ hưu. Năm nỉ mãi, nó mới bảo tui cời quần cho nó xem. Tui đành phải tuột quần... Nó vừa thoáng thấy...là nói ngay: Ủ, như thế là về hưu được. Thế là tui nghỉ hưu, tà tà rong chơi. Ba đứa con tui thay phiên nhau chi trả tiền mua bảo hiểm sức khỏe cho tui. Khỏe vô cùng!

Vừa rồi là “lý lịch cô đọng” của ông Bách, tức là anh Sui.

3. Ngôn ngữ của thơ

Bà Liên vừa trở lại Mỹ sau chuyến về thăm quê nhà. Bà bảo thằng rể của bà mang biếu cho anh Sui của bà hai gói trà Thái Nguyên và một ít đặc sản quê hương và dặn nói với bố khi nào thuận tiện thì mời bố sang chơi.

Một buổi chiều ngày nọ, ông Bách gọi phone cho bà Liên hỏi có thể sang thăm được không. Bà Liên nói rất welcome, tiện thể mời ông dùng cơm chiều và hứa sẽ kể chuyện ở quê nhà giờ đã “đổi mới” ra sao. Ông Bách không quen lái xe về đêm nên ông gọi taxi đến chung cư bà Liên đang cư ngụ. Khi ông đến nơi thì thành phố đã lên đèn. Mây kéo về đen ngịt cả bầu trời, gió thổi mạnh như báo hiệu có giông bão.

Cũng như mỗi lần tiếp xúc kể từ khi là “sui gia” với nhau, bà Liên luôn luôn tiếp ông Bách với thái độ niềm nở và tự nhiên. Trong khi dùng cơm, bà Liên kể cho ông Bách nghe về chuyến đi du lịch của bà ra vịnh Hạ Long và một số thắng cảnh nổi tiếng ở ngoài Bắc. Bên ngoài, trời bắt đầu mưa lớn và gió hú trên những hàng cây bên đường.

Thấy tình hình thời tiết lúc bấy giờ không cho phép ông Bách có thể rời chỗ ông đang ngồi, bà Liên vừa cười vừa nói với ông Bách:

- Anh Bách à, chắc anh còn nhớ câu thơ “vũ vô kiềm tỏa năng lưu khách” chứ ?

Ông Bách cười nửa miệng:

- Chị cũng nhớ thơ “Đường” quá hỉ?

- Ø, mấy câu thơ loại đó học sinh trung học ai mà chẳng biết.

Rồi bà nhìn đồng hồ, nói tiếp:

- Tình trạng mưa bão hiện tại, nếu anh không về nhà được thì anh có thể tạm qua đêm ở phòng khách này, miễn là anh không chê sự thiếu tiện nghi.

- Chị yên tâm, tôi có thể thích ứng với mọi hoàn cảnh mà.

Bà Liên nói xong bước lên cầu thang về căn phòng của bà. Còn ông Bách thì ngồi xem TV. Một lúc sau, ông Bách không xem TV nữa mà lấy một cuốn sách trên kệ xuống đọc.

Đến khoảng gần 11 giờ đêm, bà Liên từ trên lầu bước xuống phòng khách, ngồi đối diện với ông Bách. Bà Liên nói:

- Anh Bách à, chẳng nói đâu gì anh, tôi rất thích thơ văn. Trong thời gian qua, tôi cũng tập tễnh làm thơ. Anh cũng biết đấy, thơ có cái ngôn ngữ riêng của nó. Vì thế, có những từ ngữ mà tôi không biết cách dùng sao cho đúng. Biết anh đã từng là giáo sư dạy Việt văn nên muốn nhờ anh “cố vấn” cho vài điều.

Ông Bách gật gù:

- Xin chị cứ tự nhiên hỏi, tôi sẽ cố gắng trong khả năng.

Bà Liên bắt đầu:

- Tôi đang làm một bài thơ kể lại chuyến trở về Mỹ của tôi vừa qua. Có một vài từ ngữ tôi cần nhờ anh giúp để sử dụng cho chính xác. Lúc từ Việt Nam qua Mỹ, phi cơ ghé Đức rồi mới bay sang New York. Nếu tôi dùng chữ “ghé Đức” thì câu thơ quê mùa quá, vậy nên dùng chữ nào cho đúng?

Ông Bách nói liền:

- Chị nên dùng chữ phi cơ “quá cảnh” ở Đức thay vì nói ghé Đức, có lẽ hay hơn.

Bà Liên lại hỏi tiếp:

- Khi đến New York, tôi “đi nhờ xe” của con gái một người bạn đi cùng chuyến bay để về nhà.

Trong thơ mà dùng nhóm chữ “đi nhờ xe”, tôi thấy không ổn tí nào, vậy theo anh thì ta nên dùng nhóm chữ nào cho thích hợp?

Ông Bách trả lời không suy nghĩ:

- Thay vì chữ “đi nhờ xe”, chị nên viết “quá giang” là đúng hơn cả.

Bà Liên buột miệng khen ông Bách:

- Anh đúng là một giáo sư dạy Việt Văn, rất nhuần nhuyễn trong việc sử dụng tiếng Việt.

- Chị quá khen!

- À, mà này anh Bách, giả sử tôi từ trên lầu xuống đây nói chuyện với anh như thế này, tôi có thể dùng chữ “quá bộ” được không?

Nghe bà Liên nói thế, ông Bách nhìn thẳng vào mắt bà Liên, hóm hình trả lời:

- Theo tôi, không thể dùng chữ “quá bộ” được, chữ dùng đúng nghĩa nhất trong trường hợp này là “Quá...Đã”!

Hai vợ, khổ lắm. trời ạ !

(Viết theo lời kể của anh Nguyễn Văn V.)

Khi kể lại chuyện này tôi vẫn tin rằng tại Tiểu Bang tôi đang ở, ít nhất cũng có dăm bảy người rơi vào hoàn cảnh giống như tôi. Nói là giống thì chỉ giống một cách chung chung, đại thể chứ không thể nào giống y hệt được. Cái sự giống chung chung hay giống đại thể đó như sau :

Sau ngày mất nước, cánh đàn ông tìm đủ mọi cách trốn thoát Cộng Sản, đành để gia đình vợ con ở lại quê nhà. Sống trên xứ người một thân một mình cũng lạnh lẽo cô đơn nên đa phần đều...có vợ có con. Ngày tháng trôi qua, nói gì thì nói, vợ cái con cọt, cuối cùng thì cũng phải bảo lãnh vợ con ở quê nhà sang đoàn tụ, như thế mới là phải đạo làm chồng, làm cha. Mọi chuyện tiến hành như dự định, nghĩa là hiện giờ có một người đàn ông Việt Nam đang phải...đương đầu với hai bà vợ. Và tôi là một người đàn ông Việt nam như thế trên xứ Mỹ này.

Bây giờ tôi xin kể trường hợp của tôi để quý vị nào cùng hoàn cảnh đọc coi xem có trải qua những giờ phút “kêu trời không thấu” như tôi hiện tại không ? Trước đây mỗi lần đi dự tiệc tùng hay ở những lần gặp gỡ bạn bè, tôi thường nói đùa rằng “đời cô Lựu đã khổ rồi mà tôi còn khổ hơn đời cô Lựu nữa”.(Đời Cô Lựu là tên một vở tuồng cải lương kể lại chuyện tình ngang trái, éo le đầy nước mắt của một nàng “thôn nữ Phà Ca”, đã khiến không ít khán giả khóc ướt đầm khăn mù soa). Có người không biết sự tích tuồng hát “Đời Cô Lựu” nên hỏi tôi “Cô Lựu nào vậy?”. Tôi cười lớn và trả lời :”Cô Lựu Đạn ấy mà”. Thật khổ cho tôi, có lẽ cũng vì câu nói đùa “khổ hơn đời cô Lựu” ấy nên nó đã “vận” vào đời tôi khiến cho tôi bây giờ thật sự khổ hơn đời cô Lựu.

Trước 75, tôi là một hạ sĩ quan phục vụ ở Sư Đoàn 7 BB. Ngày ấy tôi còn độc thân vui tính, chưa có một ý niệm về gia đình và trách nhiệm của một người cha ra sao. Rồi Việt Cộng cưỡng chiếm được miền Nam, tôi không phải đi “cải tạo mứt mùa” như phần lớn sĩ quan trong đơn vị. Quê tôi ở Trà Vinh, nơi có nhiều người Miền sinh sống, hàng ngày tiếp xúc với họ, lại chịu khó học tiếng Miền nên tôi nói tiếng Miền rất giỏi. Từ năm 1975 đến năm 1978, tôi ở quê nhà làm vườn sống qua ngày. Đầu năm 78, mẹ tôi thấy tôi đã lớn rồi mà còn “lông bông” quá nên bảo tôi cưới vợ. Tôi nghe lời bà cưới một cô gái ở cùng làng. Lúc ấy, tôi không hề có ý định từ bỏ đất nước ra đi vì tôi rất thương mẹ tôi, tôi không đủ can đảm bỏ bà ở một mình. Phải nói là hai vợ chồng tôi sống một cuộc sống tuy đạm bạc, rau cháo nhưng rất hạnh phúc. Cuối năm đó, vợ tôi sanh cháu gái. Lúc cháu vừa đầy tháng thì một vài người bạn tôi đến rủ rê tôi đi vượt biên. Họ vẽ ra trước mắt tôi một tương lai xán lạn, một “thiên đường” trên xứ Mỹ hơn là phải chịu cảnh sống áp bức, đói khổ ở quê nhà. Tôi suy nghĩ hết mấy đêm, tự thấy bây giờ mẹ tôi đã có cháu và cháu nội rồi không còn cô đơn nữa nên tôi bằng lòng ra đi với bạn bè. Thế là tôi bỏ lại sau lưng một mẹ già, người vợ trẻ và đứa con thơ lên đường. Nói là “lên đường” cho có vẻ văn chương cải lương chứ tôi phải trốn chui trốn nhủi như chuột mới đi thoát được. Nhờ trời thương, tôi ra đi an toàn, lênh đênh trên biển chỉ 5 ngày sau là tôi đến đảo Bidông. Ở đảo một thời gian, tôi được Mỹ nhận cho định cư. Tôi phải sang Phi ở thêm 6 tháng nữa rồi mới được

vào đất liền. Tôi chẳng có thân nhân hay bà con gì ở Mỹ cả. Tôi được đưa về thành phố Portland, tiểu bang Oregon cư ngụ. Mọi thủ tục định cư đều do cơ quan thiện nguyện USCC lo liệu cho tôi. Thành phố Portland là một thành phố ở vùng Tây Bắc nước Mỹ, nằm giữa Tiểu Bang California và Tiểu Bang Washington. Người ta gọi thành phố này là thành phố hoa hồng vì ở đây trồng nhiều hoa hồng đủ loại. Lượng mưa hàng năm rất cao, mưa gần như quanh năm và cây cối phần lớn là cây thông nên người ta còn gọi là thành phố “ngàn thông”. Thời gian tôi đến đây, người Việt tỵ nạn không có là bao nhiêu. Cũng có một số người Miên thoát khỏi bàn tay sắt máu Pol Pot được đưa đến đây cư ngụ. Như những người hưởng quy chế tỵ nạn khác, tôi được hưởng trợ cấp và đi học Anh Ngữ.

Thời gian đầu sống trên xứ Mỹ, niềm thương nỗi nhớ về mẹ già, vợ dại con thơ của tôi ở quê nhà thật mãnh liệt. Có những buổi chiều đi học Anh ngữ về, ngồi một mình trước lon bia, tôi không cầm được nước mắt. Tôi để trí tưởng tượng quay về quê hương nơi có căn nhà từ đường của gia đình tôi, khu vườn trồng cây ăn trái và con lạch nhỏ cùng chiếc cầu bắc ngang qua bên kia thửa ruộng. Hết thời gian học Anh ngữ, tôi được sở xã hội tìm việc làm. Tôi đi làm công nhân cho một hãng làm bóng đèn, tuy lương tôi thiếu nhưng cũng có benefit đầy đủ. Đời sống tôi đã tạm ổn định. Như đã nói, tôi biết nói tiếng Miên nên trong giao tiếp hàng ngày với những người Miên tỵ nạn ở đây, tôi không gặp một trở ngại nào nếu không muốn nói là họ xem tôi như người cùng chung một cộng đồng của họ. Và tôi làm quen với một người đàn bà Miên. Chồng bà đã chết dưới bàn tay Pol Pot, bà vượt biên sang ngã Thái lan với hai cậu con. Bà còn đang hưởng trợ cấp vì con còn nhỏ. Nói nào ngay, khi bà vượt biên, bà cũng có thủ theo một số vàng. Bà rất thương tôi, lo lắng cho tôi đủ chuyện nhất là những khi tôi đau ốm, bà đến săn sóc như một người vợ hiền. Có người đàn bà Miên bên cạnh, tôi không còn cảm thấy buồn và cô đơn như lúc trước. Rồi chuyện gì đến phải đến, tôi sống với người đàn bà Miên này như là vợ với chồng. Bà sanh cho tôi một đứa con. Riêng hai đứa con của bà, chúng cũng rất ngoan và biết nghe lời tôi. Bà đang hưởng trợ cấp lại có tiền của để dành nên bà bảo tôi nghỉ việc ra làm business. Tôi bèn sang một tiệm giặt ở khu đông dân cư nên phải nói là khá khá. Bà vợ Miên của tôi rất chân chỉ hạt bột, tiếng Anh tiếng U không rành, mọi chuyện lớn nhỏ trong nhà đều do một tay tôi giải quyết.

Về phần vợ con tôi ở quê nhà, tôi thường xuyên gửi tiền về cho mẹ con nó sống và lo thủ tục bảo lãnh đoàn tụ. Tôi có nói điều này cho người vợ Miên của tôi biết và bà ta không tỏ ý phản đối gì cả nếu không muốn nói là có vẻ thông cảm. Thậm chí bà còn hỏi tôi liệu đến bao giờ thì vợ và con gái tôi mới sang Mỹ được. Tôi yên tâm lắm. Năm 1992, tôi có về Việt Nam thăm nhà. Ôi, không làm sao tôi nói hết được niềm vui sau bao tháng ngày xa cách vợ con. Chắc các cụ còn nhớ, ông cha ta ngày xưa có câu :”Thứ nhất rượu đã ngà ngà. Thứ nhì chàng ở phương xa mới về.” Khi nói, các cụ cũng biết tôi đã hạnh phúc và sung sướng ra sao. Bây giờ, con gái tôi đã được 14 tuổi, cháu càng lớn càng giống tôi, lại siêng năng học hành và rất ngoan ngoãn nên tôi thương lắm, chỉ mong ngày cháu sang Mỹ đi học để có tương lai. Năm 1996, giấc mơ đoàn tụ với vợ con tôi thành hiện thực.

Tôi đi thuê một căn nhà cho hai mẹ con ở, lo lắng từ trong ra ngoài. Phải nói một cách thật lòng rằng tôi nghiêng hẳn về phía vợ con tôi mới từ Việt Nam sang. Đi đâu hay bất cứ dự buổi tiệc tùng nào của bạn bè, tôi đều dẫn mẹ con nó cùng đi và giới thiệu với bạn bè như là vợ con chính thức của tôi. Hành động này, trước kia tôi không bao giờ làm với người vợ Miên của tôi. Từ ngày vợ con tôi từ Việt Nam sang đoàn tụ, tôi chẳng mấy khi ở nhà với người vợ Miên. Và chính điều này đã dẫn đến “tai họa” cho tôi. Thật tình tôi cũng rất thương bà nhất là đứa con của tôi với bà nhưng tôi phải để dành thời gian nhiều hơn cho người... mới chứ. Vậy là người vợ Miên của tôi ghen lồng lộn lên, chẳng hiểu có ai “chỉ điểm” cho bà biết chỗ ở của hai mẹ con nó không mà bà Miên biết rất rõ. Hôm nào tôi ở nhà với bà thì không sao, còn tôi vắng mặt thì

bà đến chỗ hai mẹ con nó đập cửa chửi bới bằng một tràng tiếng Miên rồi ra về. Nếu chỉ có hành động đến thế thì không nói làm gì, đằng này bà vợ Miên của tôi đi xa hơn một bước nữa, bà đến đập nát cửa kính căn nhà tôi đang thuê cho mẹ con nó ở, cả cái xe Toyota tôi mua mới keng bà cũng lầy búa đập nát tứ tung. Rồi còn cặp mắt kiếng của tôi nữa chứ, bà cũng không tha, bà đập một cái bể tan. Tôi thật sự khổ sở và lo lắng. Tôi an ủi vợ con tôi ráng chịu đựng để tôi tìm cách xoa dịu sự ghen tức của người đàn bà Miên kia. Có hôm đưa con gái tôi chịu không nổi cảnh đó đã phải đến nhà một người bạn của cháu tá túc. Đã có lúc tôi quẩn trí vì sự cư xử “dã man” của người vợ Miên của tôi và tôi đã tính nước liều mạng cho xong chứ chịu hết nổi cảnh này. Bạn bè khuyên can, cuối cùng tôi đành phải tìm một chỗ ở khác cách xa chỗ cũ hơn một giờ lái xe ở ngoài vùng ngoại ô cho hai mẹ con nó cư ngụ. Tôi không cho ai biết (ngoại trừ những bạn bè thân thiết) biết chỗ ở của vợ con tôi. Cái đời sống của tôi bây giờ không còn như thời gian trước nữa, hết thư thả thoải mái mà lúc nào cũng canh cánh bên lòng nỗi lo. Tôi không biết phải giải quyết trường hợp này ra sao. Nếu tôi không có con với người vợ Miên thì dễ dàng thôi, đằng này tôi cũng còn một cậu quý tử đã có với bà mà tôi yêu thương không kém. Và lại, xét cho cùng thì người vợ Miên của tôi nào có tội tình gì. Họ cũng là đàn bà như trăm ngàn người đàn bà khác trên cõi đời đầy dẫy oái oăm này mà. Tôi đành phải sống y hệt như người “một cảnh hai quê” vậy. Hết chạy lên rồi chạy xuống, lo bên này rồi lo bên kia, đầu óc lúc nào cũng căng thẳng. Có lúc bà vợ Việt của tôi buồn bã ra mặt, nàng đòi tôi phải đưa mẹ con nàng sang cư ngụ tiểu bang khác cho yên thân hơn. Làm sao tôi có thể đưa nàng và con gái tôi đi đâu được khi tôi còn “cơ ngơi” và cơ sở làm ăn ở thành phố nhiều mưa gió này.

Tôi không bao giờ nghĩ rằng đời mình lại rơi trường hợp khó xử như hiện tại. Tôi mơ ước được trở ngược lại thời gian lúc mới sang Mỹ, tôi sẽ ở một mình và dứt khoát là không mơ tưởng đến đàn bà. Nhưng đã lỡ rồi, có mơ ước thì cũng chỉ là ước mơ thôi :

[Một lần cho tởn tới già](#)

[Đừng đi nước mặn mà hà ăn chân.](#)

Ca dao ta nói thế không sai trật chỗ nào được. Có điều tôi đang buồn, đang lo, đang khổ sở mà gặp mấy thằng bạn quý quái hỏi tôi có biết câu đối “vợ Cả, vợ Hai, hai vợ đều là vợ cả” không ? Tôi thật sự không biết câu đối hay ho đó nhưng câu tục ngữ sau đây thì tôi thường nghe thiên hạ nói từ hồi tôi còn bé “:Một vợ nằm giường lèo, hai vợ nằm chèo queo, ba vợ ra chuồng heo nằm”.

Hiện tại, tôi có hai vợ, chưa đến nỗi nằm chèo queo như câu tục ngữ đã truyền từ ngàn xưa ấy nhưng nỗi khổ tâm đã đè nặng lên tâm trí tôi, khiến tôi không còn ăn ngủ yên giấc nữa. Có thể nói tình cảnh đó còn khổ gấp vạn lần nằm ngủ chèo queo đấy. Phải không các cụ ?

Bỗng dưng, tôi lại nhớ đến một ông bạn vàng của tôi thường hay khoe rằng ông ta có tới những ba bà vợ. Một bà người Bắc, một bà người Trung và một bà người Nam, cả ba bà đều ở chung với nhau trong một căn nhà mà không hề có điều gì rắc rối xảy ra cả. Nghe ông ta nói tôi phục ổng sát đất. Tôi nghĩ một con người tài ba lỗi lạc như ông thì chắc là có thể giúp ý kiến cho tôi thoát ra khỏi cảnh đau đầu này được nên đến vấn kế ổng để nhờ ổng chỉ cách giải quyết sao cho êm đẹp. Đầu để gì mà tìm ra được một người chỉ có một “bugi” mà “chạy” ngon lành tới ba cái máy! Thế là vào một buổi mưa gió ngập trời, tôi lóp ngóp bò tới nhà ổng, trình bày tự sự đầu cua tai nheo cho ổng nghe. ổng nghe rất chăm chú nhưng cuối cùng thì ổng cười trừ, trả lời tôi một câu rất huề vốn như sau :”Ồ Việt Nam thì giải quyết dễ dàng chứ ở xứ Mỹ tự do này thì vô phương cậu ạ”. Đã thế, ổng còn vừa cười ruồi vừa đọc câu ca dao sau đây cho tôi nghe nữa mới là chán cái sự đời :

Trót đà tay đã nhúng chàm

Dại rồi còn biết khôn làm sao đây ?

Thôi thì cũng nhờ các cụ nào có cách giải quyết êm đẹp thì mách bảo cho, tôi cần cố gắng và biết ơn và xin hậu tạ. Phần tôi, tôi chỉ biết thở dài và tự đốt ngực than rằng “lỗi tại tôi mọi đàng, lỗi tại tôi mọi đàng”. Ông bà ta từ ngày xưa đã phán “sướng con c. mù con mắt”. Bây giờ tôi thấy câu nói đó là một chân lý. Các cụ có đồng ý như vậy không ?

Người bán cung quên dĩ vãng

Vương Sinh quê làng Thượng Mỹ, Huyện Xuyên Đào, nằm dưới chân dãy Trường Sơn. Nhà nghèo, cha mẹ mất sớm, năm 18 tuổi đã lập gia đình. Thị Hảo, vợ Sinh, người cùng làng là một người đàn bà chất phát, chiều chồng, chí thú làm ăn. Sản nghiệp của hai người chỉ gồm dăm ba sào ruộng, một mảnh vườn con con trồng hoa màu phụ và hai con trâu. Cuộc sống bình dị theo ngày tháng trôi đi.

Sinh là một người có chí lớn, chàng không muốn chôn vùi cuộc đời mãi mãi nơi ruộng rẫy nương khoai này với dăm ba sào ruộng, con trâu, mảnh vườn. Chàng thấy cuộc đời sẽ là vô nghĩa nếu không làm được một điều gì đó để cứu nước, giúp đời.

Nghe bạn bè mách bảo, trên núi Trung Sơn về phía Tây dãy Trường Sơn có một người bán cung vô địch thiên hạ. Đó là sư tổ Bắc Phong, một thời lừng lẫy trong chốn giang hồ võ lâm, nay đã lui về ẩn dật. Sinh bèn nghĩ với Thị Hảo bằng lòng cho chàng đi học bán cung để mong sau này cứu nước giúp đời. Thị Hảo gạt phăng ý định ấy, viện lẽ nhớ thương, đơn chiếc. Sinh nói mãi, Thị Hảo mới xiêu lòng. Bèn gom góp bạc tiền, từ giã vợ, bà con, bằng hữu trong làng ra đi.

Đường đi lên núi Trung Sơn lắm nỗi gian nan. Sau hơn một tháng trèo đèo, lội suối, một mình một bóng làm bạn với cây cỏ, thú rừng, Sinh cũng đã tìm đến được đỉnh Trung Sơn. Đây là đỉnh núi cao nhất trong vùng. Sinh có thể phóng tầm mắt nhìn bao quát chung quanh, sương mù che phủ. Khí từ núi đá tỏa ra lạnh thấu xương. Sinh lần từng bậc đá đến cửa động, nơi ẩn dật của sư tổ Bắc Phong. Phong cảnh hữu tình, trời, mây, cây cỏ, rừng núi bao la, Sinh thấy lòng nhẹ thênh thang như đã rời cõi tục. Giây phút, Sinh đã đến động. Cửa động là hai tấm đá lớn khép kín. Dây rừng leo chung quanh trông rất âm u, ghê rợn. Sinh nhìn quanh, thấy có một sợi dây như là dây chuông dẫn vào bên trong động. Chàng bước tới giật mạnh. Đứng chờ. Thời khắc trôi qua. Bỗng, Sinh giật mình khi nhìn thấy một tiểu đồng, tóc để ba chõm như Na Tra từ một cánh cửa nhỏ khuất lấp ở phía bên trái động bước ra. Tiểu đồng đến trước mặt Sinh, hỏi:

- Thí chủ là ai ?

Đáp :

- Tôi là Vương Sinh, quê làng Thượng Mỹ...

Tiểu đồng ngắt lời :

- Đến đây làm gì, muốn gặp ai ?

- Nghe danh sư tổ Bắc Phong ẩn dật nơi này, tôi tìm đến thụ giáo nghề bán cung ngõ hầu sau này xuống núi cứu nước giúp đời. Hãy xin tiểu đồng vào bạch cùng sư tổ thỉnh nguyện của tôi.

Tiểu đồng nhìn Sinh một lúc lâu rồi nói :

- Hãy đợi tại đây.

Nói xong, tiểu đồng thoăn thoắt đi vào. Sinh tháo bị vải đặt xuống đất, ngồi tựa lưng vào vách đá chờ đợi. Không biết thời gian trôi qua bao lâu, lúc tiểu đồng trở ra bảo Sinh đi theo vào trong động thì bóng tối cũng đã bắt đầu buông xuống. Đường vào trong động tối om, tiểu đồng đi trước, tay xách ngọn đèn nhỏ, ánh sáng toả ra chập chờn, hiu hắt. Đi quanh co một hồi, tiểu đồng dẫn Sinh đến đứng trước mặt một người mặc áo cà sa, ngồi ôu vị thế hoa sen, trên một phiến đá lớn, hai mắt nhắm nghiền. Tiểu đồng bước tới, vòng tay thưa :

- Kính bạch sư phụ, thí chủ đã đến.

- Tiểu đồng, hãy lui.

Sinh giật mình, giọng nói của Bắc Phong sư tổ như tiếng chuông đồng. Hai mắt của sư tổ vẫn nhắm lại. Giây lát, Bắc Phong sư tổ mở mắt ra, nhìn Sinh, hỏi :

- Sao biết mà đến đây ?

Sinh cung kính :

- Nghe danh sư phụ đã từ rất lâu. Chỉ những mong được thọ giáo là mãn nguyện một đời. Kính mong sư phụ chấp nhận cho đệ tử được...

- Cần có sự kiên nhẫn và lòng thành.

Sinh đáp :

- Hành động băng rừng, vượt suối, lặn lội hơn tháng qua để đến đây đã chứng tỏ lòng thành của đệ tử.

- Được.

Bắc Phong sư tổ nhận Sinh làm đệ tử truyền nghề bắn cung kể từ hôm đó.

Hai năm đầu tiên, Bắc Phong dạy Sinh cách nhắm, cách lắp tên, tháo tên, cách kéo và buông giây cung v.v...Kế tiếp, Bắc Phong dạy Sinh cách bắn những mục tiêu từ tĩnh đến động, gần đến xa.

Năm năm thọ giáo, Sinh đã chứng tỏ cho Bắc Phong thấy tài nghệ của chàng không thua kém sư phụ bao nhiêu, nếu không muốn nói là bằng hoặc hơn. Sinh có thể giương cung bắn trúng bất cứ mục tiêu nào trong chớp nhoáng. Bắc Phong rất hài lòng về sự thành công của người học trò. Ông dự trù cho Sinh xuống núi giúp đời trong một ngày gần đây. Riêng về phần Sinh, chàng lầy lẫm tự mãn về tài nghệ của mình. Sinh nghĩ thầm : "Trên cõi đời này chỉ có thể có một anh hùng chứ không thể có hai. Một là ta, hai là Bắc Phong sư tổ chứ không thể hiện diện cùng lúc cả hai người trên thế gian này được".

Với ý nghĩ đó, Sinh đã rắp tâm tìm dịp để hạ Bắc Phong. Ngày nọ, Bắc Phong dẫn Sinh ra sau núi để duyệt lại những bí quyết sau cùng. Sinh thừa cơ lúc Bắc Phong ngoảnh mặt đi nơi khác,

bèn lấp tên vào cung ngắm bắn sư phụ của mình. Bất ngờ, Bắc Phong quay lại, thấy hành động của Sinh, ông biết người học trò này đã phản bội. Ông cũng biết rằng Sinh bắn rất giỏi, nếu sơ suất có thể chết dưới tay Sinh. Vì thế, ông lấp tên vào cung và chờ đợi...bởi vì ông hiểu rằng nếu hai người cùng bắn một lúc thì nhất định cả hai sẽ chết. Do đó, ông chờ cho mũi tên của Sinh bắn ra rồi ông mới ngắm mũi tên của Sinh mà bắn lại. Hai người bắn giỏi đến nỗi hai mũi tên chạm vào nhau, rơi xuống đất. Cuộc thư hùng giữa thầy và trò vẫn tiếp diễn trong cảnh mũi tên này của Sinh bắn đi, mũi tên kia của Bắc phong bắn lại đúng ngay vào mũi tên của người bắn trước rồi rơi xuống. Đến đây, Sinh còn một mũi tên, Bắc Phong sư tổ đã hết nhẵn. Sinh mừng thầm trong bụng, cố nhắm cho thật chính xác để kết liễu. Khi mũi tên cuối cùng rời khỏi cây cung của Sinh bay đến Bắc Phong, Sinh thấy Bắc Phong đã dùng cây cung còn cầm trên tay, ông xoay người quay một vòng và bằng cách nào không rõ, mũi tên Sinh bắn đến đã bị ông dùng cây cung hất tung lên, bay trên không rồi bay ngược về phía Sinh, lao thẳng xuống đâm toạc vào vệt áo bên phải của chàng. Sinh đã làm, không ngờ Bắc Phong còn một ngón tuyệt kỹ cuối cùng mà ông không dạy chàng. Biết mình không tránh được cái chết, Sinh quý xuống :

- Đệ tử xin chịu chết. Sư phụ hãy ra tay.

Bắc Phong sư tổ từ từ tiến tới trước mặt Sinh đang quỳ, ông cười ha hả rồi nói :

- Nếu muốn giết nhà ngươi thì với ngón đòn sau cùng ấy, ta đã giết rồi. Ta biết nhà ngươi muốn trở thành một anh hùng vô địch trong thiên hạ, nhưng nhà ngươi làm. Trên cõi đời này còn có biết bao anh hùng tài giỏi hơn ta. Ta chỉ là một hạt cát trong bãi sa mạc.

Sinh ấp úng :

- Thừa sư phụ...

Bắc Phong ngắt lời :

- Nhà ngươi đừng nói thêm một lời nào nữa. Được rồi, không những ta tha chết cho nhà ngươi mà sau đây ta còn tiến cử ngươi đến một vị tổ sư khác tài giỏi hơn ta gấp vạn lần để thọ giáo. Đó là Hoàng Thủ lão tổ, người đang ngụ tại núi Trung Lương cách đây hai ngày đường về phía Bắc. Đây, ta viết cho nhà ngươi mấy lời, hãy cầm lấy đem đến trình với lão tổ Hoàng Thủ và nói là đệ tử của ta. Nhà ngươi hãy đi ngay đi kéo ta đổi ý thì...mệt !

Sinh đành gạt nước mắt tạ từ sư phụ ra đi. Theo đúng hướng dẫn của sư phụ, Sinh đi ròng rã hai ngày thì đến núi Trung Lương, cao ngất trời, quanh năm mây mờ bao phủ. Khi Sinh đến dưới chân núi Trung Lương đã thấy lão tổ Hoàng Thủ cùng một đám, đệ tử khoảng 4 người, đang luyện tập võ nghệ. Sinh tiến đến vái chào vị cao niên có vẻ tiên phong đạo cốt mà chàng cho đó là lão tổ Hoàng Thủ :

- Kính bạch lão tổ, đệ tử là học trò của Bắc Phong sư tổ, xin đến quỳ dưới chân lão tổ để thọ giáo.

Hoàng Thủ lão tổ nhìn Sinh từ đầu xuống đến chân một lúc rồi hỏi:

- Nhà ngươi là đệ tử của Bắc Phong ?

- Kính bạch lão tổ, phải.

Sinh nói rồi thò tay vào túi áo lấy bức thư của Bắc Phong ra trình cho Hoàng Thủ lão tổ. Tuyệt

nhiên, Sinh không hề dǎ động gì đến việc chàng đã định giết Bắc Phong và đã được tha chết.

Hoàng Thủ lão tổ hỏi :

- Nhà ngươi chuyên về môn gì ?
- Kính bạch lão tổ, đệ tử chuyên về bắn cung.
- Nhà ngươi hãy thử tài cho ta xem.

Hoàng Thủ nói xong câu ấy, đưa tay chỉ một đàn nhạn đang bay trên trời và bảo Sinh hãy dùng cây cung mà bắn. Sinh vâng lời, giương cung ngắm bắn đàn nhạn. Chỉ một loáng, tất cả đàn nhạn đều rơi xuống đất, không sót một con.

Hoàng Thủ gật gù :

- Nhà ngươi bắn như thế cũng đã là khá lắm. Nhưng nhà ngươi hãy xem ta bắn đây.

Nói xong, Hoàng Thủ lão tổ cúi đầu nhìn xuống đất. Chờ cho một đàn nhạn khác bay qua, đang cúi mặt xuống đất, Hoàng Thủ bỗng ngược mặt nhìn lên đàn nhạn. Lạ lùng thay, đàn nhạn rơi xuống đất tức thì.

Sinh vô cùng kinh ngạc. Hoàng Thủ lão tổ giải thích cho Sinh biết rằng đó là môn "Quang Lực", nghĩa là dùng lực của đôi mắt mà làm cho mọi vật bất động. Môn học này đòi hỏi nhiều công phu tôi luyện. Sinh thích quá, ngỏ ý muốn xin học về môn Quang Lực ấy. Lão tổ đồng ý nhận Sinh làm đệ tử và truyền dạy Sinh môn học về xử dụng lực của cặp mắt.

12 tháng đầu tiên, lão tổ bắt Sinh mỗi ngày 10 tiếng đồng hồ, nằm trên một phiến đá bằng phẳng, rất lạnh và mắt phải hoàn toàn nhắm lại. Hai năm kế tiếp, lão tổ bắt Sinh tập nhìn bằng đôi mắt của mình. Suốt ngày, Sinh ra sau núi nhìn cảnh vật. Tập trung đôi mắt nhìn vào một vật nào đó, cứ nhìn, nhìn mãi cho đến khi vật ấy nhỏ dần rồi biến mất đi. Rồi lại tiếp tục nhìn cho đến lúc vật ấy lại hiện ra rồi lớn dần dần lên, lớn mãi che khuất hoàn toàn tầm mắt. Khi Sinh đã tập cái nhìn của mình đạt đến trình độ ấy rồi, lão tổ mới truyền dạy Sinh chính thức môn "Quang Lực".

Đến cuối năm thứ 5 kể từ ngày thọ giáo với Hoàng Thủ lão tổ - năm thứ 10 kể từ lúc từ giã gia đình đi học bắn cung -, Sinh đã có thể xử dụng đôi mắt của mình mà làm bất động hoàn toàn mọi vật chàng mong muốn. Một con trâu đi ngang qua, chàng nhìn nó, lập tức nó đứng im ngay. Một con chim đang bay, nhìn một cái, chim rớt liền xuống đất. Và cũng kể từ ngày Sinh chú tâm luyện tập môn Quang Lực nói trên, chàng không còn nhớ gì đến cây cung nữa. Hình ảnh cây cung đã hoàn toàn biến mất trong tâm trí Sinh.

Lão tổ Hoàng Thủ thấy Sinh đã đủ sức xuống núi giúp đời, bèn kêu Sinh lại nói :

- Nay ta thấy tài nghệ của con đã chín. Con đã đủ sức gánh vác việc đời. Vậy, ngày mai ta cho con xuống núi. Ta đã rời xa hồng trần từ lâu, không còn thiết tha gì đến thế sự nhưng ta biết rằng xã hội mà con sẽ ra gánh vác đó rất nhiều nưong. Con phải giữ cho tâm được ổn, lòng cho ngay và nghịch tặc phải sớm được tiêu trừ.

Sinh về lại mái nhà xưa. Dân làng Thượng Mỹ tiếp đón Sinh thật linh đình. Mọi người đều hãnh

diện là từ đây trong làng có một người như Sinh đi học bắn cung thành tài trở về cứu nước giúp đời. Suốt một tháng liên tiếp, ngày nào Sinh cũng được hết người này đến người khác mời dự tiệc để gọi là mừng đãi người học bắn cung trở về.

Một hôm, vị xã trưởng mời Sinh đến dự tiệc do xã khoản đãi. Đến tuần rượu thứ tư, đã ngà ngà say, Sinh chợt nhìn thấy trên vách tường căn nhà của vị xã trưởng có treo một cây cung. Sinh thấy hình ảnh đó quen thuộc quá nhưng chàng không biết nó là cái gì. Chàng nhìn cây cung để cố nhớ nhưng càng nhìn thì chàng chỉ thấy nó nhỏ dần rồi biến mất. Bỗng chốc lại thấy hiện ra và lớn dần lên. Cây cung, vật mà Sinh đã theo học xử dụng trong thời gian 5 năm đầu tiên đã không còn ở trong tâm trí chàng nữa. Sinh bèn quay sang nói với vị xã trưởng, tay chỉ về phía cây cung :

- Vật này là cái gì mà tôi thấy quen quá nhưng tôi không biết gọi tên nó là cái gì.

Viên xã trưởng nghe Sinh hỏi, rất ngạc nhiên. Ban đầu, ông tưởng Sinh hỏi đùa, hỏi giỡn chơi vậy thôi nhưng khi nhìn nét mặt có vẻ nghiêm trang của Sinh thì ông lại nghĩ thầm : "Mẹ kiếp, đúng là cái thằng xác láo và kiêu ngạo. Mà đi học bắn cung trong suốt 10 năm trời mà còn vờ vờ, vịt vịt..." Nghĩ thế nên viên xã trưởng cười nhạt, vẻ khinh bỉ, trả lời Sinh :

- Mặc dù tôi không có được cái điểm phúc đi học bắn cung như cậu

đã theo học ròng rã suốt 10 năm qua nhưng ít nhất tôi cũng biết gọi tên cái ấy là cây cung chứ ?

Câu chuyện đến đây thì hết. Người viết xin thú nhận là bất lực,

không biết kết luận ra sao cho hợp với lẽ trời. Và chuyện này được viết theo lời kể của một bậc tổ sư, cũng chỉ có ngần ấy mà thôi.